

BÁCH KHOA

SỐ 77 — NGÀY 15.3.1960

KHẢO-LUẬN

NGUYỄN-KHẮC-XUYÊN:	Tự-diễn Việt-Bồ-La.
HOÀNG-MINH-TUYNH:	Thái-độ hòa-hoãn của Kơ-Rút-Sốp.
PHẠM-HOÀNG	Chức « người » của mỗi người
NGUYỄN-HIẾN-LÊ	} Đính-chính sử-liệu Việt - Nam (góp ý cùng học - giả Trung-Quốc Tưởng-Quân-Chương).
NGUYỄN-HỮU-NGU	
PHẠM-QUANG-LỤC	
NGUYỄN-HIẾN-LÊ	Champollion.
ĐOÀN-THÊM	Xếp lại từ sách.
CÔ-LIÊU	Albert Camus.
NGUYỄN-NGỌC-NÊ	Báo-chí và văn-đề chính-tả.

VĂN-NGHỆ — SINH-HOẠT

NGUYỄN-NGU-Í	55 câu hỏi của cuộc phỏng-vấn (II).
N.G. nữ-sĩ	Trưng-Nữ-Vương
BÙI-KHÁNH-ĐÀN	Xuân dạ — Mộng
PHAN-VĂN-TẠO	Đi xem đá banh.
CÔ PHƯƠNG-THẢO	Điền-sách: Kim-thiền.
KIM-TUẤN	Lời linh hồn.
KIỀU-YIÊU	Cô Tiêm (dịch Liêu-trải).
HUY-LỤC	Những nẻo đường đất nước.
NGUYỄN	Kẻ bất khuất.
VŨ-NGHI	Ông Quên Xa.

RƯỢU: — Rượu Âu mạnh *Eau de Vie cu* "40° và 50°"
 — Rượu Tàu *"Lao-Mạnh-Tu"*
 — Rượu Tàu *"Tch-Tho-Tu"*

SI-RÔ *"Verigoud"*:

— Si-rô Cam, Quýt, Chanh, Bưởi.

DẤM THẬT NGON 6° :

— Dấm *Distarome*

Distilleries

de L'INDOCHINE



NƯỚC HOA và DAU
 THƠM ***"D.I.C."*** :

— Naturelle — Fougère
 — D. I. C. 5 — Lavande
 — Stella

ĐỀU CÓ BÁN KHẮP NƠI

Mọi giao dịch về thương mại, xin do :

ở NAM-PHÂN: HÃNG RƯỢU BÌNH-TÂY (S.F.D.I.C.)

135, đường Pasteur — SAIGON

ở TRUNG-PHÂN: CÔNG TY THƯƠNG MẠI, KỸ NGHỆ và TIÊU CÔNG NGHỆ
 (S.I.C.A.) — 32, Bến Bạch-Đằng — ĐÀ-NANG

HÃNG RƯỢU NHIÊU-BÁ

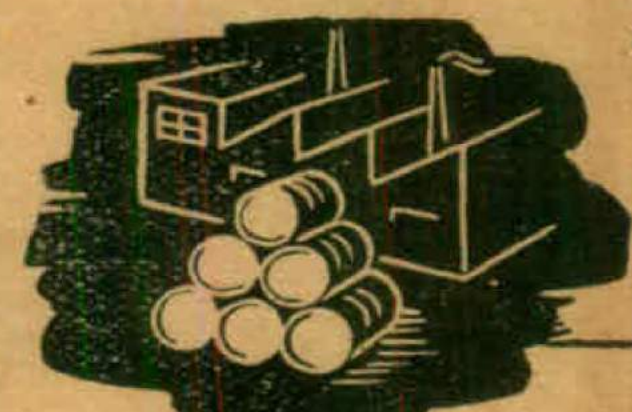
6, đường Hoàng-Hoa-Thám — NHA-TRANG



Để dùng vào
KỸ - NGHỆ
NÔNG - NGHIỆP
và **TRONG NHÀ**

CÔNG-TY SHELL VIỆT-NAM

xin giới thiệu cùng
Quý Ngài những hoá-phẩm
do dầu hỏa chế ra.



Chất để pha trộn,
Acétone, glycérine, toluène



Xà-bông nước hoá-học



Thuốc sát-trùng bột như Dieldrin,
Aldrin, Endrin, trừ các loài
sâu bọ cắn hại mùa màng



Hơi Butagaz để đun bếp
vừa sạch-sẻ, vừa tiện lợi



Thuốc sát trùng Shelltox, mùi
dễ ngửi, giết ruồi, muỗi... rất nhạy



NHỮNG GIẢM GIÁ ĐẶC BIỆT
TRÊN NHỮNG ĐƯỜNG BAY TRONG XỨ

CỦA

VIỆT - NAM HÀNG - KHÔNG

1) *Giảm giá gia-đình 15 %* trên vé bay cho hành-khách trong một gia-đình đi chung nhau và gồm có ít lắm :

- 3 người lớn
- 2 người lớn và 2 trẻ em từ 3 đến 12 tuổi
- 1 người lớn và 4 trẻ em từ 3 đến 12 tuổi

2) *Giảm-giá cho các đoàn nghệ-sĩ và thể-thao :*

- 15 % trên giá vé khứ-hồi cho những đoàn ít lắm là 5 người
- 20 % trên giá vé khứ-hồi cho những đoàn ít lắm là 10 người
- 25 % trên giá vé khứ-hồi cho những đoàn 15 người trở lên

XIN HỎI CHI TIẾT NƠI :

Tổng Đại-Lý VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG

116, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON

Đ. T. : 22.446-47, 21.624-25-26

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES
GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632-21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20. Boulevard Norodom (Ex 20. Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(HỘI NẶC DANH VỚI SỐ VỐN 400.000.000 QUAN)

Chi-nhánh tại SAIGON

29, Bến Chương-Dương

Điện thoại: 23.434/35/36 — Địa-chi Điện-tín : Fransibank

Chi-nhánh phụ : Hẻm Eden, Saigon



TẤT CẢ CÔNG VIỆC NGÂN - HÀNG



Đại-diện các Ngân-Hàng trên thế-giới



*Ngân-Hàng thừa nhận do Viện Hối-Đoái
Quốc - Gia Việt - Nam*

**Mở các khoản tín-dụng về
Xuất-cảng — Nhập-cảng**

SẢN PHẨM CỦA HÃNG THUỐC



COTAB



VIRGINIE

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° 40 — SAIGON

BUREAUX

SAIGON-MARCHÉ : 178, đường Lê-thánh-Tôn

Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.

Tél. : 621

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON. KHANH-HUNG

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Cof fres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change.

NHÀ THUỐC

LÀ THÀNH

195 — 201, Đường Tự-Do — SAIGON

Điện-Thoại : 20.577 — Điện-Tín LATHANH — SAIGON

TỔNG PHÁT HÀNH ĐẶC CHẾ

Các Viện Dược-Phẩm danh tiếng:

- LEDERLE (Huê-Kỳ)
 - GLAXO (Anh-Quốc)
 - LILLY (Huê-Kỳ)
 - SQUIBB (Huê-Kỳ)
 - PHILIPP ROXANE (Hòa-Lan)
 - SCHERING (Huê-Kỳ)
 - AMBRINE (Pháp-Quốc)
 - DE ANGELI (Ý-Đại-Lợi)
 - DON BAXTER (Huê-Kỳ)
 - ỒNG CHÍCH
 - và
 - KIM CHÍCH
- } « IDEAL »
 (Huê-Kỳ)

ĐẶC CHẾ NỘI HÓA :

- IODOPHEDRINE « MUS »
(Thuốc suyễn)
- BANCAMYD (Trị ban cầm trẻ em)
- ELIXIR ANTICHOLERIQUE et ANTIDIARRHEIQUE « MUS »
(Trị tiêu chảy, thiên thời, đau bụng, ói mửa kiết lỵ, kiết đàm, kiết máu)
- SIROP PECTORAL « MUS »
(Thuốc ho)
- MUSTONIC (Thuốc bổ)
- SIROP BEBEMUS (An thần trẻ em)
- ANTIMYCOSE « MUS » (Trị lông ben)
- VERMI « MUS » (Trị sán lải)
- HEPATOMUS (Trị bệnh gan)
- LINIMUS (Dầu thoa bóp)
- CORRICIDE « MUS » (Trị mắ cá)
- CORTAL
(sous licence STERLING)

Tiếp đãi ân cần — Bào chế kỹ lưỡng theo toa Bác-sĩ
CÓ ĐỦ : Dược-phẩm — Dụng-cụ y-khoa — Hóa-học phẩm

VINACO

35, đường Phủ-Kiệt — SAIGON

ĐẠI-LÝ ĐỘC-QUYỀN :

XE XÌ-CÚT-TƠ VÀ
XE BA BÁNH
MÁY MAY ĐIỆN
VÀ ĐẠP CHÂN
QUẠT ĐIỆN
VÀ MÁY BƠM NƯỚC
MÁY CHỮ, MÁY TOÁN
MÁY VIỄN ẮN
MÁY BƠM NƯỚC
MÁY GHE, TÀU
PHÂN HÓA-HỌC

LAMBRETTA
NECCCHI
MARELLI
OLIVETTI
LOMBARDINI
MONTECATINI

CREDIT FONCIER ET IMMOBILIER

Anciennement Crédit Foncier de l'Indochine



78, Rue Hai Bà Trưng
(ex. Paul Blanchy)

Tél : 21.067 et 21.068
SAIGON



TOUTES OPÉRATIONS IMMOBILIÈRES

BÁCH - KHOA

Số 77 — Ngày 15 - 3 - 1960

	Trang
NGUYỄN-KHẮC-XUYÊN	<i>Tự-diễn Việt-Bồ-La</i> 3
HOÀNG-MINH-TUYNH	<i>Thái-dộ hòa-hoãn của Kơ-Rút-Sốp</i> 9
PHẠM-HOÀNG	<i>Chức « người » của mỗi người</i> 18
NGUYỄN-HIẾN-LÊ NGUYỄN-HỮU-NGƯ PHẠM-QUANG-LỤC	} <i>Định-chính sử-liệu Việt-Nam (góp ý cùng học-giả Trung-Quốc Tưởng Quán-Chương)</i> 19
NGUYỄN-HIẾN-LÊ	<i>Champollion</i> 32
ĐOÀN-THÊM	<i>Xếp lại tử sách</i> 39
CÔ-LIÊU	<i>Albert Camus</i> 46
NGUYỄN-NGỌC-NÊ	<i>Báo-chí và vấn-đề chính-lĩa</i> 52
NGUYỄN-NGƯ-Í	<i>55 câu hỏi của cuộc phỏng-vấn (II)</i> 57
N.G. nữ-sĩ	<i>Trung-Nữ-Vương</i> 68
BÙI-KHÁNH-ĐÀN	<i>Xuân-dạ — Mộng</i> 69
PHAN-VĂN-TẠO	<i>Đi xem đá banh</i> 70
Cô PHƯƠNG-THẢO	<i>Điểm-sách : Kim-tiền</i> 76
KIM-TUẤN	<i>Lời linh hồn</i> 82
KIỀU-YIÊU	<i>Cổ Tiêm (dịch Liêu-trai)</i> 83
HUY-LỤC	<i>Những nẻo đường đất nước</i> 88
NGUYỄN	<i>Kẻ bắt khuất</i> 91
VŨ-NGHI	<i>Ông Quân Xa</i> 105

BÁCH-KHOA

Trong những số tới

- | | | |
|------------------|---|--|
| HOÀNG-MINH-TUYNH | : | <i>Trường hợp Marie Noel : Một biến cố trong giới Văn-học và Thần-học.</i> |
| NGUYỄN-VĂN-HẦU | : | <i>Nguyễn-Công-Minh, một nhà thơ miền Nam có danh hồi đầu thế-kỷ.</i> |
| NGUYỄN-QUANG-LỤC | : | <i>Cao-Biền</i> |
| THÁI-VĂN-KIỀM | : | <i>Tìm dấu cây Bạch-Mai</i> |
| NGUYỄN-TRẦN-HUÂN | : | <i>Thành tích 50 năm khoa học.</i> |
| ĐOÀN THÊM | : | <i>Thơ sáng, thơ tối</i> |
| NGUYỄN-HIỂN-LÊ | : | <i>Mustapha Kémal</i> |
| CÔ-LIÊU | : | <i>Thanh-niên Pháp</i> |
| PHÚC-SA | : | <i>Nhân dịp sứt giá lúa...</i> |
| H. Đ. | : | <i>Nghề xuất-bản với loại sách Tết cho thanh-thiếu-nhi bên Pháp.</i> |
| VÕ-QUANG-YẾN | : | <i>Cung trăng đôi mặt</i> |
| TRẦN-VĂN-KHÊ | : | <i>Nhân đọc bài « Trống cơm » của ông Nguyễn-Tiến-Chiêu.</i> |
| NGUYỄN-NGU-Í | : | <i>Thử bàn về vài cái « nhỏ nhặt lật vạt » chưa giải-quyết trong chữ Việt : chữ ghép (viết có gạch nối, viết dính, viết rời) ; cách viết tên người, tên đất, chức tước ; cách viết âm i...</i> |
| VŨ-HẠNH | : | <i>Gỗ quý. (truyện ngắn).</i> |
| PHAN-DU | : | <i>Một món nợ (truyện ngắn).</i> |
| MINH-HỮU | : | <i>Truyện kể cho người vợ chưa cưới (truyện ngắn).</i> |
| VŨ-TRUNG | : | <i>Vĩnh (truyện ngắn)</i> |
| VÕ-PHIẾN | : | <i>Ngày Xuân êm đềm (tùy bút)</i> |
| NGUYỄN-VĂN-XUÂN | : | <i>Khách (truyện vui)</i> |

NHÂN 300 NĂM LỄ GIỖ GIÁO-SĨ ĐẮC-LỘ, 1660 - 1960 :

LƯỢC - KHẢO

về cuốn tự - điển

VIỆT - BỒ - LA

(1 6 5 1)

NGUYỄN-KHẮC-XUYỀN

NĂM 1651 là năm khai-sinh chính-thức của chữ quốc-ngữ hay chữ Việt phiên-âm, bởi vì năm đó ba cuốn sách căn-bản đã ra đời : cuốn sách giáo-lý La-Việt hay « *Phép giảng tám ngày* .. » cuốn *Văn-pháp Việt-ngữ* bằng tiếng la-tinh và cuốn *Tự-diễn Việt-Bồ-La*. Nếu trong một vài sách giáo-khoa hoặc văn-chương, người ta có đề-cập tới sách « *Phép giảng tám ngày*... » thì ít người đã đề ý khảo-cứu về cuốn *Tự-diễn*. Sau đây chúng tôi xin so-lược trình-bày về bộ sách quý-hóa đã đánh dấu những bước đầu trong sự tiếp-xúc giữa Âu-Châu và Việt-Nam vào thế-kỷ thứ XVII.



Tự-diễn Việt-Bồ-La của giáo-sĩ Đắc-Lộ đã do thánh-bộ Truyền-giáo tại Rôma cho xuất-bản năm 1651. Việc này chứng tỏ sự quan-hệ và thận-trọng, bởi vì chính Tòa-thánh đã đứng ra đảm-đương phát-hành cũng như truyền-bá. Thực ra, để hiểu cữ-chỉ ấy, người ta phải đề ý tới công-cuộc mà thánh-bộ đang theo đuổi tại miền Đông-Nam-Á-Châu vào cuối thế-kỷ 16 và 17 : công-hố tin-mừng Phúc-âm và đạo Ki-Tô trong những địa-phương xa-xôi này, trong đó kể cả nước Việt-Nam. Mà ngõ hầu chu-toàn sứ-mệnh cao-cả ấy, không thể nào không cố-gắng học-hỏi các ngôn-ngữ, tiếng nói của người

BÁCH KHOA LXXVII

bản-thổ. Những cuốn tự-diễn thật đã là một dụng-cụ làm việc rất thiết-yếu. Nói cho đúng, trong khi thánh-bộ Truyền-giáo lo việc truyền-bá đức tin Ki-Tô giáo thì thế-lực thương-mại của người Bồ-Đào-Nha rất thịnh-hành ở những miền này. Bởi thế, thứ tiếng dùng để chuyển-ngữ thời đó chính là tiếng Bồ, chứ chưa phải là tiếng Anh, tiếng Hòa-Lan hay tiếng Pháp. Cho nên, chúng ta đã thấy cái công-dụng kép, một công đôi việc của cuốn tự-diễn : Việt-Bồ và Việt-La vậy.

Rôma 1632

Cuốn tự-diễn của giáo-sĩ Đắc-Lộ không phải là tác-phẩm đầu tiên do thánh-bộ Truyền-giáo cho in và phát-hành tại Rôma, trong công cuộc truyền-bá tôn-giáo. Người ta được biết rằng : giáo-hội Công-giáo Rôma, từ thời thánh Phanchicô Xavie, đã chú-trọng tới nước Nhật và con cháu đảo Phù-Tang. Chính các cha

Dòng Tên, trước khi đến nước Việt-Nam truyền-bá đạo Ki-Tô, các ngài đã hoạt-động rất nhiều tại Nhật. Bởi vậy mà năm 1632, tại Rôma, cũng trong nhà in riêng của thánh-bộ Truyền-giáo, đã thấy phát-hành một cuốn *tự diễn La-Bồ-Nhật*, khổ 4 với 353 trang, mỗi trang hai cột. Dĩ-nhiên, chúng ta không thể so-sánh hai công việc, song chúng ta thấy quí cái công-trình soạn cuốn Việt-Bồ-La hơn nhiều, bởi vì đây mới là cách thâu-thái đến triệt-để một ngôn-ngữ văn-tự, như giáo-sĩ Đắc-Lộ đã làm.

Amacusa 1595

Nếu cuốn tự-diễn La-Bồ-Nhật in tại Rôma năm 1632 là tác-phẩm của một người Dòng họ Đố, Didacô Gollado, thì tại Nhật, ở tỉnh Amacusa, năm 1595, các giáo-sĩ Dòng Tên đã cho phát-hành cuốn *Tự-diễn La-Bồ-Nhật* thứ nhất ; cuốn sách đánh dấu cuộc tiếp-xúc giữa Âu-Châu và Nhật-Bồn thế-kỷ XVI. Ngoài mục-dịch

PHẠM-HOÀNG sưu-tập.

Danh ngôn, danh lý THUẬT TỒ-CHỨC

- ★ Trước khi ra lệnh để chỉ-huy, phải sắp đặt mọi việc cho chu-đáo.
- ★ Việc có dự trước thì làm mới nên được (Trung-dung).
- ★ Một đại tá không chỉ-huy 3.000 người, một trung tá không chỉ-huy 1.000 người, một đại-úy không chỉ-huy 250 người. Đại-tá chỉ-huy ba tiểu đoàn, trung tá chỉ-huy bốn đại đội, đại-úy chỉ-huy bốn trung đội. Ta không nên quên như vậy.
Ta phải giáo-luyện người thuộc quyền trực-tiếp, và chỉ-huy qua sự trung gian của họ, nhất là không nên làm công việc của họ, vì làm công việc của họ, ta sẽ không làm được công việc của ta. (De Maud'huy).

giao-thiệp nhân-loại và thương-mại giữa hai dân-tộc, người ta còn thấy cứu-cánh tôn-giáo. Bởi vì nhờ cuốn sách này mà các giáo-sĩ người Âu học biết tiếng Nhật và người Nhật, nhất là những thanh-thiếu-niên muốn dâng mình giúp việc truyền-giáo hay trở nên tu-sĩ trong đạo Ki-Tô, học tiếng La-Tinh, một ngôn-ngữ chính-thức trong giáo-hội Công-giáo Rôma.

Trung-Hoa 1584-1588

Trở lên nữa, người ta đã gặp thấy một cuốn tự-diễn nữa, song lần này là bản viết tay, chứ không phải sách in, đó là bộ *Tự-diễn Bồ-Hoa* vào những năm 1584-1588 do hai giáo-sĩ Ruggieri và Ricci soạn. Các nhà Trung-Quốc-học đã cho bộ sách này là bộ sách Âu-Hoa đầu tiên. Như chúng tôi đã có dịp đề-cập tới, tự-diễn Bồ-Hoa này gồm có 124 tờ, tức 248 trang, mỗi trang chia thành 3 cột: một cột là chữ Bồ, cột thứ hai là Hoa-ngữ phiên-âm hay la-tinh-hoa, và cột ba là chữ Hán. Thực ra Hoa-ngữ phiên-âm ở đây chưa được hoàn-hảo, bởi vì chưa có các ký-hiệu để chỉ các thanh.

Việt-Nam trước 1651

Như vậy, trước khi cuốn tự-diễn của giáo-sĩ Đắc-Lộ ra đời, thì chung quanh nước Việt-Nam chúng ta, đã thấy phát-hiện mấy bộ tự-diễn Bồ-La-Nhật, Bồ-Hoa, như trên chúng ta đã biết. Song người ta phải công-nhận rằng, mấy cuốn trên đều lấy gốc ở Bồ, còn sách của giáo-sĩ Đắc-Lộ đã bắt đầu từ Việt-ngữ. Thực ra, Đắc-Lộ không phải là người thứ nhất đã soạn tự-diễn. Trước ông đã có hai nhân-vật khác. Hai nhân-vật ấy là Gaspar d'Amaral và Antonio Barbosa.

Vị thứ nhất đã soạn cuốn tự-diễn Việt-Bồ và vị thứ hai đã viết cuốn Bồ-Việt. Song cả hai đã tịch sớm, nên chưa có cơ-hội cho xuất-bản. May thay, giáo-sĩ Đắc-Lộ đã được tham-khảo và sử-dụng cả hai bộ đó để soạn thành tác-phẩm bất-diệt ký tên mình. Cho nên, nếu ngày nay, chúng ta không được biết hai tác-phẩm kia, mặc dầu mọi sự tìm kiếm, song tên hai vị đã được nêu lên chính trong bộ tự-diễn của Đắc-lộ, như đề ghi công hai vị đã có sáng-kiến khởi-thảo hai bộ tự-diễn Việt-Nam đầu tiên.

Cho nên, chúng ta có thể quả-quyết rằng: bộ tự-diễn Việt-Bồ-La của cha Đắc-Lộ không phải là một sự-việc lẻ-loi, nhưng nằm trong một hoàn-cảnh chung, như chúng tôi đã nói ở trên, đó là hoàn-cảnh đang xúc-tiến một đảng về việc truyền-bá Ki-Tô-giáo tại miền Đông-Nam Á-châu, và đảng khác về những tiếp-xúc đầu-tiên giữa Á-châu và Âu-Châu. Thực ra tiếp-xúc này đã khởi-đầu với nước Bồ và đế- quốc thuộc-địa của Bồ vào cuối thế-kỷ XVI và đầu thế-kỷ XVII.

Cuốn tự-diễn Việt-Nam đầu tiên

Như chúng tôi đã nói ở trên, tự-diễn Việt-Bồ-La của giáo-sĩ Đắc-Lộ đã phát-hành tại Rôma năm 1651 do thành-bộ Truyền-giáo, cùng với hai tác-phẩm khác nữa cũng của cha Đắc-Lộ.

Cuốn sách gồm 645 trang khổ 4. Sau mấy trang đầu bằng la-ngữ kinh dâng các vị giáo-chủ trong thánh-bộ Truyền-giáo, đến lời tựa « nói cùng độc-giả ». Nếu trong mấy trang kính đề lên các vị giáo-chủ, tác-giả đã đề-cập tới ý-nghĩa thần-học về các ngôn-ngữ trong

thiên-hạ và việc cần-thiết phải rao-giảng Tin mừng Ki-Tô-giáo trong khắp thế-giới và trong hết mọi ngôn-ngữ, thì trong bài tựa, tác-giả bàn tới mấy điểm thực-hành như sau. Trước hết ngài cho rằng Việt-ngữ là thứ tiếng nói của người Việt, không những dùng tại xứ Bắc cũng như miền Nam mà lại cả vùng Cao-Bằng. Hơn thế nữa, vẫn theo nhận xét của Đắc-Lộ, Việt-ngữ còn được sử-dụng tại mấy nước lân-cận như Chăm, Cao-Miền, Lào và Xiêm.

Điểm thứ hai thuộc về thực-hành. Tác-giả dụng-ý soạn bộ sách này để cho thanh-thiếu-niên Việt-Nam có thể học tiếng La-tinh và tiếng Bồ cách nhanh chóng. Thực ra, có lẽ thoát kỳ thủy, ngài chỉ biên-tập tự-diễn Việt-Bồ, như cuốn của giáo-sĩ Gaspar d'Amaral kể trên, và cũng như những bộ tự-diễn Bồ-Nhật hay Bồ-Hoa nói trên. Song, khi về Rôma tường-trình công việc truyền-giáo tại Việt-Nam, các vị giáo-chủ ở đó

đã tỏ ý muốn có một tự-diễn Việt-La để giúp vào việc học La-ngữ, cho nên ngài đã thêm phần La-ngữ vào (*Tự-diễn Việt-Bồ-La*, tr. 8).

Điểm thứ ba kể trong bài tựa, đó là những tài-liệu chính tác-giả đã dùng để soạn. Trước hết ngài cho biết là ngài đã lâu năm, 12 năm, theo học tiếng Việt không những tại xứ Bắc mà cả ở miền Nam. Trong công việc này, ngài đã được một giáo-sư lành nghề: cha De Lima, người Bồ, một vị tiên-phong trong sự học và nói tiếng Việt. Bởi vì vị này là người đầu tiên đã tự mình giảng bằng Việt-ngữ cho người Việt, chứ không dùng tới thông-ngôn như nhiều thừa-sai nào khác. Sau đó, giáo-sĩ đã thành-thật nói ra hai tác-giả đã soạn tự-diễn trước ngài. Hai cuốn đó, ngài đã dùng để hoàn-tất cuốn Việt-Bồ-La của ngài: đó là cuốn Việt-Bồ của Cha D'Amaral và Bồ-Việt của cha Barbosa, như trên chúng tôi đã viết.

Bồ câu hòa bình

Theo Thánh Kinh, sau nạn hồng thủy gây nên bởi những trận mưa như trút nước trong bốn mươi đêm ngày liên tiếp, khắp nhân loại, chỉ duy có ông Noé và gia tộc là được cứu-thoát trong một chiếc tàu lênh đênh trên mặt nước trong suốt nạn hồng thủy. Khi nước khởi sự rút, ông Noé cho thả một con quạ để thử coi mặt đất đã có nơi nào trời lên chưa, nhưng quạ bay đi mà không thấy trở lại. Sau đó, ông lại thả thêm một con bồ câu nữa, thì chỉ ít lâu sau, bồ câu trở về, ngậm ở mỏ một cành ô-liu báo sinh-hoạt đã trở về trên trái đất. Do đấy, bồ câu ngậm cành ô-liu được dùng làm biểu hiệu, tượng trưng cho hòa bình.

Theo cha Đắc-Lô thì hai vị trên đây, bởi mất sớm, nên đã chưa cho phát-hành tác-phẩm của mình được.

Sau bài tựa, bắt đầu bước vào tự-diễn chính-thức, từ chữ A cho tới chữ Xũ (cột 900). Mỗi trang chia làm hai cột và tất cả có 900 cột. Người ta nhận ra rằng: trong mỗi trang, sau chữ Việt thì tới lời cắt nghĩa bằng tiếng Bồ và cuối cùng là La-ngữ. Nhưng Việt-ngữ và La-ngữ đã được in bằng chữ đứng, còn Bồ-ngữ bằng chữ ngã.

Cuốn tự-diễn chưa kết-thúc, bởi vì sau phần gọi là phần chính này, lại còn một phần có thể coi là phần phụ. Phần này làm thành một thứ tự-diễn La-Việt. Không đánh số trang hay cột, tuy nhiên người ta đã đếm được 181 trang. Gọi là tự-diễn La-Việt, vì thực ra từ những chữ trong la-ngữ, người ta có thể biết về Việt-ngữ, như một cuốn tự-diễn thật. Song, sau tiếng hay chữ La-Tinh thì không có tiếng Việt tương-đối, song chỉ có ghi số cột trong phần tự-diễn chính-thức ở trên. Bởi vậy, tác-giả đã không gọi là « Tự-diễn » (Dictionarium) song là « Mục-lục La-ngữ » (Index latini sermonis). Chúng ta có thể nói được rằng đây là khởi-điểm của bộ tự-diễn La-Việt về sau. Thực vậy, người ta đã có sẵn tất cả các vần và các chữ trong La-ngữ, từ chữ « Abacus » tới chữ « Ziziphum ».

Cuốn Văn-pháp Việt-ngữ có phải là một cuốn riêng, hay chỉ là một phần trong cuốn Tự-diễn ?

Kể lần giở những trang sách tự-diễn còn giữ được trong các thư-viện, đã

nhận thấy điều này. Có 31 trang bằng tiếng La-Tinh để cắt-nghĩa về văn-pháp Việt-ngữ, nhan-đề là « Linguae annamiticae seu Tunchinensis brevis declaratio » (Lược-giải về Việt-Nam-ngữ hay Đông-Kinh ngữ), Đông-kinh đã thành Tonkin hay Tunchin, nghĩa là xứ Bắc nước Việt-Nam. 31 trang này, có khi được đặt ngay đầu bộ tự-diễn, nhiều khi lại đóng ở sau. Nhưng dù trước hay sau, thì số trang vẫn là những số trang riêng, chứ không kể với toàn bộ tự-diễn. Có lẽ, sau hay trước là tùy người đóng sách hay dùng sách. Nhưng đặt ngay đầu có lẽ hợp-lý hơn, bởi vì có thể coi, như những dòng đề đưa vào Việt-ngữ, để tìm hiểu đôi chút về văn-pháp của thứ tiếng xa lạ ấy, đối với Âu-Châu.

Song nếu đọc các sách của chính giáo-sĩ Đắc-Lô viết, thì người ta thấy rằng đó là một quyển riêng biệt, một cuốn văn-phạm Việt-ngữ biệt-lập. Trong cuốn « *Những cuộc Hành-trình và Truyền-giáo* » (Divers Voyages et Missions) « xuất-bản tại Paris năm 1653, cha Đắc-Lô viết :

« Từ khi tôi trở lại Âu-Châu, tôi đã cho in tại Rôma, do các vị tại bộ Truyền-giáo, một quyển *Tự-diễn Việt-La-Bồ*, một quyển *Văn-pháp* và một quyển *Giáo-lý*, trong đó tôi trình-bày phương-pháp diễn-giảng các màu-nhiệm trong đạo cho người lương-dân... » (tr. 74)

Ở đây tác-giả nói là quyển Việt-La-Bồ, song thực ra là Việt-Bồ-La. Còn quyển văn-phạm như thế, mặc dầu không in riêng và đóng riêng thành sách, song chính là một cuốn riêng-

LƯỢC-KHẢO VỀ CUỐN TỰ-ĐIỀN VIỆT-BỒ-LA

biệt, chứ không phải chỉ là một phần trong bộ tự-diễn. Người ta còn nhận thấy rằng nếu tự-diễn đã có một bài tựa riêng và số cột riêng, thì cuốn văn-pháp cũng có một bài tựa, một bài nhập-đề trước khi sang chương nhất, và như chúng tôi đã nói ở trên, quyền văn-pháp cũng có số trang riêng của mình.

Một tài-liệu khác, chưa bao giờ phát-hành, đã do chúng tôi sao-lục được tại viện Bảo-cổ thánh-bộ Truyền-giáo tại Rôma đã đến xác-nhận ý-kiến của chúng tôi. Theo bút-tích này, thì người ta được biết: giáo-sĩ Đắc-Lô đã đệ đơn thỉnh-cầu thánh-bộ trợ-cấp cho ngài và các đồng sự là những thừa-sai đã đi truyền-bá đạo tại Việt-Nam, một số tiền, bởi vì các ngài đã ở lại Rôma

ba năm để thu-xếp công việc của các giáo-đoàn xa-xăm và nhất là để lo toan in ba cuốn sách: một quyền văn-phạm, một bộ tự-diễn và một cuốn sách Giáo-lý. Như chúng tôi đã nói ở trên, việc xuất-bản ba bộ sách này đã do thánh-bộ đảm-đương, cho nên số tiền xin trợ-cấp này hẳn chỉ để chi-dụng vào việc sửa-chữa các bản-thủ và những việc phụ thuộc. Năm ghi trong bút-tích là năm 1652, nghĩa là một năm sau khi đã phát hành ba tác-phẩm trên. Cho nên, mặc dầu cuốn văn-phạm đã được in và đóng liền với quyền tự-diễn, song trong ý tác-giả, chính là một quyền riêng biệt vậy.

NGUYỄN-KHẮC-XUYỀN

KỶ TỚI: Máy đợc - điêm của bộ tự-diễn.

- ★ Trong sinh-hoạt quân-đội, người chuyên-môn thường không quan-trọng bằng người tổ-chức. Viên tướng Bazaine thất bại cay đắng chỉ vì đã làm công việc của một viên thượng-sĩ, như sửa chữa cách bắn, chỉ dạy thế bắn cho binh lính, mà không biết ra cho tướng lãnh ở xung quanh ông những mệnh-lệnh cần-thiết để phối-hợp hành-động và làm chủ tình-hình.
- ★ Người quân-tử chăm lo việc lớn, việc xa; kẻ tiểu-nhân chăm lo việc nhỏ, việc gần. (Tả-truyện).
- ★ Muốn xứng đáng với chức-vụ, người làm đầu phải biết tổ-chức công việc của mình và phải biết sắp đặt thì-giờ cần-thiết để giải-quyết những vấn-đề chính của một người cầm đầu, như phân-công một cách hợp-lý tùy theo khả-năng của mỗi người cộng-tác và phối-hợp hành-động tùy theo chủ ý phải thật hiện.
- ★ Bất luận làm việc gì, phải cần trọng ngay từ lúc khởi sự (Lễ-ký).



TÌM HIỂU NGUYÊN DO

THÁI-ĐỘ HÒA-HOÃN CỦA KƠ-RÚT-SỐP

HOÀNG-MINH-TUYNH
(biên-khảo)

Kơ-Rút-Sốp chủ trương đầu dũa không phải vì thật tâm muốn giảm bớt sự căng thẳng giữa hai phe mà cũng không phải vì chân-thành muốn có thỏa-thuận tạm thời giữa hai phe để chi-phối thế-giới trên địa-hạt nguyên-tử, vậy Kơ-Rút-Sốp công-bố chánh sách hòa hoãn nhằm mục-dịch gì ?

NHÀ ngoại giao cứng rắn của Hoa-Kỳ là ông Đơ-Lót (J. F. Dulles) tạ thế, tính đến nay đã được hơn mười tháng. Ngày ông tạ thế cũng là ngày chấm dứt một trong những giai đoạn đối địch gay go nhất giữa Đông và Tây, diễn hành liên tiếp trong mười lăm năm trường.

Nhờ chính sách « bên bờ vực » của ông, Đơ-Lót đã làm thất bại kỹ-thuật Xô-Việt muốn tạo ra những cuộc khủng hoảng để gây hoang mang trong hàng ngũ các nước Tây-Phương và nhân đây, bắt chẹt các nước này phải nhượng bộ. Phương pháp của nhà ngoại-giao Hoa-Kỳ đã chứng tỏ

thật có hiệu năng tại Kim-Môn, tại Li-Băng và người ta cũng sửa soạn đem phương pháp đó ra dùng để ứng phó với tối hậu thư trong vụ Bá-Linh. Các bộ tham-mưu Tây-Phương đã thiết lập xong kế hoạch tung những đoàn thiết giáp qua khu vực Xô-viết trong trường-hợp chính quyền Păng-Kốp (Pankov, Đông-Đức) thi hành tối hậu thư, cắt đứt đường liên lạc của Tây-Phương với Tây Bá-Linh.

Biến cố xảy ra lần này có chiều-thể làm cho nhiều người kinh ngạc và ai cũng chờ coi ông Kơ-Rút-Sốp sẽ làm cách nào để ra khỏi ngõ bí Bá-Linh; các nhà chuyên môn tiên đoán ông này sẽ phát động một cuộc chiến tranh lạnh tại một nơi nào đó trên hoàn cầu, và đa số nghĩ nơi ấy là I-Răng. Trái với mọi dự đoán, ông Kơ-Rút-Sốp đề nghị bác bỏ tối hậu thư về vụ Bá-Linh, nếu Tây-Phương chấp thuận cho ông qua du hành Mỹ-Quốc, để mở đầu một sách lược hòa hoãn, hưu tức.

Bởi đã quen với những mưu-tính bạo hành hơn là với những hành-vi biểu-hiện thiện chí của Liên-Xô, Tây-Phương lần này, có vẻ như hơi bối rối. Trước, người ta còn nghĩ đó chỉ là một cuộc nghỉ xả hơi. Nhưng rồi sau dấu hiệu này tới dấu hiệu khác, người ta thấy lần này hình như ông Kơ-Rút-Sốp có ý định đi khá xa trong cuộc thí-nghiệm hòa hoãn của ông: sau cuộc du-hành thân mật tại Hiệp-Chúng-Quốc, lời lẽ mật sát căm hờn trên các đài phát-thanh và báo-chí Xô-viết thấy im bật. Hiệp-Chúng-Quốc trở nên những « nước bạn thân-ái » của Liên-Xô, tối hậu thư về vụ Bá-Linh được bác bỏ không kỳ hạn, và cả trên các mặt trận thứ yếu, như An-Giê-Ri, các nhà lãnh-đạo thuộc đảng Cộng-sản cũng tỏ ra hết sức ôn-hòa.

Sự đổi chiều trên của người Xô-viết có ý nghĩa gì? Nguyên-nhân nào đã khiến ông Kơ-Rút-Sốp quyết định đánh nước cờ hòa hoãn, khác với xưa rày ông quen dùng

« Hãy cân Annibal »

Thi-sĩ trào phúng la-tinh Juvénal có câu thơ bắt đầu bằng hai tiếng: « Expende Hannibalem » (Hãy cân Annibal). Toàn câu thơ là « *Hãy cân Annibal, coi xem tro tàn của vị đại-tướng ấy nặng được bao nhiêu?* » Câu thơ trên ám chỉ cái uy-linh của ông đại-tướng bách chiến bách thắng của thành Carthage có lớn lao đến đâu chăng nữa, cũng sẽ tiêu diệt với cái thi hài đốt cháy ra tro của ông sau khi chết. Câu này còn thường dùng để chỉ tính-chất vô-thường của nhân-sự, nay còn mai mất.

chính-sách hăm dọa. Chuyển hướng mới giữa cuộc bang-giao Đông Tây chưa dừng những nguy cơ gì; nó có thể đem lại những thời cơ thuận lợi cho khối Tây-Phương không?

**« Chung sống hòa - bình »
không phải là « hòa-bình »**

Khối Tây-Phương từ mười lăm năm nay, thật sự, vẫn mong mỗi hòa-bình để được sinh sống và làm ăn yên ổn. Một phần lớn dư-luận rất muốn tin ông Kơ-Rút-Sốp, khi ông này mặt sát « bọn lạc hậu trong chiến-tranh lạnh » và công-bố khai-mạc kỷ-nguyên sống chung hòa-bình. Họ nghĩ rằng các mối xung đột đã được nung nấu và dung dưỡng quá lâu giữa hai phe thù địch, có lẽ đã cần đi tới chỗ đấu dịu với nhau, và nhân-loại đang tiến tới trên con đường thỏa thuận giữ thế-giới ở nguyên tình trạng hiện hữu.

Đâu là lý do của cuộc « tài binh tư tưởng » này? Có người cho lý do của cuộc tài binh trên nằm trong sự kiện Liên-Xô hiện đã ý-thức được hiểm-họa của một Trung-Hoa hiện lâm nạn nhân-mãn, ngày càng trở nên hùng-cường và đang đe dọa biên-thùy phía đông của Liên-Xô. Trước hiểm-họa đó, Liên-Xô muốn được ổn cố ở phía Tây. Nhiều người khác lại cho lý do nằm ở chỗ khác, nó nằm trong cuộc biến-chuyển nội-bộ của Liên-Xô hiện tại. Những người này nhận thấy dân Liên-Xô đã có triệu trứng muốn « tư sản hóa », với kết-luận rằng Liên-Xô cần có một khoảng thời gian thái-bình để xây-dựng sự phồn vinh và thỏa mãn nhu-cầu của những giai cấp

« đi lên ». Họ cho rằng ý chí xâm lược của người dân Liên-Xô đã bao nuốt lần lần từ ngày những máy giặt và máy lạnh được trưng bày la liệt trong tủ kính của các cửa hàng quốc-doanh.

Hai giả-thuyết trên đều không hẳn là sai. Nhưng chỉ căn-cứ nguyên vào hai giả-thuyết ấy để cắt nghĩa chính-sách hòa-hoãn của ông Kơ-Rút-Sốp là điều nguy hiểm. Ai cũng biết cuộc bang-giao giữa Liên-Xô và Trung-Quốc hiện nay có chỗ lung củng; hai cường-quốc lớn lao đường ấy không thể có một quan-điểm về mọi vấn-đề giống in nhau được. Chắc chắn Trung-Hoa cộng-sản không thể thỏa-mãn khi thấy mình bị gạt ra khỏi Hội-nghị tối cao và cũng chắc chắn Kơ-Rút-Sốp không coi những việc rắc-rối xảy ra giữa mình với các lãnh-tụ Trung-Hoa, quan-trọng và cần-thiết bằng sự xây-dựng cuộc sống chung hòa-bình. Tuy nhiên, có điều ta chớ nên quên là quyền lợi của hai cường-quốc vẫn còn có liên-quan mật-thiết với nhau và kết-thành một sợi giây bền chắc, mà những lý-do hiểm-khích nhau chưa đủ làm đứt ngay được. Sự hùng-cường của Liên-Xô một phần nhờ vào sự ủng-hộ của Trung-Hoa và Trung-Hoa vẫn cần phải trông cậy vào Liên-Xô để tiếp tục cuộc thí-nghiệm phát-triển kinh-tế của mình. Đó là chưa kể mối thống-nhất của hai chế-độ cùng theo một hệ-thống tư-tưởng là tư-tưởng cộng-sản: cả hai chế-độ cũng nhìn thế-giới qua một thứ kính giống nhau. (1)

Ngoài ra, trong nội-bộ Liên-Xô, triệu chứng nổi lên một giai-cấp ưu-tiên ham

(1) Xin coi « Liên-bang Xô-viết và Trung-Hoa cộng-sản, đồng tình hay tương khắc? » Hoàng-Minh-Tuynh biên-khảo, Bách-Khoa số 66 và 67.

thích vật-chất đã thấy hiển hiện rõ ràng. Tuy nhiên, không thể nhân đây mà kết-luận được rằng người công-dân Xô-viết hiện nay đã sẵn-sàng đánh đổi vinh-quang lấy chiếc tủ lạnh. Nói vậy là cho rằng người công-dân Xô-viết đã được tự-do định-doạt số mệnh họ, trong khi sự thật họ không được tự-do chút nào. Hiện nay, chính Đảng vẫn nắm giữ mọi trong mọi sự lựa chọn, và chính ông Kơ-Rút-Sốp vẫn là người điều-khiển Đảng. Ta cũng nên nhớ công cuộc phóng Spounik và Lunik là những thứ tuy dân-chúng Xô-viết không trực-tiếp tiêu-thụ được, nhưng đã gây âm-ba ghê-gớm trong đầu óc họ. Do đây, lúc này, chưa thể nghĩ được rằng sự « tư sản hóa » của dân-chúng Xô-viết đã lên tới mức có thể làm giảm tính-chất xâm-lược của hệ-thống tư-tưởng Cộng-sản, và bắt buộc nước Nga phải tìm hãm chính-sách phát-dương thế-lực của họ lại.

Trong số những người không coi thái-độ của người Xô-viết là một chuyển-hướng cương-quyết và dứt-khoát, có người lại nghĩ rằng nguồn gốc chính-sách hòa hoãn của Liên-Xô là ở chỗ hai cường-quốc lớn đã kết thúc ngăm với nhau một thỏa-hiệp để tránh sự mở rộng cái « Cơ-lớp hạt nhân ». (1) Hai nước muốn mau mau thỏa-thuận về nguyên-tắc tài binh để ngăn cản các nước khác đang lăm le muốn thử trái phá nguyên-tử hầu sửa soạn bước chân vào cái « cơ-lớp » trên. Họ cho việc Kơ-Rút-Sốp long-trọng tuyên-bổ trước Liên-Hiệp-Quốc kế-hoạch tài-binh đại-qui-mô là bằng-cứ cụ-thể chứng tỏ giả-thuyết của họ là đúng.

Thật ra, cuộc hòa hoãn phát sinh lúc này không phải do một thỏa hiệp tài-binh giữa hai nước lớn. Hai nước lớn này vẫn còn có thể giữ đặc-quyền về tiến-bộ kỹ-thuật, trong một thời gian khá lâu nữa; không những họ có thể giữ đặc-quyền trong địa-hạt vô-khí nguyên-tử chiến-lược và chiến-thuật, mà trong cả địa-hạt phóng hỏa-tiến liên hành-tinh. Tỷ dụ nước Anh thật rõ ràng: nước Anh tuy đã chế-tạo được trái phá nguyên-tử, nhưng đã phải thờ rốc khi thử chế tạo những khí-cụ cần-thiết để phòng loại trái phá trên. Trường hợp nước Pháp còn rõ ràng hơn; và đây cũng sẽ là trường-hợp của các nước sau muốn lao mình vào cuộc thi đua vô khí nguyên-tử. Hơn thế; chưa chắc người Nga đã thật tâm muốn khép cửa « Cơ-lớp hạt nhân » và không muốn cho ai vào đó nữa. Họ hẳn hài lòng khi thấy vô-khí nguyên-tử của người Anh đã gieo rắc trong nội-bộ Tây-Phương nhiều nỗi khó khăn, và những nỗ lực của người Pháp muốn len lõi vào hàng ngũ các nước có chân trong « Cơ-lớp hạt nhân » cũng làm tăng không-khí khó thở trong nội-bộ Tây-Phương không ít. Tất cả những « lũng-cũng nội-bộ » đó làm lợi cho Liên-Xô nhiều hơn một thỏa-hiệp tài-binh nhiều phần. Chắc chắn, ngày kia, Liên-Xô cũng sẽ lâm vào cảnh ngộ của Đồng-minh muốn khép cửa. « Cơ-lớp hạt nhân », đối với những nước vệ-tinh của họ khi các nước này tiến tới chỗ chế-tạo được vô-khí nguyên-tử, như nước Trung-Hoa, song Liên-Xô vẫn tin mình có thể giữ sự cố kết trong « phe xã-hội chủ-nghĩa » và vượt các nỗi khó khăn dễ dàng hơn phe dân-chủ.

Dù sao, kinh-nghiệm vẫn chứng tỏ, chỉ khi hai phe đối nghịch trong trận chiến-

(1) Club nucléaire.

tranh lạnh bót mỗi hiểm nghi nhau thì mới cùng nhau đi tới chỗ nói chuyện tài-bình thật sự với nhau được. Không thể nào có tài-bình mà không có kiểm-sát, và cứ như hiện-tình, chưa có phương-pháp kiểm-sát nào có đủ bảo đảm để cho hai phe có thể yên lòng phá hủy các xưởng chế-tạo vũ-khí của mình. Chỉ vài hỏa-tiến nguyên-tử còn sót lại ở một trong hai phe là đủ để cho phe này tiêu diệt được phe kia trong chớp mắt vậy.

Lý-do thật của chính-sách hòa-hoãn

Kơ-Rút-Sốp chủ trương đầu đũa không phải vì thật tâm muốn giảm bớt sự căng thẳng giữa hai phe mà cũng không phải vì chân thành muốn có thỏa thuận tạm thời giữa hai phe để chi phối thế-giới trên địa-hạt nguyên tử, vậy Kơ-Rút-Sốp công-bố chính sách hòa hoãn nhằm mục đích gì?

Trước hết, Liên-Xô nhận xét thấy rất rõ rệt, trong tình trạng chiến lược quân-bình hiện tại và trong một thời gian khá lâu nữa, chiến tranh không thể nào xảy ra được. Liên-Xô, nhờ vũ khí nguyên-tử và hỏa-tiến liên hành tinh, đã cạnh tranh đặc-lực được với vòng bủa vây của Hiệp-chúng-quốc thiết lập chung quanh lãnh địa họ bằng những giàn hỏa-tiến đáng sợ. Tuy nhiên, Liên-Xô cũng hiểu rằng một cuộc chiến tranh, vạn nhất có xảy ra, sẽ gây nên những phá-hoại không thể lường được và chắc chắn sẽ không tương xứng với kết quả mong đợi chút nào.

Hơn nữa, Kơ-Rút-Sốp cũng đã nhìn nhận một cách long trọng rằng: « Thế-giới hiện nay không phải là một miếng đất thuận

lợi cho những cuộc phiêu lưu trong sách lược đối ngoại. » (do Sir William Hayter thuật lại; Sir W. Hayter, nguyên đại sứ Anh-quốc tại Liên-Xô và sau đó, thứ trưởng Bộ ngoại-giao Anh-Quốc, là một nhà quan sát quốc-tế rất tinh thông). Và ông kết luận: chỉ còn có một đường: sống chung. Ông giải thích lập trường của ông rất rõ rệt trong bài báo ông cho đăng trong tạp chí Foreign Affairs trước khi qua Hiệp-Chúng-quốc. Ông viết: « Chỉ có hai đường, hoặc chiến tranh, nhưng phải nói ngay rằng chiến tranh ở thời đại hỏa-tiến và trái phá khinh khí này, sẽ gây ra những hậu quả tai hại nhất cho hết mọi dân tộc, hoặc sống chung hòa bình. » Điều ông Kơ-Rút-Sốp đề nghị rất mực giản dị, đó là « từ bỏ việc coi chiến tranh là phương-tiện để giải quyết các vấn-đề còn đang ở trong vòng tranh chấp. »

Trong đề nghị trên, chúng tôi xin lưu ý độc-giả về mấy điểm đặc biệt:

1.) Từ bỏ chiến tranh, không có nghĩa là từ bỏ đấu tranh trên các địa-hạt khác. Ông Kơ-Rút-Sốp có nói: « Chúng tôi, những người Cộng-sản, chúng tôi tin chắc lý tưởng Cộng-sản, rút cuộc, sẽ toàn thắng trong thế-giới, cũng như nó đã toàn-thắng trong nước chúng tôi, toàn thắng tại Trung-Quốc và tại nhiều nước khác nữa. Đối với phe Cộng-sản, vấn-đề chỉ là đặt cuộc đấu tranh trên một địa-hạt khác, địa-hạt thi đua kinh-tế giữa hai hệ-thống tư-bản chủ nghĩa và xã-hội chủ nghĩa »; và vấn-đề không phải là từ bỏ việc phá-hoại nội-bộ các nước khác như ông Kơ-Rút-Sốp đã báo trước rõ ràng cách đây mấy tuần lễ: sống chung hòa bình không có nghĩa là giảm bớt hoạt động của các đảng Cộng-sản tại các nước tư bản chủ nghĩa.

2.) Đề-nghị của Kơ-Rút-Sốp chứng tỏ ông ý thức rõ rệt thật tẻ của thế-giới hiện nay và tinh-thần ông rất mực thẳng băng : ông khác hẳn các lãnh-tụ độc-tài như Hit-Le dám đem cả một dân-tộc tới chỗ tự sát để thật hiện kế-hoạch của mình.

3.) Đề-nghị của Kơ-Rút-Sốp chứng tỏ các nhà lãnh-đạo Xô-viết đã dứt bỏ một cương yếu trong lý-thuyết Cộng-sản. Từ khởi-nguyên cách-mệnh Mác-xít, các nhà lãnh-đạo Cộng-sản vẫn tin rằng chiến-tranh là « bà mẹ » (bà đỡ) tốt nhất của tiến bộ xã-hội » theo cách nói của Lê-Nin. Điều đó không chỉ đúng đối với chiến-tranh giữa phe xã-hội chủ-nghĩa và phe tư-bản chủ-nghĩa, mà còn rất đúng với chiến-tranh trong nội-bộ phe tư-bản chủ-nghĩa, phát sinh do sự va chạm giữa các đế-quốc với nhau. Lý-thuyết trên đã được xác nhận trong cuộc thế-giới chiến-tranh thứ hai. Cuộc xung đột quyền lợi giữa các nước Âu-châu với nhau quả đã giúp cho mục-tiêu của người Xô-viết tiến tới vượt mức và đem lại kết-quả mà chính Xi-Ta-Lin cũng không ngờ trước được.

« Bởi chiến-tranh không thể xảy ra giữa Đông và Tây và bởi sự đe dọa của người Xô-viết chỉ làm cho các nước Tây-Phương cố kết, tổ hợp với nhau thành một khối rắn chắc, đến nỗi hai nước có mối tử thù truyền-thống với nhau là Đức, Pháp còn tìm được đường lối thỏa hiệp với nhau, chúng ta nên làm gì để đối phó với thế-giới thật tẻ đang ở trong một tình-trạng như vậy ? Chính thật là để ra khỏi cái ngõ bí trên mà Kơ-Rút-Sốp đã tung ra cái chiến dịch hòa hoãn : « Bởi không thể có chiến-tranh, nên chúng ta không nên đặt chiến-tranh

vào trong toan tính của chúng ta nữa. Song chúng ta còn một khi-giới, khi-giới đó là sự khoan hòa. Phe Tây-phương, do sự đe dọa của chủ-nghĩa cộng-sản, đã liên-kết được với nhau, nay nếu sự đe dọa ấy không còn, thì liệu sự liên-kết ấy có tồn tại nữa không ? Mỗi nước tất sẽ hành-động theo ý muốn riêng mình và thời cơ sẽ tới với những kẻ nào tỉnh táo nhất ».

KƠ-RÚT-SỐP ĐÁNH NƯỚC CỜ « QUỐC-GIA CHỦ-NGHĨA » ÂU-CHÂU

Mưu toan của Kơ-Rút-Sốp gặp một cơ-hội rất mực thuận-tiện trên mảnh đất Âu-châu, vì Liên-minh Đại-Tây-Dương hiện đang trải qua một cơn khủng-hoảng trầm-trọng. Lý-do của cơn khủng-hoảng này nằm trong hiện-tượng phát-triển rực rỡ của mấy nước Tây-Phương về phương-diện kinh-tế và chiến-lược. Cuộc phục-hưng của các nước này tất nhiên đem theo sau nó một ý-chí độc-lập cứng rắn hơn đối với kẻ xưa rầy vẫn được coi là lãnh-tụ của cả khối Tây-Phương là Hiệp-Chúng-Quốc :

1.) Trên phương-diện chiến-lược, vô-khí nguyên-tử càng được phổ-cập thì tinh-thần tự-trị của các nước trong khối càng rõ-rệt và càng gay go hơn, nhất là địa-vị đặc-biệt của Mỹ-Quốc (theo luật Mac-Mahon) đã từng phen làm « nóng mắt » nhiều nước liên-minh vẫn bị người ta từ chối cung cấp tài-liệu và tin tức tối mật của Xô-viết về nguyên-tử. Anh-Quốc đã đánh nước cờ riêng của họ từ ngày có trái phá nguyên-tử. Và cuộc du hành của Mắc-Mi-Lơn (Mac-Millan) qua Mạc-Tư-Khoa cũng là một cách

họ dùng để tỏ rõ họ muốn nói lớn tiếng trong hội-ng nghị các nước. Pháp-Quốc cũng đang khởi sự của cửa quây theo gương Anh-Quốc, sau tiếng nổ ở sa-mạc Sahara.

2.) Phát-triển kinh-tế, cũng theo một chiều hướng như trên. Sau bao nhiêu năm tiếp nhận viện-trợ của Mỹ-Quốc, Âu-Châu đã trở lại phần vinh, tránh khỏi được áp-lực trực tiếp của nước này. Chứng cớ là vàng và ngoại-tệ hiện đang từ Hiệp-Chúng-Quốc chuyển sang các ngân hàng quốc-gia Âu-châu rất nhiều. Trong nhiều giới, người đã bắt đầu nói tới việc thiết-lập Âu-Châu thành một lực-lượng kinh-tế thứ ba, độc-lập đối với hai khối. Sự chia cắt Âu-Châu thành Âu-Châu sáu nước và Âu-Châu bảy nước đã là cơ-hội rất thuận-lợi cho cuộc vận dụng gây rối của Liên-Xô ; sự chia cắt toàn thể Âu-Châu tách rời khỏi Hiệp-Chúng-Quốc chắc lại là sự kiện thuận-lợi cho cuộc âm mưu phân tán của Liên-Xô hơn nữa.

3.) Do ảnh-hưởng của những yếu-tố chiến-lược và kinh-tế trên, cục-diện chính-trị Âu-Châu cũng khởi sự mang một hình-thái mới. Việc tướng Đờ-Gôn (De Gaulle) lên nắm chính-quyền tại nước Pháp đã ít nhiều minh chứng ý-chí độc-lập của Âu-Châu trên bình-diện chính-trị. Từ trước, chỉ duy Anh-Quốc được người Mỹ coi là lãnh-tụ của Âu-Châu, nên họ đặt Anh-Quốc vào địa-vị của kẻ Đồng-minh được ưu đãi nhất và mối quan hệ của họ đối với Âu-Châu vẫn luôn luôn căn cứ vào cách dãi ngộ đặc biệt này. Hiện nay, ít ra đã có hai nước muốn đăng tên để được đóng vai lãnh-tụ Âu-Châu ; cả nước Anh và nước Pháp đều cùng muốn coi mình là phát ngôn nhân của các quốc-gia trong Đại-

lục Âu-Châu. Ta phải công nhận : sự tranh giành địa-vị đó chắc hẳn không có lợi gì cho cuộc phối-trí và điều hòa chính-sách của Minh-ước Đại-Tây-Dương lắm lắm.

Hơn thế, cuộc đua tranh biểu dương khí lực của Âu-Châu đó lại nổ ra giữa lúc có những người lên tiếng kêu gào ở Hiệp-Chúng-Quốc đòi Hiệp-Chúng-Quốc phải rút lui khỏi Âu-châu để không dính dự gì đến việc của Âu-Châu nữa. Tình trạng trên, người ta có thể ngăn nó khẩn trương, nếu sự đe dọa của Liên-Xô còn là một hiểm họa ở các biên thủy Âu-Châu ; trái lại, một khi Liên-Xô quyết định thi hành chính-sách hòa hoãn, chúng ta tự hỏi người ta sẽ làm cách nào để chặn nó lại được ?

Kơ-Rút-Sốp vốn là người rất tinh quái, ông ta không bỏ lỡ dịp lợi dụng cơ hội hiểm có này. Dùng chính-sách hòa hoãn để điều đình, ông đã thu hoạch được nhiều kết-quả. Hiện giờ Minh-ước Bắc Đại-Tây-Dương đã bị trúng hai mũi tên chí tử : một mặt nước Anh nắm giữ được việc tự kiểm vũ khí nguyên tử, cương quyết muốn được « *tự chủ, tự lập* » ; một mặt nước Pháp, rút Thủy, Lục, Không-quân ra khỏi Minh-ước và cấm thiết lập căn cứ hỏa-tiến trên lãnh địa, nhất định muốn được « *tự lực, tự-do* ».

Đáng lẽ phải đối phó với một phát ngôn nhân duy nhất của Tây-Phương, Kơ-Rút-Sốp đã đạt tới chỗ chia rẽ được họ và nói chuyện với riêng từng người một : với ông Mác-Mi-Lơn khi ông này du hành qua Mạc-Tư-Khoa, với Tổng thống Ai-Xen-Hao trong cãng Đa-Vít (camp David) và với tướng Đờ-Gôn tại nước Pháp, trong tháng ba này. Sự phối trí không phải

đã mất hẳn trong khối Tây-Phương, nhưng thật ra sự phối trí đó không còn được chặt chẽ như trước đây nữa. Tuy nhiên, có điều nguy hại hơn thế, đó là khối Tây-Phương đã bắt đầu nghi ngờ nhau. Người Âu-Châu thì nghi ngờ Tổng thống Ai-Xen-Hao đã điều đình trực tiếp với người Nga qua đầu họ; người Đức và người Pháp thì nghi ngờ người Anh đã âm mưu ủng hộ một vài hình thức « rút chân » có hại cho quyền lợi của họ; nước Pháp thì nghi ngờ hết mọi nước khác và tổ cáo các nước này không để cho họ được ở vào một địa vị xứng đáng với họ.

Tây-Phương còn một bửu bối

Do đây, ta thấy rõ chính sách hòa hoãn là chính sách Liên-Xô chủ tâm muốn dùng để gây thắng lợi cho họ và họ coi chính sách hòa hoãn có lợi cho họ hơn kỹ-thuật hăm dọa nó đã tới lúc không còn hiệu lực như xưa. Nhờ chính sách này, Liên-Xô sẽ có nhiều khả năng vận dụng để gây rối trong một thế-giới Tây-Phương đang ở giai đoạn biến chuyển sâu xa. Người Nga kiếm cách lợi dụng tình trạng bất đồng, bất hợp của Tây-Phương trên mọi điểm, và rình chực từng kẽ hở để lừa ngón tuyên truyền vào mà phá mỗi đoàn kết thống-nhất Đại-Tây-Dương.

Cứ như hoàn cảnh hiện nay, ta thấy khó lòng Tây-Phương có thể trở lui lại mà lập nổi được một Minh-ước Đại-Tây-Dương cố kết như trước nữa. Phát triển tự nhiên của động lực Âu-Châu đã phá vỡ cái mộng tưởng ấy rồi. Mỗi bang giao giữa các nước Tây-Phương hiện tới một

giai đoạn khó khăn, trong đó người Tây-Phương phải khôn khéo, già giặn lắm mới tránh khỏi cuộc xung đột, phá hoại lẫn nhau. Tuy nhiên, nếu Tây-Phương ý-thức sâu đậm được hiểm họa trên, thì tình trạng cũng không đến nỗi bi đát và họ vẫn còn có nhiều khả năng để vận dụng mà đối-kháng thắng-lợi được...

Trước hết họ phải mau lẹ cải-tổ lại Minh-ước Bắc Đại-Tây-Dương theo một tinh-thần mới và phải kể đến những yếu-tố mới, những tiến triển mới của các nước hội viên. Dù Hiệp-Chúng-Quốc có muốn nắm quyền điều-khiển tới cao nữa cũng được, miễn đồng thời họ đừng làm nản lòng các nước Âu-Châu muốn chế-tạo trái phá nguyên-tử ngay tại Âu-Châu. Trong một bản báo cáo gần đây của người Mỹ về tình-hình tiến-triển trong mỗi bang-giao Mỹ-Quốc Âu-Châu, có đoạn viết: « Muốn cho Âu-Châu trở thành một người bạn chắc chắn và tin cậy trong Minh-ước, cần phải làm sao cho họ có được một tiềm lực nguyên-tử chiến-lược ». Và, trong một phạm-vi ngắn, hẹp hơn, cần phải trang-bị cho Âu-Châu những vũ-khí nguyên-tử chiến-thuật để họ có khả-năng làm thối chí mọi mưu toan xâm-lược của người Nga. Trong công cuộc tự-vệ đó, Âu-Châu phải được tự-do hành-động hơn, và phải được tham-gia Minh-ước với một tánh cách rộng rãi, thiết thật, bình-đẳng hơn. Sự cải-tổ Minh-ước để đối phó với chính-sách hòa-hoãn của Liên-Xô trên, chỉ mới là biện-pháp đầu, và là biện-pháp tự-vệ.

Tình-thế còn có thể để cho Tây-Phương đi xa hơn nữa trong một tác-động tấn-công.

Ko-Rút-Sốp tính dùng sự hòa-hoãn để gây xung-đột trong nội-bộ Tây-Phương, thì sao Tây-Phương lại không thể dùng sự hòa-hoãn để gây động-loạn trên điểm yếu ớt của hệ-thống Xô-viết là Đông-Âu?

Các sự việc đã xảy ra tại Hung-Gia-Lợi, các sự việc đang xảy ra tại Ba-Lan, chứng tỏ các dân-tộc này hiện đang rên xiết dưới ách Cộng-sản. Đối với các nước này, bao lâu ngẩng nhìn về phía Tây có nghĩa là ngẩng nhìn về phía Minh-vước Bắc Đại-Tây-Dương do Mỹ cầm đầu và thao túng, thì người Nga vẫn cảm chân được các nước vệ-tinh một cách dễ dàng. Song nếu ngày mai đây, Ba-Lan ngẩng nhìn về phía Pháp

mà thấy Pháp lấy lại được một phần độc-lập của mình đối với Mỹ và thấy Pháp có chính-sách riêng của Pháp, thì bây giờ tình hình hẳn sẽ có thể đổi khác, và Liên-Xô giá có muốn can thiệp, cũng chưa chắc đã dám thẳng tay? Khi ấy thì có gì ngăn cản việc hai Âu-Châu đi tới chỗ thâm nhập, thống-nhất với nhau và lập thành một khối cố-kết, có động lực mạnh nhất đủ để bảo-toàn toàn-thể Tây-Phương?

HOÀNG-MINH-TUYNH

(Theo tài-liệu của Réalités, số 109, tháng hai 1960 : Le plan soviétique, của Jean-Louis Clément).

- ★ Trong các buổi nhóm họp, người lãnh-đạo nên cố tránh một điều, là nói nhiều quá. Người lãnh-đạo ưa nói về mình mà không biết đề cho người dưới nói, thường khó lòng biết rõ được công chuyện, và có điều tai hại hơn, là dễ làm mất sáng kiến của những kẻ dưới quyền.
- ★ Lúc đáng nói mới nói. (Luận ngữ)
- ★ Tự cho mình là giỏi thì tai không được nghe lời khôn, lẽ phải nữa. (Gia-ngữ)

« Ta là công dân La-Mã »

« Ta là công dân La-Mã » (Civis sum romanus), đó là câu P. Gavius nhắc lại cho viên Tổng - đốc La-Mã Verrès khi viên này ra lệnh bắt trói P. Gavius và đánh đòn bằng roi, tại công trường Messine — P. Gavius có ý nhắc cho Verrès biết y đã xâm phạm tới quyền lợi của người công dân La-Mã, và như vậy là y đã vi phạm luật pháp La-Mã vậy (Cicéron, Des supplices, 62).

dòng tư tưởng...

« CHỨC NGƯỜI » CỦA MỖI NGƯỜI

Tôn-trọng bản-vị người ở trong mỗi người không phải là việc khó-khăn, khi tư-tưởng hành-vi của người hợp với ta.

Tôn-trọng bản-vị người ở trong mỗi người trở nên một việc khó-khăn, khi tư-tưởng hành-vi của người khác với ta, và càng trở nên khó-khăn hơn nữa, khi tư-tưởng hành-vi ấy trái với ta, hoặc trái với đạo-lý xưa nay ta vẫn tin-tưởng.

Trong trường-hợp sau này, ta có khuynh-hướng coi người xấu-xa nhiều khi như thú-vật, hoặc độc-ác nhiều khi như ma quỷ, và đối-xử với người như người là thú vật thật hay ma quỷ thật.

Nếu ta thật biết tôn-trọng bản-vị người ở trong mỗi người, ta phải coi chức người ở trong mỗi người không bao giờ mất, cả khi người khác với ta, trái với ta, với đạo lý tới đâu chẳng nữa. Người có thể xâm-hại, tàn-sát, ta có thể trừng-trị, tiểu-trừ — nhiều khi trừng-trị, tiểu-trừ là nhiệm-vụ khàn-thiết — nhưng bao giờ cũng phải coi họ là người, là những kẻ, dù sao, vẫn còn toàn vẹn chức người và có quyền đòi ta dãi-ngộ với chức người. — Ki-Tô giáo quan-niệm chức người rất cao cả. Ki-Tô giáo coi đó là chức của con cái Thiên Chúa, đã được mua chuộc bằng máu của Thiên Chúa và được mời gọi kết hợp thành thân-thể mẫu-nhiệm của Thiên Chúa : « Thiên Chúa làm người để loài người làm Thiên Chúa ».

Đó là việc khó-khăn. Song đó chính lại là việc khiến cho mọi chủ-nghĩa nhân-bản có một nghĩa-lý và một giá-trị, hay đúng hơn, có nghĩa-lý và giá-trị của một chủ-nghĩa có hiệu-năng giải-phóng nhân-loại.

PHẠM-HOÀNG

ĐÍNH - CHÍNH SỬ - LIỆU VIỆT - NAM

nhân một bài báo của
học giả Trung-quốc Trương-Quân-Chương

Bài của Ông NGUYỄN-HIỂN-LÊ
và của Ông NGUYỄN-HỮU-NGŨ

NHẬT báo Tự - Do ngày 29-2-1960 đăng một bài nhan đề là: Một học-giả Trung Quốc với vấn-đề đính chính sử-liệu Việt Nam do ông Trương-Công-Cừu đề xướng tại Đài-Loan. Một học-giả Trung - Quốc với vấn-đề đính chính sử liệu Việt Nam do ông Trương-Công-Cừu đề xướng tại Đài-Loan. Tác-giả bài đó, ông Quang-Triết giới thiệu rồi dịch một bài của giáo-sư Trương-Quân-Chương, một sử gia Trung-Hoa, đăng trong nhật báo Trung-Uơng, xuất bản tại Đài-Loan ngày 26-1. Ông Chương hoan-nghênh ý-kiến của ông Trương-Công-Cừu là nên đính chính lại ngay những đoạn sử của Việt-Nam cũng như của Trung-Hoa mà có hại cho hai dân tộc.

Đọc xong bài đó, chúng tôi rất thông cảm với hai ông Chương và Cừu (1). Đề nghị của hai ông rất hợp thời. Chỉ còn có hai tháng nữa là các cường quốc họp nhau ở Ba-Lê để quyết định vận mạng

của thế-giới ; lúc này mà các nước đàn em chúng ta không đoàn kết nhau lại thì còn đợi lúc nào nữa ? Cái thiện chí của hai ông, ai đọc bài báo đó cũng nhận thấy. Nhưng phương pháp đính chính của ông Chương có chỗ chúng tôi chưa được hiểu rõ, vài lý lẽ và sự kiện của ông đưa ra, chúng tôi không đồng ý nên phải viết bài này, chắc không tránh được đôi chỗ sơ sót vì chúng tôi không phải là nhà chuyên môn về sử.

(1) Chúng tôi thấy cần sao lại đoạn sau đây để bạn đọc rõ nguyên-nhân vấn-đề : « Trong buổi đàm thoại, chiều ngày 17 tháng 1 [1960] giáo-sư Cừu đã nói : « Những sử sách Việt-Nam biên soạn trong hồi Pháp-thuộc có ghi chép nhiều đoạn lịch-sử, rất bất lợi cho Trung-Hoa mà hiện nay vẫn còn sử dụng. Và những sử sách của Trung-Hoa, phải chăng cũng có những đoạn thuật lại những điều bất lợi cho Việt-Nam, tôi mong rằng đôi bên sẽ căn cứ theo thực sử để đính chính lại, ngõ hầu gạt bỏ mọi quan niệm sai lầm giữa hai dân-tộc ta, đừng gây nên tình tương thân tương ái. »

Chúng tôi nghĩ chỉ có hai cách viết sử : một là tôn trọng sự thực, chỉ chép sự thực, sự thực hoàn toàn, chỗ nào chưa chắc là sự thực thì đặt làm nghi vấn ; hai là phụng sự một đường lối nào đó chẳng hạn đề cao tinh thần ái quốc hoặc đề đả đảo một chính thể lỗi thời như vậy thì có khi cần phải che giấu sự thực, sửa đổi tài liệu.

Lối viết thứ nhì đó tuy thiếu tính cách khoa học, nhưng từ trước đến nay, các dân tộc ở thế giới đều đã dùng, không nhiều thì ít. Phái chủ trương lối đó có lý do của họ, những lý do có thể là chính đáng : như Mustapha Kémal khi giành lại được độc-lập cho tổ-quốc rồi, nhóm một ủy-ban « nghiên-cứu » sử để viết lại bộ sử Thổ-Nhĩ-Kỳ mà đề cao tinh thần thượng võ, ái quốc của người Thổ, thì chúng ta có quyền nghi ngờ giá trị của bộ sử đó nhưng cũng chẳng có thể trách ông ta được.

Nhưng tôi phải xin thưa ngay với giáo sư Chương rằng chúng tôi vẫn thích cái lối thứ nhất hơn, lối tôn trọng sự thực, cho nên đọc đoạn cuối bài báo của giáo sư, chúng tôi khoan khoái lắm. Giáo sư bảo:

«... chúng ta nên căn cứ theo thực sử, nhân thức lại mối tương-quan trong sử sách của hai dân tộc ta, mà đính chính lại những điểm không hợp với sự thực, loại bỏ những phương pháp chép sử, theo lối ngắt đoạn lấy nghĩa, nó rất dễ gây nên sự hiểu lầm ; để cho cảm tình của hai dân tộc ta càng ngày càng thêm hòa hợp... »

Chúng tôi xin biểu đồng tình : chủ trương như vậy thực là đúng đắn, đúng là của một học giả.

Tuy nhiên, có điều này chúng tôi chưa được hiểu rõ lắm. Ta tôn trọng sự thực trước hết ; gặp những sự thực có lợi cho cả đôi bên, hoặc có lợi cho một bên mà không có hại cho bên kia, thì quí lắm rồi ; nhưng nếu gặp một sự thực có hại cho một bên nào đó thì phải làm sao ?

Nếu tôn trọng sự thực thì « bất lợi » cho tinh thần thiện ; hay là không tôn trọng sự thực nữa...? Vì trong lịch sử mấy ngàn năm của hai dân tộc ta, thế nào cũng có nhiều sự thực — chúng tôi xin nhắc lại : sự thực — hoặc « bất lợi » cho Hoa, hoặc « bất lợi » cho Việt.

Đây, chúng tôi xin lấy một thí dụ.

Về sự quật khởi của hai Bà Trưng, ông cũng nhận địa vị của hai Bà trong công cuộc dựng nên độc lập cho dân-tộc Việt, nhưng ông lại nói rằng sự quật khởi đó « có tính cách phục thù hơn là đòi hỏi độc lập » và chính « người Pháp đã đề cao sự kiện lịch sử » của hai Bà.

Chúng tôi thấy chẳng cần phải bàn về cái điều ông gán cho thực dân Pháp đó. Nhưng về phần người dân Việt, chúng tôi xin có lời hỏi lại ông : « Chẳng lẽ gần ngàn năm tự-chủ, dân-tộc chúng tôi lại thờ ơ, lãnh-đạm với hai Bà, phải đợi người Pháp lại trông ách nô-lệ vào cổ và dạy cho chúng tôi biết sùng kính với hai vị anh-thư cứu quốc đầu-tiên của giống nòi mình ? »

Còn sự phán đoán của ông về tính cách việc quật khởi của hai Bà : phục thù hơn là đòi độc lập, thì đã có bài của ông Bùi-Quang-Tung đăng trong tờ « Đại-Học »

số 10 (tháng 7-1959) trả lời cho ông rồi (1). Ông Tung đã nghiên cứu các sách *An-Nam chí lược* của Lê-Tắc, *Đại-Việt sử ký toàn thư* của Ngô-Sĩ-Liên, *Thiên-Nam ngũ lục*, *Khâm-Định Việt sử thông giám cương mục*, *Trung-Vương cộng thần phổ lục*,... của Việt-Nam và *Hậu-Hàn-thư*, *Thủy-Kinh chú* của Trung-Hoa để chứng thực rằng:

« Cuộc khởi nghĩa của Trưng-Trắc là biểu hiệu sự đấu tranh bất khuất của nhân dân và quí tộc nước Âu-Lạc không chịu cúi đầu dưới ách thống trị của ngoại tộc. »

Chúng tôi chỉ thêm một cái lý rất thông thường của đồng-bào chúng tôi: « Nếu không chuẩn-bị, không vận-động từ trước, nếu không có sự căm-hờn của muôn dân, thì dễ gì cái chết của một viên tù trưởng lại huy-động được toàn dân nhiệt liệt đứng lên để đập đổ bao thành trì trong chớp nhoáng và cỡi ách nô-lệ đã đặt trên đầu cổ một dân-tộc nhỏ, yếu từ trăm rưởi năm rồi? »

Ông lại cho biết: « Nếu khi đó hai chị em bà Trưng-Nữ-Vương, sau khi đã giết được Tô-Định, bình định được khu vực

sông Hồng-Hà, mà đừng tiến quân lên phía Bắc, thì rất có thể là đã không có chuyện Mã-Viện chinh Nam. « Tiến quân lên phía Bắc », tức là tiến quân đánh vào nội-địa Trung-Hoa, là chinh Bắc. Sử chúng tôi không thấy chép sự kiện đó. Mà cái lý ông đưa ra không vững. Trưng-Nữ-Vương chiếm được 65 thành (3) mới không đầy ba năm thì vị tướng cầm quân tài-ba và lão luyện nhất của Trung-Hoa thời ấy là Mã-Viện đã qua rồi; trong thời gian ngắn đó, trong hoàn cảnh của nước chúng tôi lúc đó, (nước thì mới thống-nhất, quân-sĩ cần nghỉ ngơi, dân - chúng mong yên ổn, đường giao-thông lại khó khăn...) Trưng-Nữ-Vương lo cố kết nhân tâm, tổ-chức cơ-quan hành-chánh, luyện-tập binh mã để phòng sự phục thù của Trung-Hoa, sợ còn chưa kịp, đâu dám nghĩ tới cái chuyện Bắc tiến, chinh Bắc? Và ông đã trình-bày một cuộc chiến-tranh xâm lược thành một cuộc chiến-tranh tự-vệ! Chúng tôi nghĩ: Một sử-gia chân-chính xứng với danh, ngoài cái học, hiểu uyên bác đã đành rồi, tưởng cũng nên cần phải vô-tư trong việc phán đoán và thấu rõ hoàn-cảnh nhân-tâm — vào một thời nào đó — của một quốc-gia mà mình khảo xét.

Ông lại bảo « Mã-Viện sang Việt-Nam chỉ có một mục - đích là lập lại trật tự tại nơi địa-phương ». Nhưng chúng tôi xin thưa với ông rằng: « Người Pháp năm 1945 trở lại Việt-Nam — theo lời họ tuyên-bố — cũng là để lập lại trật tự... » Và khi ông đưa sự kiện này: « Từ

(1) Bài này đang đăng lại trên nhật-báo « Tự-do », từ ngày 3-3-1960. Và trước đây 18 năm, nhà học-giả quá cố *Ứng-Hoè* Nguyễn-Văn-Tổ đã lên tiếng « trả lời trước cho ông, trên tuần báo « Tri tân ». Năm rồi, nhân ngày giỗ hai Bà, ông Nguyễn cũng đã đặt vấn đề: « Thù nhà hay nợ nước? » trong *Bách-Khoa*, số 53.

Và ngay trên các nhật-báo và tuần-báo xuất-bản ở thủ-đô trong ngày giỗ hai Bà năm nay, cái giả-thuyết « hai Bà khởi nghĩa vì thù nhà, hơn là vì nợ nước » đã được bác bỏ một cách quyết-liệt, phải chăng đây là một phản-ứng mau nhạy đối với bài báo của ông?

(2) Chúng tôi cho in đậm.

(3) Có sách ghi 56 thành, có sách lại chép 22 thành.

Lạng-Sơn cho đến Hà-Nội, dân chúng Việt-Nam đã lập nên biết bao chùa Bạch-Mã để phụng thờ Mã-Viện » để chứng tỏ rằng người Việt tôn sùng Mã-Viện, thì chúng tôi không dám tin hẳn. Sử chúng tôi chỉ chép rằng dân chúng ghét Mã-Viện, tàn nhẫn, tham lam, và nhất vì thái-độ quá ư ngạo nghễ của ông ta : dựng cột đồng khắc sáu chữ « Đồng trụ chiết, Giao-Chỉ diệt ». Còn cái việc lập đền thờ Mã-Viện thì theo chúng tôi, chưa chắc đã do dân chúng Việt - Nam lập (1), mà nếu có do người Việt lập thì cũng chưa chắc là người Việt tự ý vui lòng lập, (biết đâu chẳng do nhà cầm - quyền thời đó bắt buộc). Mà dân chúng có vào lễ trong những đền đó thì cũng chưa chắc là v tôn sùng họ Mã. Dân-tộc chúng tôi thờ ông Thiện mà cũng thờ ông Ác, thờ Phước-thần, mà cũng thờ Hung-thần. Thờ kẻ minh oan, ghét kẻ họ đừng quấy mình chớ không phải để ơn họ, như trường-hợp Phạm-Nhan. Vả lại, dân-tộc chúng tôi vốn rộng lượng : một Sầm-Nghi-Đổng khi đã trả xong nợ máu, thì dân chúng thương tình cũng lập đền thờ.

Chúng tôi trọng đạo Nho, hiểu rằng đạo Nho không chủ-trương chính-sách đế-quốc như các cường quốc châu Âu gần đây ; nhưng vì yêu sự thực, chúng tôi chưa dám quả quyết như ông rằng từ năm 1939, «sau khi Ngô-Quyền đã hoàn tất nền tự-chủ cho Việt-Nam», thì triều-đình Trung-Quốc, có đem quân qua Việt-Nam chỉ là để khôi-phục chính-

quyền của triều-đình Việt-Nam cũ, nghĩa là « buộc lòng phải làm theo nghĩa-vụ, xuất-binh trợ giúp ; đây cũng là tính-thần cứu khổ phò nguy của người nhà Nho » ; vậy không bảo được là Trung-Quốc đã xâm-lăng Việt-Nam.

Điều đó chúng ta cũng cần phải bàn lại. Chúng tôi không nói nhà Nguyễn, vì nhà Nguyễn không phải gốc Hán. Họ xâm-lăng Trung-Hoa, Triều-Tiên và biết đã bao nước từ Đông qua Tây, thì cái việc ba lần đem quân qua Việt-Nam, chúng ta đã biết được là do mục-đích gì rồi.

Nhưng còn nhà Minh thì có nuôi cái ý xâm-lăng không, mà sau khi diệt nhà Hồ không chịu phục-hưng cho nhà Trần, — như đã hứa — lại dụ con cháu nhà Trần ra để giết, bắt dân Việt tể tỵ, ăn mặc, học hành như người Tàu, thu sách vở nước chúng tôi đem về Tàu, đến nỗi Trần-Triệu-Cơ phải nổi lên chống lại, rồi toàn dân chúng tôi theo « người áo vải đất Lam-Sơn » mười năm gian-lao mới trả họ về cho Trung-Quốc ?

Ai cũng biết Trung-Quốc là nơi phát sinh ra đạo Nho ; nhưng phải là người không hiểu thế-sự, nhân-tâm mới tin rằng các ông vua Trung-Hoa đều theo đúng học-thuyết của họ Khổng. Chúng tôi nghĩ những cuộc xâm - lăng đó là hành-động của một số, nhà cầm quyền phong-kiến Trung-Hoa, không liên-candến dân-tộc Trung-Hoa, một dân-tộc rất lễ-độ, ham chuộng hòa-bình y như dân-tộc Việt ; như vậy thì ta cần gì phải đại-biện-hộ cho những ông vua đó, mà mắc lỗi đi ngược nguyên-tắc của mình là tôn trọng sự thực ?

(1) Chúng tôi còn muốn tin rằng do Hoa - Kiều lập vì tôi thấy đền Bạch - Mã ở phố Hàng Buồm (Hà-Nội) do Hoa-Kiều trông nom hương khói.

Việc vua Càn-Long, chúng tôi thấy cũng cần phải bàn thêm: theo ông thì vua Càn-Long chỉ phái 8.000 quân sang Việt-Nam, chủ ý để xét xem dân-chúng còn có lòng theo vua Lê không; đến khi thấy vua Lê không được nhiều người ủng-hộ nữa thì phong vương ngay cho Quang-Trung (1), chứ nếu định-tâm muốn xâm chiếm Việt-Nam thì không khó gì cả, có thể phát-động một đạo binh mạnh hơn của Tây-Sơn mà đại thắng Tây-Sơn rồi.

Ông nói chỉ có 8.000 quân thôi. Sử chúng tôi chép rằng Tôn-Sĩ-Nghị khởi quân bốn tỉnh Quảng-Đông, Quảng-Tây, Quý-Châu, Vân-Nam, chia làm ba đạo, sang đánh Tây-Sơn, tất cả hơn 20 vạn.

Hai con số cách nhau xa quá. Con số 20 vạn của chúng tôi có thể là nói thêm, nhưng con số 8.000 của ông có thể là rút bớt, vì cả hai bên « đều có lợi » để cho sự chiến thắng của mình thêm vẻ vang, hoặc cho sự thất bại của mình bớt nặng nề. Song cách Hà-Nội 5 cây số, phía Thái-Hà-Áp, còn một cái gò trên có ngôi đền, Trung-liệt, Tương truyền trong trận Đống-Đa quân Thanh chết nhiều quá đến nỗi phải thu lại vào một cái hầm đắp lên thành một cái gò, tức gò đó. Sử lại còn chép khi đứt cầu nối ở Thăng-Long, quân Thanh chết không biết cơ man nào, thấy trôi đầy sông. Tiếc rằng lúc ấy, chẳng có nhà viết sử của một « nước thứ ba » nào chứng kiến để giúp chúng ta có thể tìm con số thực.

Đến như việc vua Càn-Long không có ý xâm chiếm nước Việt-Nam thì một học-giả của chúng tôi, ông Hoa Bằng,

(1) Ông ghi là Nguyễn-Nhạc, nhưng sự thật, lúc bấy giờ, Nguyễn-Nhạc không dự gì vào việc nước Việt, từ đạo Hải-Vân trở ra.

trong cuốn « Quang-Trung », đã đưa ra hai tài liệu:

— một là chiếu thư của vua Càn-Long gửi cho Tôn-Sĩ-Nghị, trong đó có đoạn:

« Cho khanh (chỉ Tôn-Sĩ-Nghị) đem quân đóng ở biên-thùy, xa làm thanh thế cứu viện. Rồi bảo Duy-Kỳ (tức vua Lê) phải triệu tập nghĩa binh, tàu phục lấy quốc thành, chờ ta không cần phải động binh đánh giúp cho nhọc công, tổn của. Khi họ lấy được kinh thành rồi, khanh sẽ đem quân hộ tống Duy-Kỳ về nước. Nếu tự tôn không làm nổi việc và Tây-Sơn vẫn cứ rộng rãi, thì bấy giờ khanh sẽ đem binh hồi tội, rồi thừa cơ chiếm lấy nước Nam »

— hai là một tờ sớ của Nghị tâu lên vua Càn-Long, đại lược:

« ...Nội lực nhà Lê yếu lắm, rồi ra chắc không giữ nổi nước đầu; nay thấy họ sang cầu viện, đối với danh nghĩa bề ngoài, Triều ta không lẽ không cứu... Nhân dịp này, nếu hưng phục cho Lê được rồi, ta sẽ đặt thủ binh mà giữ lấy nước. Thế là vừa có ơn với Lê, lại vừa lấy được An-Nam: nhất cử lưỡng lợi! »

Ông Hoa-Bằng lại cho biết thêm:

« Tuần phủ Tân-Vĩnh-Thanh tuy bác lời sớ của Nghị là « trước dùng nghĩa, sau mưu lợi », nhưng Vĩnh-Thanh cũng lộ cái đã tâm muốn nuốt nước Nam trong mấy câu này:

« Chi bằng ta cứ đóng binh không động, đợi khi Lê và Tây-Sơn cả hai cùng kiệt quệ, bấy giờ thừa cơ đánh lấy cũng chưa muộn nào! »

Ông nói chỉ đến sức mạnh của triều đình Càn-Long trong lúc này? Chúng tôi ai cũng biết rằng Trung-Hoa thời đó lớn

gặp mấy chục lần Việt-Nam ; nhưng nhà Nguyên cũng lớn mạnh — mà lớn, mạnh hơn nhà Thanh nhiều — thế mà ba lần xua quân chiếm nước chúng tôi, đều phải rút cả ba. Sự kiện « châu chấu đá xe » mà xe phải ngã, lịch-sử dân-tộc chúng tôi nào phải chỉ có một lần. Điều này, chắc ông đã rõ.



Trong bài của ông, còn nhiều điểm nữa chúng tôi chưa đồng ý, xét lại hết thì dài lắm, nhưng cũng có những chỗ tỏ rằng ông rất có thiện chí gây tình-thân thân thiện giữa hai dân tộc, chẳng hạn chỗ ông nhận lỗi dùng những tiếng « man di » của các sử gia Trung-Hoa thời xưa là vô ý thức.

Chính vì trọng thiện chí đó của ông mà chúng tôi bàn với ông nên định lại thái độ của chúng ta trong việc đính chánh sử liệu của hai nước. Theo chúng tôi, chúng ta chỉ nên tôn trọng sự thực với một tinh thần hiểu biết nhau, chứ đừng nên nhắm cái mục đích đính chính sử liệu để gây thêm tình thân thiện.

Vì hai lẽ :

Lẽ thứ nhất : nếu ta nhắm mục đích đó

thì ta sẽ gặp những trường hợp lúng túng, và không biết giải quyết làm sao cho đẹp lòng cả đôi bên như những thí dụ chúng tôi mới kể ở trên.

Lẽ thứ nhì : mục - đích đó cũng như thừa. Hai dân-tộc chúng ta lúc này thân thiết nhau lắm rồi. Chúng tôi mà chắc các ông cũng vậy, đều quên hết những xích mích cũ để chỉ nghĩ tới những « liên-quan trong huyết thống » đến « sự lợi hại như nhau » để đoàn-kết với nhau trong giai đoạn khó khăn hiện tại. Vậy ta cứ đính chính sử-liệu mà cứ chép đúng sự thực, và khi dạy sử cho thanh-niên, chúng ta chỉ cần nhấn mạnh rằng những xích mích cũ là do hành-động của một triều-đình, của một số người, không liên can gì đến hai dân-tộc ; huống hồ bên cạnh những hành-động đó, còn có những hành-động rất đẹp (như của Nhâm-Diên, Sĩ-Nhiếp, Tích-Quang, Cao-Biên) mà nền văn-hóa Việt lại chịu ảnh-hưởng rất sâu đậm của Trung-Hoa, ảnh-hưởng đến nỗi chúng tôi có thể nói tâm hồn đa số trí thức Việt hiện nay một phần do các triết gia, thi-hào, văn-hào Trung-Hoa tạo nên. Như vậy thanh-niên Việt sẽ hiểu, mà thanh-niên Hoa cũng không nghi ngờ gì dân-tộc chúng tôi nữa.

« Danh vọng nuôi sống nghệ thuật »

Nhà hùng-biến La-Mã Cicéron có một châm ngôn về nghệ-thuật ; *Honos alit artes* (Danh vọng nuôi sống nghệ-thuật) thâm ý của châm ngôn trên là : thái độ dửng-dưng của người đời rất nguy hại cho nghệ-sĩ, thi-sĩ ; nghệ-sĩ, thi-sĩ có được người ta tán thưởng, hâm mộ thì mới hưng thú mà nỗ-lực sáng-tác.

Hồi xưa : Anh, Pháp, rồi gần đây : Đức, Pháp và Mỹ, Nhật đã bao lần thù hằn nhau, ghen ghét nhau, chém giết nhau mà bây giờ thân thiện với nhau, giúp đỡ cho nhau nữa. Các Sử-gia của họ có cần gì sửa lại sử để gây tình hòa-hảo đâu. Mà nếu họ sửa sử, thì sau này, biết đâu chừng, gặp lúc xích mích với nhau, chẳng lẽ đốt hết sử cũ mà viết lại sao ?

Chúng tôi chắc ý-kiến đó cũng là ý-kiến của giáo-sư, chỉ vì giáo-sư quá bông bột — bông bột vì cái tình rất quý : tình thân

thiện Hoa - Việt trong giai - đoạn này — nên diễn ra chưa được minh bạch, có thể làm cho chúng ta hiểu lầm, nên chúng tôi phải bàn lại với giáo-sư như vậy. Và bây giờ thì chúng ta có thể cùng nhau cầu chúc cho công việc đính chính sử-liệu của chúng ta được mau hoàn thành, *đính chính đúng với sự thực.*

Thủ-đo nước Việt, ngày giỗ hai Bà, thứ 1917.

NGUYỄN-HIẾN-LÊ
NGUYỄN-HỮU-NGU



BÀI CỦA Ô. NGUYỄN-QUANG-LỤC :

Mấy điểm lịch-sử đáp lại giáo-sư
Tướng-Quân-Chương

(1) « *Đính-chính sử liệu để xúc-tiến cảm tình* ».

— « *Xét theo phương-diện thực-sự, hoặc theo phương-diện lợi hại của Việt-Nam ngày nay* » (?) *

— Lập trường của sử học : Lịch sử chép nên sử liệu, sử tịch để thuận - lợi cho nhà làm thông sử lập nên những chính lý của sử-học, không phải để « *xúc tiến cảm tình* » (Thí dụ : Khổng-Tử làm Kinh Xuân-Thu để tri nghị đương thời ; mấy anh em sử-thần dưới quyền sinh sát của Thôi-Trữ thà chịu chết còn hơn làm sai sử - lý ; Tư-Mã-Thiên bênh Lý-Lăng ngạo triều đại Hán Võ-đế.

— Sau này sử quán vẫn giữ ngôi thiêng-

* Những dòng chữ xiên có đánh số (1), (2), (3), (4)... đều trích trong bài báo của giáo-sư Tướng-Quân-Chương.

liêng bất khả xâm-phạm trong chế độ-quân chủ tối thượng.

Lưu-Tri - Cơ, Vạn-Tư-Đồng Chương-Học-Thành, là những tay lịch-sử đàn anh tại Trung-Quốc đều có ngòi bút nghiêm túc để làm sáng chân-lý lịch-sử. Những nhà làm sử xưa nay là vì công-tâm chưa hề bao giờ dám hạ mình xuống chỗ *xúc tiến cảm tình*.

Chương-Học-Thành đã nói tới cái nạn đặt cảm tình vào sử : « *Đại cương yếu lĩnh thì mang nhiên, sử chỉ là ký truyện đảo lộn nghĩa lý cho tình vi, văn - chương cho phong-phú, còn như tông yếu của sử thì không truy xét ra được.* »

(*Tri u đại-cương yếu-lĩnh, quan-giả mang nhiên cái sử trí ký truyện, nhi nghĩa liệt dã tình, văn-chương dã phú, nhi u sử chỉ tông yếu dã nan trung lại*).

— Vương-Minh-Thịnh trong « Thập thất sử thương giác », Tiền - Đại - Hân trong « Nhị thập nhị sử khảo dị », thậm thận chu-tường khiến người cầm bút phải trọng cái đạo cẩn nghiêm của bút tước (*Bút tước cẩn nghiêm chi đạo*).

— Xét về nguyên lý của lịch - sử những nhà sử - học Tây - phương như Langlois, Seignobos-Berheim, Simiand, nhất là Fustel de Coulanges đều chủ-trương phải đặt lịch-sử vào cứu - cánh : tìm nguyên lý dĩ vãng theo khoa-học.

« *Un historien, quelque soit l'objet de son travail, devrait pouvoir le situer dans la synthèse historique, le coordonner aux fins des sciences* ».

— Vậy thì đã viết sử trọng sự thực thì điều ấy nói ra dù có mặt lòng lân-bang nhưng nó là chân-lý vẫn phải nói. Ta hà tất đã nói sự thật còn phải e dè trong chỗ xúc tiến cảm tình ?

Tác-giả lại còn nói một câu mà tôi không hiểu « *Hoặc theo phương diện lợi hại của Việt-Nam ngày này ?* »

Tác giả dọa ta chẳng khác nào đưa trẻ này bảo đưa trẻ kia : « *Này anh muốn bỏ với tôi khỏi đưa khác bất nạt thì liệu đây nhé, đừng kể xấu nhau về trước nữa* » Nếu chưa sử theo kiểu « xúc tiến cảm tình » ấy chỉ còn nước là đào hố táng chung cho sử học.

(2) « *Những người Việt-Nam thông hiểu chữ Nho đều chống Pháp* » Sau hòa-ước Giáp Thân (1884) ta còn có Phong-trào Cần-Vương, rồi đến phong trào Duy-tân (Đông-du), những phong-trào ấy đều do nhà nho cầm đầu. Vì trong nước bấy

giờ chỉ có Nho sĩ tiêu biểu cho tinh-thần kháng-chiến một nước, có đủ tiết tháo đạo đức để giữ vững dân tâm, học-phong sĩ-khí còn thịnh đạt trong nước. Nhưng cũng trong thời ấy ta thấy xuất phát nghịch thuyết của bọn Việt-gian hàng Pháp bọn ấy cũng thuộc Khổng-môn : Nguyễn-Hữu-Độ, Hoàng-Cao-Khải, Nguyễn-Thân. Nguyễn-Văn-Tường. Ta không thể nói tất cả những người theo Nho học đều chống Pháp.

Sau này ta đã chịu Văn-minh Pháp thì chính những người chịu văn-minh Địa Trung Hải, lại nổi lên chống thực-dân như Nguyễn-Thái-Học, Phó-Đức-Chính, Ký-Con v. v...

(3) Trong sử sách truyền-thống của Trung-Hoa đối với các dân tộc giao-hảo lân-bang dù có cái thông bệnh là dùng chữ man di..., Những đoạn sử bất lợi cho Việt-Nam, chúng tôi sẽ đính chính cả lại.

Chính tác-giả dùng chữ Trung - Hoa ở đây mà không dùng chữ Trung-quốc, tức là đã vô-tình tự đề cao mình. Vì khi xưa Tàu có quan-niệm rằng chỉ có một nước mình là hoa, họ là trung-tâm văn-minh của thế-giới. Ngoài là phiên ly gồm các rợ Man Di-Nhung-Địch, còn ra không có văn-minh nào khác nữa.

Đây là quan - niệm đời phong - kiến, những sự-kiện lịch sử này còn ghi vào những áng cổ-thư không thể vì tính bất thường của một thời-đại, nhất đán sửa chữa lại được.

Phép làm sử là phải nghiên-cứu sự diễn-hóa hoạt-động của nhân-quần vào từng thời đại. Nhân loại hay biến hóa theo lối đặc-dị, (Contingences de l'histoire) nó không theo

khuôn phép tuần-hoàn một lối. Thời nay theo quan-niệm này, mai quan-niệm khác biệt « *Cổ kim trạng huống hựu vô nhất triết chi lý* » nhà khảo-sử Tây cũng nói : « l'histoire, c'est l'étude des hasards » « *faits contingents, lois raisons ; rapports de la contingence, de la nécessité de la logique ; ces quelques mots illuminent le travail de l'historien, qui veut faire oeuvre de science* » nhà làm sử phải biết cái đường theo hợp lý nhưng cái gì cần-thiết phải xảy ra trong nhân loại lại phải biết những sự kiện đột biến đột-khởi. Người làm sử là người « Thông cổ kim chi biến nhi thành nhất gia chi ngôn : »

Tài của nhà làm sử là thông suốt cổ kim, đặt cán bút quan-niệm mỗi nhận xét vào một thời đại. « Của César trả César, của Đức Chúa Trời, trả Đức Chúa Trời. » Há dám vì một tấm cảm tình ngăn ngui nhất thời chưa lại hết sử sách thời xưa sao ? Như vậy nếu không gọi là điên cuồng quả là xuẩn động.

(4) *Hoa-Kiều ở Việt-Nam tranh thủ quyền lợi cho Việt-Nam.*

Chúng ta không phủ-nhận những người Trung-quốc vì thời thế phải chạy sang đầu hàng ta, tiện thì nhập Việt-tịch giúp đỡ ta rất nhiều : Triệu-Trung tàn tướng nhà Tống đã giúp ta đánh bại quân Nguyên năm Ất-Dậu (1285).

Năm Kỷ Vị (1679), Tổng binh trấn thủ Long-Môn (Quảng-Tây) là Dương-Ngạn Địch, phó tướng Hoàng - Tiến. Tổng binh Châu Cac, Châu Lôi và Châu Liêm là Trần - Thượng-. Xuyên phó tướng Trần - An - Bình là những quan nhà Minh cũ không chịu

hàng Thanh đem 3.000 quân tới xin nhập Việt-tịch, mở mang Đông-Phổ (Gia-dịnh) Lộc - Dã (Biên - Hòa) Mỹ - Tho, Ban - Lân (thuộc Biên-Hòa) lập ra Xã Thanh-Hà Minh - Hương . Mạc-Cửu lập bảy Xã ở Hà-Tiên.

Những người này đều làm ích lợi cho ta cả. Nhưng đây chẳng qua đó là vì sự dồn ép của lịch-sử. Còn ra những Hoa-Kiều sang lập nghiệp ở đây không thể nghĩ đến quyền lợi Việt-Nam được. Những người này là người thực-tế chỉ cốt làm ích lợi cho mình.

Một việc cụ thể là khi tên lưu dân Từ-Phổ-Nghĩa (J. Dupuis) cùng Lý-Ngọc-Trì đến Hà-Nội đòi thông thủy-đạo Hồng-Hà thì những Hoa-kiều ở đây không cần hiểu rằng sự mở cửa Nhị-Hà này có hại cho Việt-Nam trước tiên sau này hại cho Trung-Quốc vì lẽ mỗi hờ rằng lạnh. Họ chỉ hiểu thiện - cận rằng sông Cái được thông thủy-đạo thì sự buôn bán của họ có lợi to. Vì vậy họ rất trọng đãi tên lưu-manh này ngấm ngấm tìm cách giúp đỡ trong khi ta cô lập-hóa tên cường khấu ấy. (tài-liệu này đầy đầy ở sách sử hiện đại của thực-dân và Nhật ký Dupuis).

Rồi sau này theo Thanh-Đại sử, một nhà ngoại giao Trung-quốc là *Tăng-Kỳ-Trạch* muốn thỏa thuận với Pháp đòi cắt đôi Bắc-Kỳ 1/2 Hà-nội từ nửa Hồ Hoàn-Kiểm trở lên phía Bắc phải thuộc ảnh hưởng Trung-quốc. Đó là vị Trung-quốc hay vị Việt-Nam ?

(5) *Trung-Nữ-Vương*

Về Trung-Nữ-Vương không hiểu sao. Tướng Quân lại gán tội cho Pháp là đề cao một vị nữ anh-hùng của ta ?

Tác giả dám hạ bút : « *việc quật khởi của hai chị em bà Trưng có tính cách phục thù hơn là đòi hỏi độc-lập* » câu nói vô tình hay hữu ý muốn giảm giá-trị lịch sử của ta.

Đến như một nhà bác-học vô-tư là giáo-sư Maspéro cũng phải xác nhận rằng những tù trưởng dân tộc Lạc. Việt thuở ấy rất oán ghét Tô-Định mà người đứng đầu là Thi-Sách. Ví chăng Thi-Sách không bị chết, cách mệnh vẫn nổ như thường. Bảo rằng Hai Bà Trưng chỉ vì thù riêng mà đánh đuổi được Tô-Định kết hợp được các tù trưởng, hạ được 65 thành là một điều nhận xét phản lịch sử, không biết cái nguyên nhân (causalité), tính cách hợp lý (logique) và tính cách đặc-dị (contingence) của lịch-sử.

Hai bà Trưng phải nhân lòng oán ghét sẵn có đối với Tô-Định của các tù trưởng vì tính cách cai trị của y (causalité), nhân đây mới vận dụng tuyên truyền cho nghĩa cả, bởi vậy các tù trưởng mới nghe theo (logique) vì danh chánh ngôn thuận, hai Bà lại có tài xuất thế mới làm nên được nghiệp lớn (contingence).

— Còn ra Tướng quân bảo rằng ta có quan niệm tất cả những « *quan liêu... Trung-quốc phái sang Việt-Nam đều là bọn tham quan ở lại cả* » đều nhận xét này lầm lạc. Ta có vor đưa cả năm thế đầu. Những ông quan hiền lương như Đào-Hoàng, Sĩ Nhiếp, Triệu - Xương vẫn là những bậc minh hoạn ta hàng kính trọng biết-ơn, chỉ những bọn hà-khắc trước sau thế nào cũng bị tiêu diệt.

(6) Quang-vô-đế và Mã-Viện.

Vào đời Đông-Hán sau nạn Vương-Mãng vua Quang - vô đã tái phục được

Ngai vàng. Nhà vua đã [bị những cái giết mình lịch-sử. « Kinh cung chỉ điều » vua muốn tỏ vẻ ôn hòa. Điều ấy đúng, lịch-sử đã nói vua muốn thí-hành chính-sách giản ước, giảm quân.

Nhưng bảo rằng ví chăng « *Hai Bà Trưng đừng tiến lên phía Bắc thì không có chuyện chinh Nam* ». Thật chúng ta không hiểu tác-giả lấy sử-liệu ở đâu mà dám vô đoán như vậy. Mới thu hồi độc-lập ; thân phận là nước nhỏ dám còn gây hấn với cường-quốc sao ? Đây ta hãy nghe lời bình-luận và quan-niệm về ta của một nhà sử-học Trung-quốc (An-nam chí-nguyên) :

Trung-quốc bao giờ cũng nhận nước ta là quận huyện.

(*Dĩ, Hán Đường quận huyện vi danh, tất thừa bạng duật chi thế nhi thanh Nam-Hải chi trần*).

Vậy chỉ thừa lúc trai cò cầm cự nhau mà chớp lấy để lập nền đô-hộ.

— Khi nào bị ta đánh, không cai trị được nữa để cho người bản xứ cai trị lấy dân thì đành chép miệng : « *Dĩ di trị di* » (lấy kẻ man di trị kẻ man di) và chỉ phong cho chức đô-hộ hay thứ xứ vẫn có tính cách nội thuộc như xưa để ví chăng ông thứ sử này không được lòng thiên triều thì lại có ông khác từ Trung-quốc phái sang.

Nhà Lương phong Khúc - Thừa - Mỹ Tiết-độ sứ. Tổng phong Đinh-Tiên-Hoàng là Giao-Chỉ quận-vương (đã tiến một bậc) mãi đến đời Lý, Lý-Thái-Tổ vẫn chỉ được phong là Giao-chỉ Quận-vương Lý - Thánh - Tông trước mới được gia. « *Khai phủ nghị đồng tam ty* » rồi sau mới được phong Nam-Bình-Vương.

Chỉ mãi đến năm Bảo-Ứng 2 (1164) vua Tần mới bằng lòng phong cho ta : An-Nam quốc-vương. Cái kế-khoạch của Trung-quốc là : «Thượng sách nhân ta loạn thừa cơ đem quân sang xâm chiếm, rồi sửa sang mọi việc, Hạ sách mới là đem quân đánh ta. Như thời Tây-Kinh thì lấy cương vực văn-chương ra vẽ khoan dung cho ta tiến đạt, rồi lại dựa vào tập tục để an dân. Thời Đông-Kinh, dẫn dắt bằng lễ nghi pháp-luật lại lấy binh uy làm dân khúg khiếp nên dân nghi kỵ ».

(Truyện viết : thượng giả nhân chi, Kỳ thứ giả chinh tề chi ; tối hạ giả dư chi tranh. Tây kinh chi thời khoan kỳ văn vọng nhi nhân kỳ tập tục cổ kỳ dân an. Đông kinh chi thời đạo chi dĩ lễ pháp, nhi khúg chi dĩ binh uy, cổ kỳ dân nghi).

Đó Trung-quốc có chính-sách thực-dân cũng khôn ngoan lắm biết rằng lời ngọt thì lọt tận xương, miễn là mình kiếm được nhiều lợi. Tướng Quân nói Việt-Nam « việc quan-trọng trước tiên là được sự thừa-nhận của Trung-quốc ». Nhận xét này rất đúng và cũng đúng như lời nhận xét của An-nam Chí-nguyên, tác-giả Cao-Hùng-Trung « Đời Minh giữa năm Chính-Gia ở An-nam hai bọn Mạc-di Lê, Mạc cùng hùng cứ, tranh nhau mong được danh hiệu Trung-quốc phong cho làm trọng, nhưng Trung-quốc cũng xem xét tình-hình tùy cơ ứng biến. »

(Minh chính gia trong, An - nam Lê Mạc nhi dĩ hồ tương hùng cứ, tranh dục đắc Trung quốc chi hiệu vi trọng. Nhi trung quốc diệc sát kỳ tình, hình tùy nghi ứng chi).

Nhưng ta phải nhận xét một điều ta cầu phong hiệu là có tính cách ngoại-giao, mong rằng đàn anh, công nhận cho địa-

vị đàn em hiện hữu khỏi sinh sự lỗi thời. Kỳ thực trong thâm-tâm cũng không thỏa mãn gì về chức phong ấy cả. Vì trong nước, ta vẫn nghiêm nhiên xưng đế.

— Về Mã-Viện K.Đ.V.S. chép sau khi viên tướng quốc trước này đánh bại Hai Bà, lập Đồng-Trụ làm giới-hạn. Sau khi Mã-Viện về thổ dân lấy làm thương cảm Trưng-Vương lập đền thờ.

(Mã - Viện truy kích kỳ dư chúng... Nãi lập Đồng-Trụ, vi Hán cực giới. Hậu-viện hoàn, thổ nhân ai cảm Trưng-vương, vi chi lập từ).

Chúng ta chỉ thấy nói lập đền thờ Hai Bà không thấy nói lập đền thờ Mã-Viện. (1)

Lại theo K.Đ.V.S. sau khi Mã-Viện đánh được ta đã cải-cách nền hành-chánh cắt đặt quận huyện theo lối Trung-quốc. Đây là một sự cải-cách sâu sắc nhất từ trước đến giờ. Trước kia Trung-quốc cai-trị ta vẫn để nguyên chế-độ tù-trưởng cũ lần này là lần cải-cách lớn lao chiết đoạn hết dân-tộc tính của ta :

K.Đ.V.S. chép : « Mã-Viện thấy huyện Tây-Vu có những 33.000 hộ khẩu xin triều-đình phân ra là Phong-Khê và Vọng-Hải hai huyện. Hán-đế thuận cho Viện lại lập thành quách đặt tỉnh ấp, đắp Kiển-Giang thành tại Phong-Khê, vì nó có hình cái kén (An-nam Chí - nguyên gọi là Tỷ-thành 6) Sau ba năm Viện về, từ đấy về sau, lịch chương hòa sáng không phải gây ra cảnh chết chóc đau thương trải năm đời Đế-tổng-cống 82 năm.)

(1) Về điểm này xin bạn đọc xem bài trên của hai ông Ông Nguyễn-Hiến-Lê và Nguyễn-Ngu-l đang trong số này.

(Mã - Viện dĩ Tây Vu huyện hữu hồ tam thập tam thiên, nhân thỉnh phân vi Phong-Khê Vọng Hải nhị huyện. Hán đế cùng chi. Viện hữu lập thành quách trí tỉnh ập, trúc Kiến Giang thành ư Phong-Khê. Kỳ thành viện như tỷ, cổ danh. Hậu tam niên Viện hoàn. Tự thử nhị hậu lịch minh, chương hòa dân an chư đế, phạm ngũ thể cộng bát thập nhị-niên).

Nghĩa là Mã-Viện đã đặt bàn tay cải-cách sâu sắc vào đất Giao-Chỉ khiến dân Giao-Chỉ phải kinh sợ — thiếp phục như phục Cao-Biên sau này. Cái tính cách tàn khốc đão đẽ này. Chỉ có lợi cho Hán triều chứ lợi gì cho dân Giao-Chỉ. Vậy mà Mã-Viện còn khoe khoang võ công đắp Đồng trụ v.v... như Pháp đắp tượng Pau lBert sau này.

Chắc rằng đương thời dân chúng cũng sợ Viện lắm. Ta có thể đặt giả thuyết vì dân sợ nên Viện còn sống mà cũng đặt miếu thờ lung tung kiểu một làng ở Hà-dông thờ sống Hoàng-Cao-Khải thời Pháp thuộc.

Nhưng khi Mã-Viện đã bước chân về Tàu thì ta cũng hát đổ luôn bài vị.

Bây giờ nào ta có tìm đâu thấy đền thờ Mã-Viện. (1) Bây giờ ở Thủy-Khẩu ngang Lào-Cai còn thấy tấm biển đề « Phục ba nhai. » ở Đông-Hưng ngang Móng-Cái còn đền thờ Mã-Viện, đó là nơi Tàu thị oai với ta ở biên-thủy và ta cũng chưa cay cảm khái ở đây một bài thơ 2-Câu kết :

*Ai đó chép công ta chép oán,
Công riêng ai đó oán ta chung.*

Ví nay thực còn chỗ nào có đền thờ Mã-Viện thì cũng giống kiểu ta thờ thần ăn cướp, ăn trộm v.v. để các ông ấy khỏi tác oai tác quái.

— (7) Trần đánh Nguyên, Tây-sơn đánh Thanh. Chí xâm lăng của hai triều đại này đã thấy đầy rẫy trong sử tịch, ta không thể lấy cảm tình mà phủ nhận được.

Bảo rằng vua Thanh phái sang có tám nghìn quân (?) « Chẳng qua vì cảm tình hữu bang cũ, buộc phải làm theo nghĩa vụ xuất binh giúp. Đó cũng là tinh thần cứu khổ phò nguy của nhà Nho » và vua Càn-Long bấy giờ đương thịnh ví chẳng có chí xâm lăng lẽ nào lại chịu thua nước ta.

Ta phải hiểu đạo Nho được thịnh hành từ đời Hán. Vậy mà trong đời Hán ta đã bị cai trị cay nghiệt Đời Đường lại cai trị ta cay nghiệt hơn. Nho học đã dạy « điều dân phạt tội », thì các vua Chúa phong kiến thiếu gì cớ để xâm lăng ta. Và cũng theo đạo Nho ta phải « dĩ tiểu sự đại ». Nhưng khita mạnh đánh Châu Ung, Châu Khâm thì ta cũng lại lấy điều dạy rất đẹp đẽ của Nho giáo điều dân phạt tội mà giết hại bao nhiêu dân Tàu đời nhà Tống.

Đến như nói các vua Tàu thôi không chịu đánh phục thù ta sau khi thua trận trừ nhà Nguyên xâm-lăng hai lần và cũng bị bại hai lần, ta phải hiểu đây có mấy nguyên-lý về lịch-sử.

1.) Đánh một nước nhỏ phải đem một quân lực quá lớn lao để sơ hở phòng thủ ở mặt Bắc và nội bộ là một việc không ông vua Tàu nào muốn.

Nhờ quân phía Bắc tràn xuống, nhờ nội bộ có sự khởi loạn.

2.) Được với số quân lực to tát ấy không vẽ vang gì nhờ ra lại thua nữa thì tính sao ?

3.) Khí hậu Nam - phương độc nhiều chương khí rất hại cho sức khỏe binh sĩ.

4) Sự xuống tinh-thần của binh sĩ đã bị bại khó phần hưng khởi trong một lúc. (Thí dụ cuộc xâm lăng thứ hai của quân Nguyên).

Vậy thì đuổi chẳng được thà tha làm phúc. Huống chi lại có lời xin giảng hòa của kẻ thắng đủ rửa được sỉ diện rồi.

(8) *Những dòng vua Tàu đều là người Trung-Hoa.*

Điều này có một phần đúng. Nhưng ta thử hỏi : người Trung-quốc có thuần nhất hay không hay cũng lai lung tung với Hung-nô, Tây-di v.v. Vua Nguyên, Vua Thanh không phải dòng Hán tộc.

Ta phải hiểu xưa nay một quốc-gia, dân - tộc không thể bao giờ thuần nhất. Sở dĩ gọi là dân - tộc bởi cùng chung một lịch-sử về chính-trị và kinh-tế. người Pháp người Anh, không thể thuần giống bao giờ. Nhất là dân tộc Mỹ bây giờ càng bác tạp lắm nữa. Renan đã bàn về điểm này. Điều cốt yếu của một dân tộc là phải có một dân tộc tính cương cường bất diệt. Người nước khác mà hòa đồng với dân tộc tính của ta cũng có thể gọi là đồng bào bởi vậy ta mới nhận Triệu-Đà Thục-An Dương-Vương là vua nước ta.

NGUYỄN-QUANG-LỤC

« Hồng học chí »

« Hồng học chí » là cái chí hành động của chim hồng, chim học, những giống chim bay rất cao. « Hồng học chí », trích trong câu : « Yến tước an tri hồng học chí ? » có nghĩa là chim cú, chim sẻ sao biết được cái chí của chim hồng, chim học. Nghĩa bóng của câu trên là : Kẻ tiểu nhân sao biết được cái chí của bậc anh hùng.

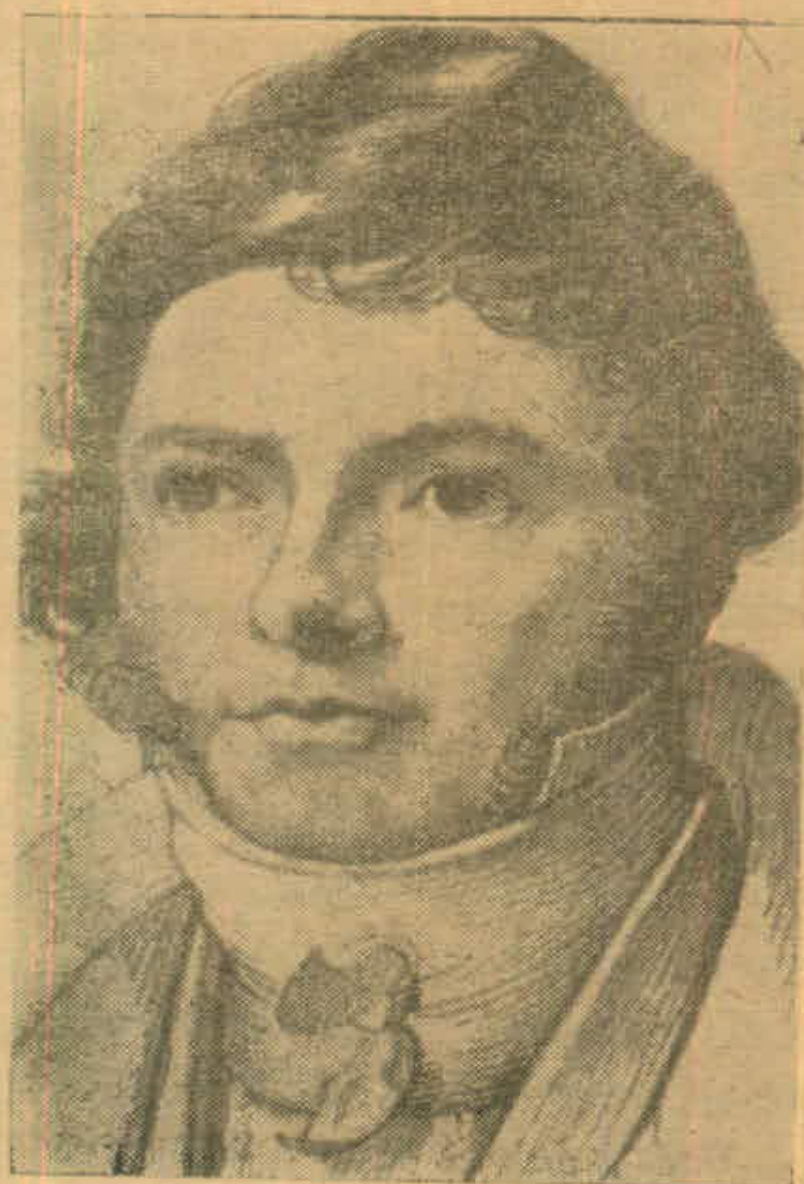
★ Công việc, sau khi đã phân định rõ ràng, cần phải trao cho từng người phụ-trách dứt khoát, tùy theo khả năng của mỗi người. Do đấy, sẽ có một bảng tổ-chức hoạch-định phần vụ của mỗi người đã ghi rõ, kẻ thay thế là ai, kẻ cộng tác là ai, kẻ bề trên là ai. — Nhà tổ-chức đại tài Fayol coi điều này là nguyên-tắc tối quan yếu : một người, trong một hành-động, chỉ nên thừa lệnh một bề trên. Có được vậy, chỉ-huy mới thống-nhất. Vi-phạm định-luật này thường là nguyên-nhân phát sinh ra bao nhiêu sự khó chịu, phân vân, bẽ bối, mất lòng, xung-đột. Cho nên, định-luật ấy đòi hỏi người bề trên phải phân công cho thật dứt khoát, và cấm chỉ người bề trên « qua mặt » những kẻ làm trung-gian ở dưới quyền mình.



CHAMPOLLION

Người làm cho
ĐÁ biết nói

(Tiếp theo B. K. số 76)



NGUYỄN-HIỂN-LÊ

(biên-khảo)

HÀNG vĩ-nhân khác người thường ở chỗ biết lợi - dụng nghịch cảnh, đổi cái rủi thành cái may. Cervantes nhờ bị nhốt khám mà trước tác được một cuốn bất-hủ *Don Quichotte* ; John Bunyan cũng lưu-danh thiên-cổ nhờ cuốn *Pilgrim's Progress* viết ở trong khám. Voltaire viết trong khám, Oscar Wilde viết trong khám. Champollion cũng nhờ bị đày một năm rưỡi mà xúc tiến công việc nghiên-cứu cổ-tự Ai-Cập, và tới năm 1822, Ông xuất-bản một tập nhỏ nhan đề là *Thư gửi ông Dacier về tự-mẫu cổ-tự Ai-Cập*. Tập đó chứa những quy-tắc rất mới-mẻ và làm ông nổi danh trong giới khảo-cổ.

Cổ-tự Ai-Cập, như dưới đây độc-giả sẽ thấy, không phải là một thứ chữ khó học ; nhưng trong thời các vua Pharaon, không được truyền-bá trong dân chúng, chỉ một số quý phái và các giáo-sĩ được học, và sau khi người La-Mã xâm chiếm Ai-Cập ở đầu kỷ-nguyên, thì vị giáo-sĩ Ai-Cập cuối cùng biết chữ đã chết mà khắp nước không còn ai đọc được sách cùng bia trong các đền đài lăng tẩm nữa. Thành thử trên mấy ngàn năm cổ-sử Ai-Cập còn rành-ràng trên giấy, trên tường mà cũng như bị phủ dưới một tấm màn kín.

Sau này, hàng trăm, hàng ngàn người khắp các nước tìm ý nghĩa các cổ tự ấy mà không ra. Họ bị lạc lối chỉ vì quá tin ở Horapollon, một người ở thế-kỷ thứ tư

trước kỷ nguyên, đã chủ-trương rằng cổ tự Ai-Cập là một thứ chữ tượng hình. Đúng như vậy, kỳ thủy cổ tự đó có tính cách tượng hình cũng như chữ Trung-Hoa.

Muốn chỉ mặt trời người Ai-Cập vẽ một vòng tròn có một điểm ở trung tâm, y như người Trung-Hoa :



(1)

Muốn chỉ nước, người Ai-Cập vẽ một mặt nước gợn sóng



mà người Trung-Hoa vẽ một dòng nước

chảy



(2).

Dấu



chỉ cái miệng (cũng như

chữ *khẩu* 口 của Trung-Hoa); dấu



chỉ cái chân, dấu



chỉ bàn tay...

Nhưng đó chỉ là bước đầu ; sau cổ tự Ai-Cập biến chuyển nhiều, mà những biến chuyển ấy các nhà bác-học không tìm ra và cũng không hề ngờ là có nữa, thành thử cứ theo quy-tắc tượng - hình mà cố giảng nghĩa, đến nỗi lầm lẫn mỗi ngày một nặng, cùng một tấm bia, mà mỗi nhà giảng theo một nghĩa khác nhau rất xa, có khi tương-phản nhau nữa.

(1) Sau người Trung-Hoa đổi cách viết thành chữ 日

(2) Sau người Trung-Hoa đổi cách viết thành chữ 水

Giữa thế-kỷ 17, một thầy dòng Da-Tô tên là Athanasius Kircher, nhìn dấu hiệu *autocrator* để chỉ các vị quyền thế trên cả mọi người (như các vị hoàng-đế La-Mã), mà đọc ra là « Vị thần tạo ra mọi sự phong-phú và mọi loài thảo mộc là Osiris mà năng lực sinh-sản đã được thánh Mophta chuyển từ trên trời xuống ». Thực là tưởng-tượng dồi dào !

Có nhà « đọc » cổ tự Ai-Cập rồi dám tuyên-bế rằng Trung-Hoa có thời đã bị Ai-Cập đô-hộ, có nhà, ngược lại, tin rằng Trung-Hoa đã đô-hộ Ai-Cập ! Như vậy có khổ tâm cho những người muốn tìm hiểu sử Ai-Cập không chứ ?

Khi đào được tấm bia ở Rosette, ai cũng tưởng mình nắm được bí-quyết rồi, ai cũng đưa ra một giả-thuyết và luôn luôn có những kẻ điên khùng và ngu xuẩn dám cam-doan rằng giả-thuyết của mình không có chỗ sai. Bá-tước Paulin bảo « mới thoát trông thấy tấm bia là tôi đọc được ngay cổ-tự Ai-Cập » (!) rồi nội trong một đêm ông ta viết một bài trình bày « chân-lý mới khám phá được » và tám ngày sau, cho công-bố liền.

Một kẻ khác, tu viện trưởng Tandeau de Saint-Nicolas, cũng xuất-bản một tập nhỏ trong đó ông chứng-minh bằng một cách toán học rằng cổ tự Ai-Cập không phải là chữ viết chỉ là những hình vẽ để trang hoàng.

Rồi có người cho cổ-tự đó là những dấu hiệu về thiên-văn học, về chính-trị, về thương-mãi, có người đọc được ở cổ tự đó những chủ-nghĩa thần-bí, những học-thuyết bí-truyền, cả tới văn-chương Can - Đê, Trung - Hoa nữa. Thực là loạn !

Còn Champollion cứ kiên nhẫn tiếp-tục phân loại, so-sánh, kiểm-soát, tiến lần-lần tới chân-lý. Và khi ông tìm được chân-lý cho ta rồi, thì ta thấy nó giản-dị quá, giản-dị như sự tìm thấy châu-Mỹ của Christophe Colomb.

Ông không tin hần ở Horapollon, nhờ nghiên-cứu văn-tự Copt (copte), mà nảy ra cái ý rằng những hình khắc trên bia, vẽ trên giấy cổ Ai-Cập là những chữ hay nói cho đúng hơn, là những âm tổ (phonème), nó không phải chỉ tượng hình mà còn chỉ những âm nữa. Chân-lý đó, ông mất bao nhiêu năm lao tâm mới kiếm ra được, câu « thiên tài gồm 1% hứng và 99% toát mồ hôi » lại đúng một lần nữa.

Vài học-giả như Zoega và Akerblad (vùng Thụy - Na - Đan), De Sacy (Pháp), nhất là Thomas Young (Anh) đã gần đạt được kết-quả của Champollion, nhưng vì không thông tiếng « Copt », nên lúng túng mãi, chỉ tìm được ý nghĩa của 76 nhóm dấu, còn non 150 nhóm khác thì đành bó tay.

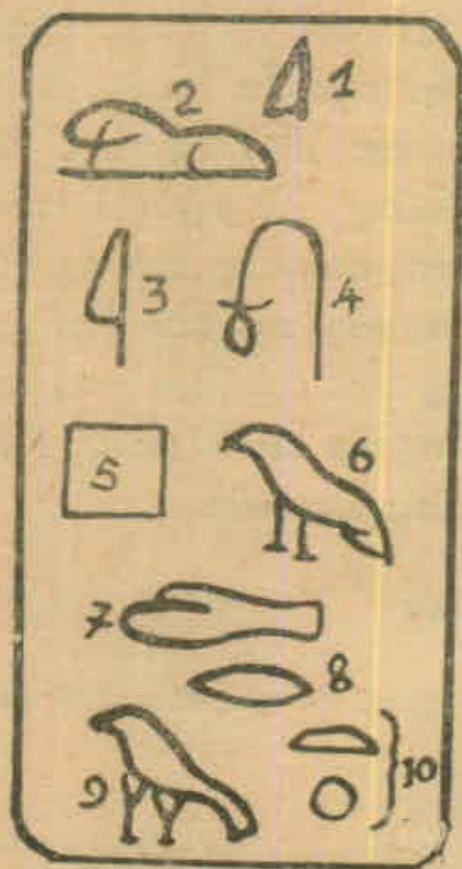
Nhóm A chỉ tên Ptolémée
thấy trên hai tấm bia
(mỗi dấu có đánh số la-Mã)



Nhìn tấm bia ở Rosette, Champollion thấy một nhóm dấu có đóng khung và ông đoán rằng những dấu đó chỉ tên vua Ptolémée vì tấm bia ghi lời xưng tụng vua Ptolémée Epiphane. Năm 1815, viện khảo-cổ Anh đào được một tấm bia khác ở Ai-Cập, trên đó khắc hai thứ chữ : cổ-tự Hi-Lạp và cổ-tự Ai-Cập. Năm 1821 ông được coi tấm bia đó, thấy hai nhóm dấu được đóng khung mà một nhóm y như nhóm ở trên bia Rosette. Đọc những cổ-tự Hi-Lạp trên tấm bia thứ nhì đó, ông biết rằng bia nói về vua Ptolémée và nữ-hoàng Cléopâtre. Ông kết-luận : nhóm chữ đóng khung khắc chung trên hai tấm bia chỉ tên vua Ptolémée ; còn nhóm cũng đóng khung nhưng chỉ khắc riêng trên tấm bia thứ nhì, chỉ tên Cléopâtre. Điều đó minh-bạch quá, ai mà chẳng suy ra được ? Sáng-kiến của Champollion là cho mỗi dấu chỉ một âm, chứ không chỉ một vật, rồi do sáng-kiến đó ông tìm ra được cách đọc.

Tôi vẽ lại dưới đây hai nhóm dấu đóng khung đó.

Nhóm B chỉ tên Cléopâtre
thấy trên tấm bia thứ nhì
(mỗi dấu có đánh số Á-Rập)





Ông suy luận : nếu dấu I ở nhóm A là chữ thứ nhất của tên Ptolémée, thì nó phải là chữ P và phải giống y với dấu thứ năm (5) của tên Cléopâtre trong nhóm B. Quả nhiên như vậy. Những dấu chỉ chữ T (tức dấu II trên nhóm A và dấu 7 trên nhóm B) không giống nhau ; điều đó làm cho ông hơi bỡ ngỡ, nhưng ông đoán rằng dấu số 7 là một cách viết hơi khác của chữ T ; và ông đoán đúng. Những mẫu âm (dấu VII ở

nhóm A và dấu 3 ở nhóm B) cũng làm cho ông lúng-túng ; ông cũng đoán rằng người Ai-Cập hồi xưa không chú trọng đến những âm đó lắm, ghi thường sai, có khi lại bỏ, không cần ghi nữa. Ông đoán cũng lại đúng nữa. Còn những dấu khác : O (III và 4) ; L (IV và 2) ; A (6 và 9) thì y như nhau, như trong giản đồ dưới đây :

 (I và 5) = P

 (II) = T

 (III và 4) = O

 (IV và 2) = L

 (VI) = M

 (VII) = AI

 (IX) = S

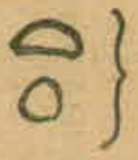
 (1) = K

 (3) = E

 (6 và 9) = A

 (7) = T

 (8) = R

 (10) = dấu
câm đặt ở
cuối các tên
đàn bà.

Rút cục, ông được :

I	II	III	IV	V	VI	VI	VIII	IX
P	T	O	L	E	M	Ai	O	S (1)

và

1	2	3	4	5	6	7	8	9
K	L	E	O	P	A	T	R	A (1)

(1) Trên kia là những tự mẫu Hi-Lạp, ông J.H. Breasted đã đổi ra tự mẫu la-tinh.

Do phát-minh đó, ông gờ mỗi được lần lần, đọc được hết các cổ tự Ai-Cập và tìm ra được rằng cổ tự đó đã trải qua bốn giai đoạn :

Giai đoạn thứ nhất : tượng hình, như :

dấu  chỉ mặt trời

dấu  chỉ mặt trăng

dấu  chỉ ngôi sao

Giai đoạn thứ nhì : cũng còn tượng hình mà đã có thêm tính cách biểu ý như :

dấu  có thêm nghĩa nữa là ngày,

dấu  (một mặt trăng, một ngôi sao) có nghĩa là tháng.

Giai đoạn thứ ba : mỗi dấu chỉ một vần như :

dấu  kỳ thủy chỉ cái miệng, mà cái miệng người Ai-Cập thời xưa đọc là *ra*, cho nên về sau dấu đó còn chỉ thêm vần *ra*.

Giai đoạn thứ tư : mỗi dấu chỉ một âm, như :

dấu  ở giai đoạn trên chỉ vần *ra*, qua giai-đoạn này chỉ phụ âm *r*.

Ông ghi hết những kết quả, nhưng còn dè dặt, chưa tuyên bố vội. Mãi đến ngày 22 tháng 8 năm 1822, ông mới gởi lên Hàn-lâm-viện một bản nghiên-cứu về cổ tự Ai-Cập, được Hàn-lâm-viện rất hoan-nghinh : nhà bác học Sacy, giáo-sư cũ của ông, trước kia nghi-ngờ sự tìm tòi của ông, lần này đứng phắt ngay đây, đưa hai tay

ra niềm nở đón tiếp ông rồi đề nghị với chính-phủ cấp tiền cho ông in công trình đó.

Được khuyến-khích, ông càng hăng hái thu thập những di tích cổ Ai-Cập để thí nghiệm thêm phương-pháp của ông. Ngày 14 tháng 9 năm đó, ông nhận được nhiều bản in lại những bài ký, bài minh khắc trên đá trong các đền Ai-Cập, do một kiến trúc sư Kháp tên là Huyot, từ Ai-Cập gởi về cho ông.

Ông vội vàng mở một tờ ra coi, chú ý ngay tới một tên, chắc là tên một ông vua cổ Ai-Cập. Cảm xúc mạnh tới nỗi tay ông run lên. Tên đó bắt đầu bằng một dấu chỉ mặt trời, tức một vòng tròn có một chấm ở tâm ; mà tiếng « cốp » gọi mặt trời là *Ra* (1), rồi tới một dấu khác mà ông không biết, sau cùng tới hai lần dấu cong cong như lưỡi câu, mà ông đã đoán được là chữ *S* (coi hình ở trang trên). Ghép lại thành *R(a) — ? — S — S*. Ông nghĩ ngay tới tên một ông vua Ai-Cập rất danh tiếng : Ramses. Ông vội vàng run rẩy lật những tờ khác, hàng chục ý tưởng quay cuồng trong óc. Một tên khác lại làm ông chú ý tới. Tên này cũng có chữ *S* ở cuối, nhưng bắt đầu là một con hạc, mà loài hạc là loài linh điều của thần Thot. Ở giữa tên cũng có một dấu y như dấu đứng sau chữ *R* ở tên trước. Nếu tên trước là Ramses thì dấu đó chỉ chữ *M* ; và tên thứ nhì thành Thot — *m* — *s*... Đúng rồi : Thoutmès, cũng là tên một ông vua danh tiếng thời cổ Ai-Cập nữa. Ông mừng quá, muốn nhảy lên, muốn la lớn cho mọi người được biết. Nhưng rồi ông rón rén phứt bông bột đó, lại điềm tĩnh, cặm cụi tra khảo thêm, tìm kiếm thêm chứng cứ cho thật vững vàng.

(1) Theo E. Doblhofer thì đọc là *Re*

Như vậy suốt một buổi sáng. Đến trưa ông không còn nghi-ngờ gì nữa, gom góp hết các tài liệu, lại thư-viện kiểm ông anh, giọng run run, báo tin cho anh hay : « Em thành công rồi anh ạ ! » Vừa nói xong, ông té xỉu trên sàn, vì mệt quá mà có lẽ cũng vì cảm-động quá nữa.

Luôn năm ngày sau, ông nằm liệt trên giường bệnh ; rồi lần lần lấy lại sức, viết một tập nhỏ về các tự mẫu trong cổ tự Ai-Cập, gởi lên Hàn-lâm-viện. Đa số nhà bác học thời đó nhận đúng được giá trị sự phát minh của ông, như Wilhelm von Humboldt ở Đức, Hammer - Purgstall ở Áo, Henry Salt ở Anh. Nhưng cũng có một số người vì lòng ghen tị hoặc vì óc bài ngoại, vào hùa nhau đả đảo ông. Ông thản nhiên, đem hết tâm lực ra soạn bộ *Ngữ-pháp Ai-Cập* và khởi thảo bộ *Tự-điển Ai-Cập*.

Nhờ những bộ đó mà Champollion đã làm cho các phiến đá cổ ở Ai-Cập đã câm trên hai mươi thế kỷ bỗng nói lại được và kể lại cho ta mấy ngàn năm lịch-sử oai hùng của một dân tộc văn minh sớm vào bậc nhất thế-giới. Ông đã mở cửa cho loài người bước vào một môn học, môn cổ sử Ai-Cập. Trên một trăm năm nay, biết bao nhà khảo cổ tới Ai-Cập đào di-tích, và tìm được rất nhiều điều kỳ dị. Hiện thời công việc đó vẫn tiếp tục, và năm 1949, người ta lại mới đào được ở gần « Thung-lũng các vua », một dãy tượng khổng lồ đục hình sư-tử đầu đàn bà.

Năm 1828, ông được cái vinh dự cầm đầu một phái đoàn qua nghiên-cứu quê hương thứ hai của ông mà ông thường mơ-tưởng từ hồi nhỏ. Chính-phủ Pháp lúc đó đã tha cho ông tội phản quốc ; mà dân Ai-Cập đón ông như đón một vị anh cả. Người ta bu lại nhìn mặt nhà bác học Pháp « biết đọc chữ trên đá cổ ».

Cuộc du lịch ngắn ngủi (chỉ hơn một năm : từ tháng 7 năm 1828 đến tháng 12 năm 1829), nhưng thực là thần tiên. Ngày nào cũng ghi được một phát-giác mới mẻ và lạ-lùng, ngày nào cũng đem thêm cho ông một chứng cứ rằng thuyết của ông đúng. Ông đã nghiên-cứu hàng ngàn tấm giấy papyrus, đã thuộc nhiều đoạn trong cổ sử Ai-cập, nay nhìn những tấm bia, những phiến đá chép đời của vua chúa, và lê dân Ai-cập thời xưa, ông vừa sung-sướng vừa bồi hồi như được sống lại một đời tiền kiếp. Ông thấy như mọi vật đều quen thuộc với ông.

Tàu thả neo ở Dendérah. Đây là ngôi đền mà trên ba nghìn năm trước, các vua ở triều đại thứ XVIII đã cho khởi công, tức Thoutmosis III, Ramsès đại-đế và các vua kế-vị. Chính nơi đó, tướng Desaix của Nã-Phá-Luân, thấy cảnh hùng-vĩ mê hồn, đã cho quân lính ngừng lại, du-ngọa mà không truy nã bộ đội bản xứ nữa. Thực là viên tướng có tâm hồn nghệ-sĩ !

Lúc đó trăng đã lên. Champollion cùng với bạn đồng hành quên cả ngủ, lên bờ để



đi tìm vết tích người xưa. Một nhà bác học đi theo ông chép lại cảm-tưởng như sau :

« Chúng tôi cứ tiến bừa đi, qua một bụi cọ dưới ánh trăng. — Cảnh tượng thần-tiên làm sao ! — Rồi chúng tôi len vào đám cỏ cao, bụi rậm gai góc. Lùi lại ư ? Không, nhất định không. Nhưng tiến cách nào ? Chúng tôi không biết đường đi. Chúng tôi la ầm lên, nhưng chỉ có tiếng chó sủa ở xa xa đáp lại... Chúng tôi tiến hai giờ nữa. Đây, đèn đây rồi, như tám trong ánh trăng ; chúng tôi say mê ngắm... Khi đi đường, chúng tôi ca hát cho quên nỗi đường dài, nhưng ở đây, trước những di-tích dưới ánh sáng thần-tiên này, chúng tôi cảm xúc mạnh làm sao ! Yên lặng hoàn toàn dưới cửa đền và hàng cột vĩ-dại ; bóng tối dày đặc trong đền như có một yêu thuật huyền bí — ngoài kia trăng chói lòa. Sự tương phản thực lạ-lùng, kỳ-diệu... Chúng tôi vui thích như hóa điên ».

Đêm đó là đêm thứ nhứt trong đời Champollion. Bao nhiêu cảnh rực-rỡ của thời cổ Ai-cập còn rành rành trên những phiến đá của đền, lần-lần hiện ra trước mắt ông như một cuốn phim huyền-diệu. Các vua Thoutmosis III và Ramsès đã thưởng-công mười mấy năm nghiên-cứu của ông.

Đời ông từ đó thành một chuỗi vui bất tận : tha hồ mà khảo-cứu. Nhưng ông không được hưởng phúc lâu : vì lao lực quá, bệnh lao mà ông mắc từ hồi sống thiếu thốn ở Ba-Lê, nay lại tái phát, đồng thời ông bị thêm bệnh đái đường, và ba năm sau (năm 1832) ông mất, thọ 42 tuổi. Khi biết không còn sống được nữa, ông than thở : « Sớm quá ! », rồi đưa tay lên trán : « Còn biết bao ý ở trong này nữa ! » Một hôm ông la lên : « Trời ơi Trời ! Xin cho tôi sống hai năm nữa, hai năm nữa thôi, hơi Trời ! »

Ông chưa kịp xuất-bản hai tác-phẩm chính là cuốn *Ngữ pháp Ai-Cập* và bộ *Tự-điển Ai-Cập*, nhưng khắp thế-giới đều nhận ông là một nhà ngôn-ngữ học, một nhà khảo-cổ tài nhất của thế-kỷ trước, và dân-tộc Ai-Cập đời đời mang ơn ông đã dạy họ đọc được những trang sử oai hùng nhất của họ. Ông xứng đáng với huy hiệu mà loài người tặng ông : « Nhà bác học đã làm cho đá biết nói ».

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

Viết theo tài-liệu của J.H. Breasted, G.W. Ceram và E. Doblhofer trong các cuốn « La conquête de la civilisation, Des Dieux, des tombeaux, des savants » và tạp-chí « Miroir de l'Histoire » số 122 (tháng Hai 1960).

★ Có những cuộc nhóm họp thì người lãnh-dạo mới có thể tạo ra được một bầu không-khí nhất-trí để giải-quyết những vấn-đề căn-bản. Có những cuộc nhóm họp thì các ban, các sở mới có dịp thông-cảm với nhau và người lãnh-dạo mới có thể phối trí các nỗ-lực lại. Cho nên nhóm họp là cần, nhưng không nên đi quá. Nhóm họp nhiều lần quá và nhiều người quá thường làm suy giảm sáng kiến, cản trở nhiệt-tình, hao phí nghị-lực.

XẾP LẠI TỦ SÁCH

☆ — ĐOÀN-THÊM

BẠN nào ưa đọc mà có dịp thấy tủ sách của Lý, tất cũng tấm tắc ca ngợi kho tàng văn-hóa phong-phú, và khen khéo bằng cách chê đùa rằng sở-hữu-chủ là một con mọt hay con chuột thư-viện.

Những bộ chữ Tàu của *Thượng-Hải đồ thư-quán* sát cánh với thi - văn Việt-Nam từ *Trê Cóc* đến *Kim-Vân-Kiều*, bên trên những trống sách Pháp, văn-học, sử-học, triết-học, xã hội-học, *R. Lalou* lách giữa *Castex*, *Verlaine*, *Bainville*, *Bergson*, *Durkheim*... Tiểu-thuyết của *Hemingway* hay *S. Maugham* cũng nhiều như những pho nghiên-cứu chánh trị kinh-tế của Huê-Kỳ xếp dài hơn hai thước, với bao tên lạ : *E. H. Cressy*, *A. Shiller Norman*, *Sansom*... Cứ ngồi đếm như vậy cũng mất nửa giờ là ít.

Giá thử Lý chỉ kể tên các tác-phẩm trong những bài viết hoặc câu nói chuyện, có lẽ nhiều bà con dễ lầm rằng Lý là một bậc thâm-nho, thâm... tây, thâm cả Anh Mỹ nữa, và đã học thiên-kinh vạn-quyền.

Nhưng học thật hay... học-giả ? Những sách kia là món thực-phẩm tinh-thần hàng ngày của Lý, hay chỉ là một thứ đồ trang-hoàng cho nhà cửa có vẻ thanh-nhã ? Xếp tủ sách đồ sộ vì hiếu-học, hay để phô-trương, và trưng sách như người giàu bày biện la liệt mỹ-phẩm quý giá ? Biết đâu Lý chẳng có ản-ý khoe khoang mà chưa từng có dịp lưu tâm nhận thức ?

Đúng hay không, chỉ cần biết ngay : Lý đã đọc hết tủ sách đó chưa ? Nếu đã, tất chẳng đáng trách. Nếu chưa, thì phải liệu sửa mình và như thế nào ?



Lý thú thật rằng... chưa. Nhưng tại sao cứ tích trữ và còn muốn thu thập nhiều hơn nữa ? Đã bao phen mất sách vì loạn lạc trong 15 năm vừa qua, rồi mỗi bận hồi cư hay định cư xong, khi Lý tổ-chức lại đời sống, tủ sách cũng được sắm như giường

ghế hay quần áo : riêng quyền Kiều, hay cuốn Việt-Nam sử-lược, mua đi mua lại đến ba lần.

Sự thực, Lý vẫn thành-tâm cầu học đến nỗi biết rằng chưa có thời giờ thưởng thức, nếu mắt thấy quyền nào đoán là hay vì của tác-giả có tiếng, cũng cố mua để đó ; nhiều quyền đã hơn một năm chưa được rọc, có khi vì chưa đọc nên chẳng nhớ đã xếp vào giữa tủ, Lý lại mua lần thứ hai. Lòng yêu sách gần thành một bệnh, không khác tâm-trạng kẻ chơi cây, đồ cồ, chim yến... Một cuốn sách có màu sắc được Lý bày vì coi như chậu lan hay bức tranh, chớ chẳng có dụng ý phô-trương gì hết. Vả chẳng, bày một búp-bê Nhật-Bản còn được, huống hồ một pho đầy mỹ-thuật như « *L'Art au XVII^e siècle* » với bao nhiêu công-trình hội-họa và điêu-khắc ?

Dù sao, mục-đích chính yếu của sự thành-lập thư-viện là đọc, vẫn chưa đạt được. Nói rằng vì bận rộn, tức là tự bào chữa một cách quá dễ dàng : sao Lý vẫn có thể xem điện-ảnh, đi chơi lang-thang hay họp bạn nói chuyện phiếm ? Chẳng lẽ chỉ coi sự đọc sách như một thứ giải-trí ? Nếu vậy tất con nhiều trò khác thú-vị và có sức hấp-dẫn mạnh hơn.

Đọc để học ? Công việc này có tánh-cách lâu dài, chẳng thi cử sao phải vội vàng ? Cứ thùng thảng thì những điều học hỏi mới thấm nhuần sâu xa ? Song khi đã tự nhủ như thế, thì cứ hết tháng này sang năm khác, khi sách cũ còn chất đống, sách mới rất hay đã in nhan nhản và kích thích sự thèm muốn ; báo chí tuần này chưa kịp coi thì nguyệt-san hay tuần-san kỳ sau đã thấy bán nên lại cố mua rồi.

Cũng lắm khi Lý nhất định đóng cửa phòng ngồi đọc : quả quyết lắm, thiện-chí thực dồi dào. Nhưng vừa xong một trang báo nói về đồng phật-lãng mới, lại nhớ tới mấy mục về hồi-đoái hay khu-vực cộng-đồng kinh-tế Âu Châu, đã trông thoáng đề-tài ở một tạp-chí mà chưa kịp xem : lục tìm tờ đó, mắt vướng phải tập *Présences contemporaines* với những bài thơ tự-do kỳ-di của Pháp, tính tò mò bị khiêu gợi, đành giờ đọc dăm trang, thấy bí hiểm quá, tự hứa đề khi khác tâm-hồn thanh thoi hơn sẽ tiếp, rồi trở lại vấn-đề tiền-tệ : vừa bình thơ, dĩ nhiên thấy những con số quá khô khan, thuận tay vớ luôn cuốn *l'Histoire d'Angleterre* của A. Maurois coi một đoạn ; chợt nghĩ còn bao nhiêu điểm về sử cận-kim châu Á đã khiến Lý thắc mắc.... Nhìn một loạt cả tủ, không gì không đáng đọc, vì toàn những sách ưa thích nên mới mua, và sốt ruột quá, còn biết bao pho, nhưng đọc gì bây giờ ? Loay hoay mãi, cả buổi sáng trôi qua lúc nào chẳng để ý, đương phân vân thì vợ gọi ăn cơm, đành xin « vô phép » văn-nhân học-giả.

Cứ như thế trong mấy năm, Lý nhiều phen thấy rất bức mình. Thật là lần quần vô-lý, quen sống với sách, đọc đã mờ cả mắt, rồi lâu dần tự dòn mình vào chỗ bế tắc : *không biết nên đọc gì nữa*, chỉ vì muốn đọc quá nhiều, không khác chú nhỏ đứng trong tiệm bánh kẹo thềm hết các thứ, rút cuộc mút ngón tay ra về. Nhưng nếu cần hạn chế, thì phải lựa chọn những loại nào mà thôi ? Sao cho khỏi tiếc khi phải hy sinh ? nếu không thì dù có ép mình chuyên chú cũng vẫn ngấm ngấm lắm le mau chóng đề từ sách này qua báo khác, nghĩa là đọc vội học sồi đề nạt bà con rằng mình biết nhiều hay dối mình rằng không mua phí sách ?

Trước hết, cần tìm xem vì đâu sinh ra tham-lam ? Ngược lại dĩ-vãng, Lý nhớ mới đầu được thầy khuyến khích đọc nhiều để được khen, và muốn có lắm truyện kể vanh vách cho anh em bạn nhỏ tròn mắt ngạc-nhiên. Ham cồ-tích, thích đã-sử rồi ưa sử, tiểu-thuyết và các loại văn xuôi ; đến tuổi mơ mộng mười bảy mười tám, mê thi ca, bắt chước rung đùi và tập tễnh múa bút ; hiểu dần muốn luyện văn-chương, phải có tư-tưởng không thì rỗng, lò mò vào môn triết-lý, lại thấy cần khoa-học và các phương-pháp khoa-học ; sử đưa tới chánh-trị và thời-sự, rồi Lý nhận ra rằng khó lòng thấu hiểu chánh-trị nếu chẳng biết gì về kinh-tế, xã-hội, tài-chánh, hành-chánh... Các môn đó lại luôn luôn biến đổi, cần theo dõi sự tiến-triển mới khỏi mất công học hỏi. Tóm lại, càng hiểu càng ham đọc, lạc vào rừng sách và mất lối ra, đứng giữa trăm ngã đường mà phân-vân rối trí, đến nỗi tự hỏi : giá thử lười thì đỡ hoang-mang ?

Nhưng cũng có người đọc gấp mấy Lý, mà không lâm vào tình-trạng trên, vì như ông giáo Ngải. Hỏi thì ông truy lại mấy câu, rồi cho biết ý-kiến đại khái :



— Anh, đọc vì mục-đích gì ? để thỏa-mãn tính tò mò không bờ bến ? để thành bác-học ? để làm việc, theo đuổi một công cuộc gì rõ rệt ? Hoang mang là tại chưa biết mình.

Nếu biết để biết suông, tìm vui thích riêng, thì mặc anh, không thành vấn-đề, vì kẻ đi tìm thú ích-kỷ dù ở phạm-vi tinh-thần, phải chịu những mặt trái của lạc-thú, những kết-quả sự ham mê như ai nghiện

bất cứ thứ gì : tởn kém, mệt nhọc, chán chường, có khi hoảng hốt rối loạn (anarchie intellectuelle).

Ở trường-hợp thứ hai, thì cần nhận định lại một sự-kiện tối yếu : ở thời cổ, kiến-văn của loài người còn ít, các nhà thông-thái như Aristote có ảo-tưởng quán triệt sự-vật trong vũ-trụ. Dần dần về sau, nhất là từ thế-kỷ thứ XVIII, XIX, người ta thấy không thể bao quát hết, vì như sáo-ngữ thường nghe “ bề học mênh-mông ”, nhân-loại tiến, kết-quả học-thuật càng nhiều, trí tuệ và cuộc đời cá-nhân có hạn, nên ai mong thấu đáo thì phải chuyên chú. Hiện nay không có nhà bác-học nào mà không tự co rút mình vào một lãnh-vực rất nhỏ, chớ chẳng còn tham-vọng mơ hồ tản nát năng-lực và thời-giờ ra nhiều ngành. Học vạn-vật, có ông chỉ chuyên về sâu bọ, châu chấu, rận chấy. Học để nghiên-cứu, khám phá, phát minh, sáng chế, thì chỉ đọc nhiều nhất sách báo chuyên-khoa.

Còn nếu muốn thực hiện những mục-tiêu rõ rệt trong một công-cuộc rộng rãi hơn, ở phạm-vi kinh-tế, chánh-trị, xã-hội... thì các vấn-đề đều có tánh-cách phức-tạp và dĩ-nhiên đòi hỏi ngoài điều-kiện chuyên-môn, những kiến-thức phổ-thông do kinh-nghiệm hay học-vấn. Nhưng học-vấn ở đây cũng chỉ hữu-ích nếu được chọn lọc cho thích-hợp, nghĩa là có liên-quan trực-tiếp đến những khó khăn cần giải quyết và được nghiền ngẫm kỹ lưỡng. Tóm lại, vẫn cần hạn-chế thì sự học mới có hiệu-quả thiết-thực, đưa tới hành động và cho phép thành tựu. Tham ôm đồm là quá tin về khả-năng mình, dễ thất bại vì viển vông man mác. Như anh là thương-gia, hãy đọc trước hết sách báo thương-mại để tìm

những điều gì có ích cho sự tổ-chức xí-nghiệp, quảng cáo, phổ biến, tranh thủ và khuếch trương thị-trường v. v... rồi có đọc rộng hơn ra, cũng chớ lãng quên thực-tế kinh-doanh, tỉ như có thể nghiên-cứu thêm về tâm-lý quần-chúng mà dò thị-hiệu khách hàng, chớ đừng lạc vào những vấn-đề xã-hội-học cổ kim miên man làm gì.

Một xứ chậm tiến như Việt - Nam, đương rất cần chuyên - viên ở mỗi ngành hoạt - động. Quan - niệm « sĩ kiêm bách nghệ », hay là « bác cồ thông kim » thuộc tự-diễn sáo-ngữ cũ quá rồi. Tham-vọng của anh, có lẽ bắt nguồn từ đó, và lại được bồi dưỡng bằng những chương-trình học của Pháp trước Đại-chiến II, quá súc-tích nặng nề về số lượng kiến-văn bắt buộc thâu thập « des clartés de tout ». Rồi còn tấm gương của những Phạm - Quỳnh, những Nguyễn-Văn-Tổ một hồi đã được coi như tiêu-biểu cho giới học-giả nước nhà. Biết nhiều, thì vẫn đáng quý : nhưng cần liệu xem nên chọn lọc như thế nào để lợi cho mình và quốc-gia hơn, khi cần tiến mau.



Nghe ông Ngãi thuyết một phen, hình như được sắc-nhận những điều đôi khi đã thoảng qua đầu óc, Lý cũng thấy có phần rạng tỏ hơn, và nghĩ lại, thì chưa có giải-pháp nào khác là đặt mình vào một trong những hạng người mà ông Ngãi đã tả, thôi thì hạng thứ ba đi.

Nếu vậy, phải xếp lại tủ sách, loại ra những pho nào, quyển nào không cần-thiết hay không thích-hợp, để cho ai thì cho ; số còn lại, sẽ đọc kỹ hết rồi hãy cố mua sách mới.

Bối lục, phũ bụi, co ra đây vào một lúc, Lý lại thấy bản khoán, luyến tiếc, hối hận có lẽ đúng hơn.

Những bộ sử ngoại - quốc, những cuốn biên khảo về lịch trình tiến-triển kỹ-nghệ, cồ-học La-Mã Hi-Lạp, đồ sứ đồ gỗ Pháp, Hồi-giáo và văn - minh Phi-Châu, luận-lý học v. v... đã bị Lý bạc đãi bao lâu, tuy giờ qua những mục-lục, chú-thích, bản kê-khai tài-liệu tham khảo... mới nhớ lại rằng phải bao nhiêu công phu sưu tầm, xếp đặt, xem xét, suy nghĩ, ấy là chưa kể kỹ-thuật diễn trình, phương-pháp biện luận : các tác-giả đã bạc đầu hói trán làm việc ngày đêm mới thành tác-phẩm hữu-ích. Sự góp phần của họ vào văn-minh nhân-loại không thể chối cãi. Nhưng chẳng mấy ai đã biết đến tên tuổi và thân-thể họ, trong khi người ta rõ văn-sĩ kia đã từng đan diu với mỹ-nhân nào, hoặc cô đào điện-ảnh nọ đã mấy đời chồng. Họ chẳng hề được đền bù bằng thiện-cảm của quần-chúng mà những nhà thơ, nhà tiểu-thuyết hay tài-tử sân khấu đã chiếm đoạt hết. Khi Gérard Philippe hay Sylvia Lopez chết, bao người đã khóc sụt mướt ? Song độc-giả nào đặt một vòng hoa trước mộ những nhà nghiên-cứu triết-học, luật-học, toán-học ? Họ thừa biết như vậy mà cứ lặng lẽ tiếp tục công trình trong bóng căn phòng nào đó để phụng sự nước họ và loài người. Như vậy, mà thắng-hoặc có kẻ đã dám hy sinh tiền túi khuôn tác-phẩm của họ về nhà, lại phó mặc cho bụi mờ gián nhấm, rồi vì lý-do riêng định quăng đi để khỏi bứt dứt vì nổi không kịp đọc, ôi bất công và bạc bẽo !

Thôi thì cứ lưu họ lại đây, Sự hiện-diện của họ nhắc nhở cho Lý một trạng-thái cao quý của đời người, còn hơn là sự

Thế thì hà-tất đọc suốt từ đầu chí cuối 16 cuốn hiện có về xứ đó, và ba năm cũng chưa thể hết : Ở phần đại-cương về lịch-sử, địa-dư, hay những sự biến-chuyển, tác-giả nào đại-khái cũng vạch ngằn ấy điểm chính, tra cứu một hai quyển cũng tạm đủ. Còn đối với những phần khác. Lý đọc qua một quyển và ghi những điểm đáng chú ý, rồi soát một lượt tất cả 16 cuốn : thì ra chỉ 2 cuốn có ba mục nói về điểm thứ nhất, 4 cuốn có một mục về điểm thứ 6, v.v... tất cả cần đọc kỹ 314 trong 2816 trang. Những chương liên-quan tới các vấn-đề khác mà Lý chưa cần nghiên-cứu thì hãy để đó. Với phương-pháp này, tuần tự mà tiến, chỉ độ một hai năm có thể đọc hết những phần chính yếu của mấy chục quyển, không cần loại bớt quyển nào.

★

Rút cuộc, tủ sách vẫn nguyên vẹn. Nhưng nay ngồi ngắm sau khi xếp lại và tìm ra cách tiêu hóa, Lý thấy yên lòng hơn. Lý biết chắc những sách gì phải đọc trước, những gì giữ để xem lại nhưng không tối-cần, nên chẳng còn có thể khiến Lý bận tâm sốt ruột suông mà cản trở sự khảo-cứu loại thứ nhất.

Sự khó khăn mà Lý đã gặp, không do số sách quá nhiều, nhưng phát nguyên từ tình-trạng lộn xộn trong đầu óc Lý, ở sự vô-tổ-chức trong đời sống tinh-thần khi cũng cần có trật-tự như đời sống vật-chất.

ĐOÀN-THÊM

★

Về phương-diện thứ tự và phương-pháp, thống-chế Lyautey có thể làm gương cho chúng ta nhiều điều. Muốn thật hiện một công cuộc lớn lao, cần làm một số công việc nhỏ mọn, mà người cầm đầu phải đích thân chăm lo lấy.

Những công việc thường ngày nhỏ mọn đó, thống-chế cho là tối quan-trọng, và khi đang làm giờ, ông không muốn cho bất luận một người nào làm rộn ông. Ông đã từng bắt một người bạn thân phải chờ đợi ông đến nóng ruột, cho tới khi ông sắp đặt vật-liệu trong văn-phòng ông, thứ nào vào đúng chỗ của thứ nấy. Ông cẩn thận đến mức : một phong thơ phải để đúng trong hộp phong thơ ; một bút ký phải để đúng trong tập bút ký..., không một chút lệch lạc, hỗn độn. Có người cho đó là thói quen kỳ dị, quá đáng của tinh-thần nhà lại, song thật ra đó là một cách xác tín rằng thứ-tự và phương-pháp phải là nền tảng của mọi hành-động sâu xa và bền vững. (Patrich Heidsiek).

có mặt phốp pháp của mấy ông Tam-Đa cả cười tự-mãn vinh thân phì gia. Lý dành cho họ những tầng cao, phần trên tử, vì họ thuộc bậc thầy thiên hạ. Thầy thì người ta kính, thỉnh giáo khi cần, chớ không coi là bạn như những nghệ-sĩ rung động vuốt ve bằng điệu thơ hay khúc nhạc.

Nhóm này xem chừng quá đông, chật ních cả hai ngăn. Lý cần họ như vợ cần hàng vải lụa. Tơ duyên lâu ngày vướng vít, chẳng lẽ phút chốc chia tay? Nhưng sao lắm thứ cũ quá? Cung-oán, Chinh-phụ, Lục-Vân-Tiên.. ông Tú-Xương chen vai Hồ-Xuân-Hương, cụ Công-Trứ làm gì mà len lõi như Lão-Đá tới gần Kiều? Hay nhờ quách cho chú Liên đương bù đầu về « luận-đề » Việt-Văn? Lại còn cả thi-nhân Pháp, những ông đã làm cho Lý nơm nớp hồi thi tú-tài phần nhất V. Hugo, Racine, Leconte de Lisle, Valéry.., ai xui khiến mua đề mời họ trở lại?

Tuy-nhiên Lý thuộc hạng người thường nghi kỵ những cảm - giác đầu tiên hoặc ý-tưởng đột ngột. Lướt lự vài phút, Lý giờ lại một trang Ôn-Như-Hầu, vớ được câu « *Trong trường gấm chỉ tôn vôi vôi* ». Chết thật! Vua tới bên người ngọc tự tình, sao mà oai vệ quá vậy? Hai tiếng « vôi vôi » nghe nặng nề không gọi gì đẹp, thế mà tới nay Lý vẫn tưởng là tuyệt-diệu vì đã được nghe ngợi khen rồi rít khi ở Cao-đẳng tiểu-học. Lật quyền Kiều như đề bói, thấy « *Hương càng đượm lửa càng nồng, Càng xôi về ngọc càng lồng màu xen* ». Ừ hay, song như thế mà Lý vẫn ngỡ Kiều chung tình rất mực? Giữa cảnh vui thú với Thúc Sinh mà nàng yêu thật, thì quả là « *Ồi Kim-lang hỡi Kim-lang, thôi thôi thiếp đã phụ chàng từ đây* »... Rồi lại

tha thiết với Từ-Hải nữa là khác, khiến Lý liên tưởng đến mấy nữ tài-tử xi-nê ngoại-quốc; Lý đã chịu ảnh - hưởng của những Phạm-Quí-Thích và Chu-Mạnh-Trinh, nên rất thương xót và chỉ thấy Kiều tiết hạnh: nay thử tự mình xét lại vấn-đề xem sao... Từ nhỏ, Lý thường ỷ vào lời khen chê của những vị phê-bình giải thích, — làm sao khác được? — kính cần quá nên dễ tin. Đến khi học văn-chương Pháp cũng vậy, tập thường thức thì cạy Lanson một ít, Crouzet vài đoạn, Brunetiere dăm bảy trang... tóm lại là thụ động, « nghe nói » mà a đua chớ đâu có tự mình tập xét đoán? Rồi bị tràn ngập vì các môn học và các công việc khác, không có dịp đọc lại đề cân nhắc lấy; nhưng nếu chịu xem lại, với tâm-hồn của kẻ trưởng - thành, chắc chắn sẽ thấy khác nhiều: nhiều điều bị chê khi trước có thể được khen bây giờ và ngược lại, khác nào trường hợp vua Clovis đốt những thần-tượng đã thờ và tôn thờ những tượng thần đã đốt (*Brûle ce que tu as adoré, adore ce que tu as brûlé*). Kết-quả: kính mời quý vị thi-nhân ở lại, cho Lý cố tự mình tìm hiểu nhiều hơn, những lúc tâm-thần thư thái.

Tạm yên về phía nhà thơ, Lý quay về những hạng người nghiên - cứu ở phạm-vi kiến - thiết hay tranh - đấu. Bởi thấy cả thế hệ mình học Âu nhiều mà quá ít về Á-Châu, Lý đã cố thâm thập những sách về Nhật-Bản, Trung-Hoa, Ấn-Độ, Thái-Lan v. v... Nhưng đọc sao cho xuề, khi ở mỗi nước, nhan nhản các vấn-đề xây dựng về mọi mặt. Dù nay có theo ông giáo Ngãi mà chuyên chú, thì mới quyết định về nguyên-tắc, còn thì hành ra sao? Lý nghĩ chỉ có cách tự hỏi muốn biết rõ về phương-diện gì đã? Tổ-chức chánh-quyền để thực-hiện dân-chủ, ử như ở Nhật-Bản.

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiều Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do ấn-chiều năm 1853)

SỐ VỐN : 5.000.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.500.000 Anh-kim



Luân - Đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2



Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÁNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhứt
(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co.)



Nam - Vang Chi - Cục

10, Phlaur Preah Kossamac



*Chi - nhánh thành - lập tại các
nước Viễn - Đông*



Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

LẬP-TRƯỜNG VĂN-NGHỆ

của

ALBERT CAMUS

★ CÔ-LIÊU

(tiếp theo B. K. số 76)

CAMUS lấy văn-ngệ làm phương tiện diễn đạt tư tưởng triết-lý. Đối với ông, nghệ - sĩ phải phủ nhận đời vô lý đồng thời lãnh lấy trách nhiệm nâng đời sống lên một trình độ cao hơn. Ta cần nói ngay rằng không phải phủ nhận hoàn toàn ; người nghệ-sĩ chống đối phủ nhận những giá trị đời sống máy móc nhưng thừa nhận nguồn gốc những giá trị ấy, (ý thức Chân, Thiện, Mỹ). Tuy nhiên ta phải nhận định hai đợt sáng tác của Camus, phản ánh hai khía cạnh của chủ trương văn nghệ. Đợt đầu mô tả đời vô lý, thể hiện đời vô lý, mà Camus gọi là sự « sáng tác vô lý ».

Đợt sau thể-hiện tinh-thần tạo-tác xây-dựng của người nghệ sĩ chống đối. Hai đợt ăn khớp với lịch trình tiến triển của tư tưởng triết lý từ *Le Mythe de Sisyphe* đến *L'homme révolté*.

Quan niệm « Sáng tác vô lý » tạo ra những nhân vật khô héo tàn lụi vì sống giữa đời sống máy móc, cho đến khi ý thức được sự vô lý đó, tìm được tự do quý giá thì nổi dậy chống đối cuộc đời. Họ chỉ biết có hiện tại, tìm ý nghĩa cuộc sống trong khoái cảm, hoặc bêu diếu đời, hoặc gợi những hình ảnh giết tróc áp bức để phá đổ cái trật tự

giả tạo lừa phỉnh của đời vô lý. Camus tiểu thuyết gia hay kịch sĩ khai thác những trò hề của thời đời đen bạc với một nghệ thuật tuyệt kỹ cho nên thông cảm với các văn phái hiện sinh hay yếm thế. Người đọc cũng khoan khoái vì thấy có một tiếng nói tài hoa nói lên những cái gì họ khinh ghét mà cứ phải chịu đựng. Họ tìm được trong con người văn nghệ ấy một chứng nhân của thời đại sắc bén và táo bạo biết ăn biết nói.

Nhưng rồi Camus đổi giọng và cũng bước sang con đường chống đối văn phái hiện sinh. Sartre theo dõi hoạt động của ông với con mắt ngờ vực, cái mỉm cười khinh khỉnh : « Nào thử xem họ làm được cái gì với lập trường xây dựng của họ trong một cuộc đời còn nguyên vẹn đối trá và lừa lọc, người ta phải tìm tình yêu thương đồng loại qua đau khổ và chết chóc, tìm sự thật trong sự mâu - thuẫn ! » Camus đổi giọng. Camus đem yếu-tố xây-dựng và văn-nghệ chống đối. Camus cố gắng « sửa chữa » đời sống trong những tác-phẩm *La Peste*, *L'Etat de Siège*, *Les Justes*. Nhưng sự cố-gắng của Camus mới là một... sự cố-gắng. Trong *La Peste* không thể phân định được thế nào là thiện thế nào là ác, tác-giả đi đến kết-luận: con đường thiện là

một mục phiêu dề người ta tiến đến, chỉ là một mục phiêu không hơn không kém, và những người làm nên tội ác một cách ngay thơ đã là hình-ảnh cái thiện ở trần-gian.

L'Etat de Siège được lên sân khấu những đề mục triết-lý của thiên tiểu luận *L'homme révolté* một việc thử làm rất hay nhưng có lẽ không phải là một thành-công kịch-nghệ, theo sự nhận-xét của khán - giả. Kịch *Les Justes* đề cập đến cách-mạng. Nhân-danh hạnh-phúc loài người cách-mạng tàn sát và gây đau khổ. Đó là những mâu-thuân nan giải, con người hy-sinh nhiều rồi vẫn chịu đau khổ, đến phải thốt ra : « chết vì những mâu- thuẫn của mình dễ dàng hơn sống với những mâu - thuẫn ấy bao nhiêu ! » Tác-giả đi đến kết-luận : không thể tìm sự thật trong sự yên ổn bình thản mà phải tìm sự thật trong sự mâu-thuân.

La Chute cũng là một cái gương thất bại. *Clamence* chạy theo đời thì sống, đến khi chống lại đời thì chết ngộp.

Tất cả những sự kiện trên đây làm biểu hiện tính cách kiên cố của đời phi lý. Người ta biết là ngăn cản không cho đời xụp đổ rất khó khăn nhưng cứ phải làm người cho rằng

ý tưởng phá đổ đời vô lý trong những tác-phẩm ra đời trước kia mâu thuẫn với ý chí ngăn cản không cho đời xụp đổ bây giờ. Nhưng thiết-tưởng đó là điểm chủ yếu của triết-lý chống đối : phá hủy mà xây dựng, kiến - tạo trong sự phá hủy.

Sự nghiệp văn-chương của Camus bỏ dở giữa lúc sự việc hầu như báo trước một cố gắng cụ thể hóa những giá-trị mới mẻ thoát thai từ cuộc chống đối giữa tâm và đời.

Chúng ta cần nhận định những nguyên-tắc kỹ - thuật của hai đợt sáng-tác : sự thể hiện đời vô lý và tinh-thần tạo tác trong văn-nghệ chống đối.

Sự thể-hiện đời vô lý

Nghệ - thuật có sứ mạng ghi lấy ngoại - giới máy móc và vô nghĩa. Nghệ - sĩ trình - bày một cách nào để cho sự vật tiếp diễn theo dòng tự nhiên của nó mà không giải - quyết một vấn - đề gì. Nếu tình cờ người đọc có thể tìm thấy một ý nghĩa cho đời mình thì cái đó không can hệ lắm. Kỹ-thuật văn-nghệ là dùng lý trí để xếp đặt những hình ảnh đời sống cho hợp chỗ, hợp lúc mà không để lộ sự xếp đặt ấy ra. Ta thấy người nghệ-sĩ cố gắng chụp hình đúng thiên hình vạn trạng của đời sống, chụp lấy bộ mặt đích xác của đời vô lý, thì ta hiểu

rằng nghệ - sĩ không đối trá, dối mình và dối người. Nhưng chúng ta nhận thấy nghệ-sĩ với những tính chất nghệ-thuật như thế sẽ sáng-tác những nghệ-phẩm phù-phiếm. Phải theo dõi sự tiến-triển của tư-tưởng Camus về sau mới thấy những ý-kiến bổ-túc cho những nguyên-tắc đề xướng ở trên.

Tinh-thần tạo-tác của nhà văn chống đối

Nghệ-thuật phải tập hợp hai sự kiện của cuộc chống đối : đời thực-tế và tâm.

Nghệ - thuật phải diễn - tả những xúc động của tâm khi đụng chạm với đời vô lý. Nhưng nghệ-sĩ phải biết chừng mực trong sự diễn-tả đó, phải tìm lấy một thể quân bình giữa tình-cảm và thực-tế.

Từ bỏ thực tế là phủ định tuyệt đối, nghệ sĩ tạo ra một thể giới tưởng tượng không dính dáng gì đến cuộc đời thực sự, đó là nguồn gốc những loại « tiểu thuyết hồng », văn nghệ lãng mạn, văn chương trà dư tửu hậu.

Chấp nhận toàn thể thực tế là khẳng định tuyệt đối, đó là quan niệm tả chân, một cách lấy quay phim thu hình đời sống.

Nghệ thuật chân chính phải phản chiếu cái tinh thần tạo tác của nghệ

sĩ để hứng cuộc đời về một lý tưởng thuần nhất. Trong sự trông tìm cái thuần nhất, nghệ sĩ thu góp những yếu tố rời rạc trong đời có thể tạo ra cái thuần nhất đó. Âm nhạc lựa trong số có những âm thanh lộn xộn những âm thanh có thể xếp đặt thành nhịp điệu, tức là lọc lấy cái thuần nhất trong sự hỗn độn thiên nhiên. Hội họa ghi lấy dáng điệu, hình thể, của con người, những cái gì tiêu tán với thời gian, để biến thành vĩnh cửu, hoặc lựa chọn những đường nét màu sắc của cảnh vật tản mát đó đây để xếp lại cho có nhất chí, một cái gì gọi đến ý niệm thuần nhất.

Trong sự trông tìm cái thuần nhất đó văn truyện phải là những sáng tác để sửa chữa đời sống. Nghệ sĩ không thể bằng lòng với sự mô tả những hành động và diễn biến tâm trạng của nhân vật. Nhân vật phải diễn tả mãnh liệt đời sống, nghĩa là nắm chắc được dòng sống đầy đủ và mãnh liệt của con người từ lúc ra đời đến lúc chết. Cảnh đời bất trắc và eo hẹp chỉ cho ta sống một cách nông cạn thiếu sót mà không ý thức được chân giá trị của đời sống.

Ái tình, một sắc thái của tình yêu rộng lớn, là tâm tình sâu sắc cao đẹp của người đời, nhưng người đời đau khổ vì thấy lòng mình yêu mà không nắm vững

được tình-yêu. Con người lạc lõng trong cái tầm thường của đời sống chỉ chạy theo ảo ảnh ái-tình. Nghệ-sĩ đem lại cho ái-tình tính chất bền chặt, chung chính, thuần khiết mà ngoài đời thiếu thốn. Nghệ-sĩ tạo cho ái-tình phong-độ, sắc-thái; cụ thể hóa bằng ngôn-ngữ và cử-chỉ nguồn giao cảm thanh cao đã làm xúc - động người đời, để giúp người lý hội phong-độ và sắc-thái đó.

Nghệ-thuật không chế-tạo ra một cuộc đời tưởng - tượng mà cũng không chép lại nguyên vẹn đời sống, nghệ-thuật sửa chữa cuộc đời ta sống để đưa lên một trình-độ cao hơn. Nghệ-sĩ vừa từ khước cuộc đời vừa lãnh trách-nhiệm với đời. Họ từ khước sự gian tham, giả dối và áp bức, họ lãnh trách-nhiệm bảo vệ tự-do và danh-dự con người. Họ đứng làm nhân chứng cho công-bình và tự-do.

Những nguyên-tắc trên đây có thể gọi cho ta nhiều ý tứ về sự sáng-tác văn-nghệ như đối với các vấn-đề văn-nghệ gia nhập và vô gia nhập, thế nào là yếu-tố xây-dựng trong văn-nghệ, thế nào là nhân chứng của thời-đại, thế nào là một tác-phẩm hay.

**BANQUE COMMERCIALE ET
INDUSTRIELLE DU VIETNAM**

**VIỆT-NAM CÔNG THƯƠNG
NGÂN-HÀNG**

Số vốn : 50.000.000\$ V. N.

TỔNG CUỘC SAIGON :

Địa chỉ : 40-48 đường Ngô-đức-Kế Saigon

Địa chỉ mới kể từ ngày 1-7-59 :

*gốc Đại-lộ Hàm-Nghi (93-95)
và đường De Lattre de Tassigny*

Điện thoại : 21.558-21.559

Địa chỉ điện tín : Vietnambank

CHI NHÁNH DANANG (Tourane)

Địa chỉ : 59 đường Độc-Lập

Đảm nhiệm tất cả công việc Ngân hàng

Có Đại diện khắp hoàn cầu.

GIAO - THÔNG NGÂN - HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hãng Chính (Siège Social)

ĐÀI - BẮC — TRUNG - QUỐC

Phân-hãng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện-thoại 21.549 và 24.547

AGENCE DE CHOLON

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện-Thoại : 36.268 và 36.269.

Danh sách điện báo : COMMUBANK



Các hã*ng* Đại-lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có t*ủ* bảo hiểm cho thuê, mỗi t*ủ* tiền thuê mỗi năm từ 300\$ đồng trở lên.

BÁO CHÍ

VÀ VẤN ĐỀ CHÍNH TẢ

NGUYỄN-NGỌC-NÊ

MỘT hôm tôi tới thăm ông Tâm. Nhà ông bạn sát ngay lề đường. Tôi cửa, tôi nghe thấy trong nhà to tiếng nện chưa tiện vào ngay.

Tôi dừng chân ngoài cửa. Nhìn qua bức rèm thưa, tôi thấy ông Tâm sắc mặt hầm hầm, tay trái cầm một tờ báo, tay phải chỉ vào mặt đứa con trai lười chùng 12 tuổi mà nói :

— Tao còn bắt gặp mày đọc báo thì chết đòn, nghe chưa !

Trước vẻ mặt nghiêm nghị của người cha, thằng nhỏ đứng yên, sợ sệt.

Muốn dẹp tan bầu không khí nặng nề đang bao trùm căn phòng, tôi liền gõ cửa. Ông bạn vội bảo con :

— Thôi, cho vào nhà trong.

Đoạn tươi nét mặt lại, ông vồn vã chào tôi :

— Kia anh Nê, mời anh vào chơi.

Sau khi chủ, khách an tọa, ông bạn rót trà mời tôi.

Từ nãy đến giờ, tôi rất thắc mắc về câu chuyện vừa xảy ra. Tại sao ông bạn lại quá nghiêm khắc với con như vậy ? Phải chăng ông sợ con ông bị ảnh hưởng xấu vì những tin giật gân ? hay vì những tiểu thuyết diêm tình ?

Tôi đánh bạo hỏi :

— Cái gì mà anh mắng cháu vậy ?

Ông bạn chép miệng, nói :

— Thằng cháu nhà tôi nó còn đọc báo thì không sao đâu nổi cái bằng tiểu-học, anh ạ !

Sửng sốt cả người, tôi vội hỏi :

— Sao đọc báo lại không đậu được bằng tiểu-học ?

— Ấy năm ngoái, nó đã rớt tiểu học cũng chỉ vì nó mê đọc báo. Cứ cái điệu này thì năm nay nó lại rớt nữa mới khổ cho tôi chứ !

— Anh nói gì, thật tình tôi không hiểu !

— Anh tính báo với bách gì ! Quốc ngữ họ viết nào có nên thân. Chính tả sai be sai bét. Thằng cháu, tôi mất công kèm mấy tháng trời, viết chính tả đã khá. Thế rồi mới đây tôi bận việc không trông nom được, nó lén lút đọc báo mới có một tháng nay, bây giờ viết chính tả lại lỗi như rươi, có chết tôi không anh !

Ông bạn ngừng một lát, rót thêm trà mời tôi.

Tôi đang đắm chiều suy nghĩ về câu nói của ông bạn thì ông lại tiếp :

— Anh cứ thử mở tờ báo này ra mà coi. Tôi chưa nói đến văn phạm — có rất nhiều câu bất thành cú —, riêng lỗi chính tả anh sẽ thấy nhan nhản. Nhưng lỗi s viết lộn thành x, ch viết thành tr, gi làm với d và r, nếu đem ra đánh lỗi thì không sao đếm xuể. Rồi đến các dấu hỏi, ngã, nặng cũng cứ lăm lộn lung tung thật là lạ quá !

Tôi lặng ngẫm một lát rồi nói :

— Lời chỉ trích của anh có phần đúng nhưng cũng hơi quá khe khắt.

Ông bạn xem chừng không giữ nổi bình tĩnh, ông lớn tiếng :

— Tôi hỏi anh có thấy ở nước nào lại có cái tình trạng quái gở như ở cái nước Việt-Nam này không? Anh có thấy một tờ báo ngoại-quốc nào lại đầy những lỗi chính tả như những tờ báo Việt của mình không? Một người Pháp hay một người Anh khi viết tiếng mẹ đẻ của họ mà để những lỗi chính tả, nếu không gọi là dốt thì còn gọi là gì? Vậy mà anh bảo tôi khe khắt ! Chính các anh quá dễ dàng thì có, dễ dàng đến chỗ bừa bãi !



Ở nhà ông bạn ra về, tôi vừa đi vừa suy nghĩ rất lung. Tôi quên không kêu một chiếc tắc-xi như lẽ đáng. Nhà xa đến bốn, năm cây số, tôi đi bộ mà quên cả đoạn đường dài.

Những lời gay gắt của ông bạn không phải là vô căn cứ. Tôi còn nhớ, có lần tôi đã bị lúng túng vì những câu nói của một người bạn ngoại quốc, ông J.D., ông này học tiếng Việt từ lâu đã nói và viết được Việt ngữ khá thông.

— Tôi thấy, ông J.D. nói, tôi học tiếng Việt bằng cách đọc báo rất chóng tấn tới. Sáng nào tôi cũng mua một tờ báo, như vậy tôi tự buộc tôi hàng ngày phải đọc. Nhưng tôi rất hoang mang về lỗi chính tả bất nhất của các ông. Tôi không còn biết thế nào là đúng, thế nào là sai. Chẳng hạn « theo dõi », cùng một tờ báo, trong một bài ở trang nhất

thấy viết là « theo rồi », đọc sang trang ba, trong một bài khác thấy viết là « theo dõi », rồi lại gặp ở trang tư, trong một bài khác nữa thì lại là « theo rồi ». Nhiều danh từ khác cũng vậy, lúc viết *gi* lúc viết *d*, lúc viết *r*, lúc viết *ch* lúc lại viết *tr*, không lúc nào giống lúc nào ; cùng một chữ mà lúc viết thế này, lúc lại viết thế nọ. Thật là khó khăn cho người ngoại quốc chúng tôi khi học tiếng của các ông !

Sự thật ta phải nhận rằng báo chí ngày nay quả có cầu thả về vấn đề chính tả. Lỗi này một phần lớn là do nơi tòa soạn trong khi soạn bài, sửa bài, không quan tâm đến vấn đề chính tả. Tác giả các bài viết sao thì cứ để y nguyên như vậy rồi trao cho thợ xếp chữ. Đến lượt các ông « thầy cò » (1) sửa lỗi thì cũng lại bỏ qua các lỗi chính tả nên cùng một danh từ, ta thấy ở trong một bài thì viết cách này, ở trong bài khác lại viết cách nọ.

Kể ra làm như vậy, các báo cũng đỡ mất thì giờ sửa chữa lỗi thôi. Vả lại, báo bán chạy hay không chẳng phải ở chỗ chính tả đúng hay sai nên các báo thường không quan tâm đến vấn đề chính tả. Thảng hoặc có ông chủ báo nào vì tự trọng mà để tâm đến vấn đề chính tả, thì những người cộng sự của ông lại cho là ông vẽ chuyện. Nhà báo không quan tâm đến chính tả, độc giả viết bài gửi đăng cũng không quan tâm đến chính tả thì tất nhiên phải xảy ra tình trạng chính tả bừa bãi trên các báo. Và bừa bãi có nghĩa là thiếu tự trọng.

Báo chí vẫn thường tự nhận là mình hướng dẫn quần chúng, truyền bá văn hóa. Nhưng với chính tả bừa bãi trên mặt báo, báo chí quả đã thiếu sót khá nhiều trong nhiệm vụ kể trên.

NGUYỄN-NGỌC-NÊ

(1) Correcteur, người sửa bài.

« Tát hồ cho cạn »

Người Trung-Hoa xưa vì kẻ dùng hết sức dân, lấy hết của dân là kẻ : *tát hồ đến cạn*, là kẻ : *kiệt trạch*. Họ ám chỉ kẻ muốn tát hồ đến cạn để bắt cá mà không nghĩ rằng : tát hồ đến cạn để bắt cá năm nay thì được, nhưng sang năm chắc không còn cá nữa. Câu *kiệt trạch* trích trong câu : *Kiệt trạch nhi ngư, khởi bắt hoạch đắc, nhi minh niên vô ngư*.

ĐÃ PHÁT HÀNH

Văn-Hóa Á-Châu

SỐ 23 và 24 — THÁNG 2 và 3-1960

VỚI NHỮNG BÀI

Khoa-học và nhân-bản. NGUYỄN-ĐẮNG-THỰC—Cổ Ấn-Độ với Đông Nam Á. PHAN-KOHANG — Non nước Việt-Nam. NGUYỄN-THIỆU-LÂU—NGUYỄN-ĐÌNH-CHIỂU nhà thơ ái quốc. NGUYỄN-KHOA — Cổ tích Tây Hồ ở Trung-Hoa SỞ CUỒNG — Đôi điểm sai lầm về Hàn - Mặc - Tử... QUÁCH-TẤN — Thi ca Việt-Nam trong giai đoạn nền móng (1930—45)... LÝ - DANH - CHƯƠNG — Bích - Khê, cuộc đời và thi nghiệp... ĐÌNH-CƯỜNG — Óc châm biếm, hài hước và trào phúng trong văn - chương bình - dân Việt - Nam... HIẾU - CHÂN — Nghiên - cứu chữ Hán... THI-ĐẠT-CHÍ.

136 TRANG GIÁ 20\$

Có bán tại các hiệu sách trong nước và tại Trụ sở Hội Văn-Hóa Á-Châu số 201 đường Lê-Văn-Duyệt Saigon — Tél. 24.655

SOCIÉTÉ FIDUCIAIRE DU VIETNAM

35 Đại-lộ NGUYỄN-HUẾ, SAIGON

Agent Exclusif

POUR LE VIETNAM ET LE CAMBODGE



LIEN-XA CONG-TY

95. ĐƯỜNG THỐNG-CHÉ DE LATTRE DE TASSIGNY - SAIGON
DISTRIBUTEUR POUR LE VIETNAM

Continental



CALTEX (ASIA) LIMITED

*Phát hành ở Việt-Nam
tất cả nguyên liệu có giá trị*



và đặc biệt nhất là dầu

RPM

THE PREMIUM MOTOR OIL

H.D.

55 VẤN - ĐỀ, CÂU HỎI

được nêu lên hay được gọi ra

NGUYỄN-NGU-Í

(Tiếp theo B. K. số 75)

III. — NỘI-DUNG

1 — *Truyện ngắn phải chăng bắt-lực trong việc ghi lại hình-ảnh cuộc đời biến chuyển, đưa ra một nhân-sinh-quan ? Và ta có nên xem truyện ngắn như một thứ « bài tập » ? (B.K. 60)*

— Phần đông các bạn góp ý cho rằng, nếu ông Bùi-Xuân-Uyên không lập-dị thì cũng nói đùa. Truyện dài có cái khó của truyện dài, truyện ngắn cũng có cái khó của truyện ngắn. Một truyện ngắn mà thành-công thì còn hơn một truyện dài mà thất-bại ; đó là chưa nói cái « tội » của tác-giả truyện dài thất-bại đã làm độc-giả mất thi-giờ nhiều mà chẳng được cái chi chi. Ông Bùi-Xuân-Uyên có lẽ chỉ căn-cứ vào cái hình-thức, đúng hơn là cái ngắn, dài của truyện mà xem thường truyện ngắn : một thứ « bài tập ». Bất-

lực trong việc ghi lại hình-ảnh cuộc đời biến-chuyển, tron việc đưa ra một nhân-sinh-quan, là do người viết kém tài, chớ chẳng phải vì lối văn nó hạn-chế sự... « kéo dài ».

Ý-kiến của ông Bùi-Xuân-Uyên làm chúng tôi liên-tưởng đến câu thơ này của Boileau :

« Un sonnet sans défaut vaut seul un long poème ».

(Một bài son-nê [16 câu] không tí vết, một mình nó cũng giá trị bằng một áng thơ dài).

Trong lời giới-thiệu « 54 truyện ngắn hay nhất thế-giới », nhà xuất-bản Gallimard có nói đến « 56 tân-truyện mới hay nhất thế-giới (...) đã được công-chúng

hoan-nghinh, sự hoan-nghinh nó chứng-minh một cách hùng-biện rằng số người ham-thích lối văn này vẫn còn nhiều, cái lối văn đòi hỏi ở các tác-giả biết bao là khắc-nghiệt... »

Tân-truyện (nouvelle) cũng là một lối văn chẳng dài, bà con rất gần với truyện ngắn (conte), mà ở ta, *conte* hay *nouvelle* thường được gọi chung là truyện ngắn. Vậy ta hãy nghe thêm một ý-kiến của người đã đề tựa quyển « 56 tân truyện mới hay nhất của thế-giới » do nhà Gallimard in lại lần thứ 13 (năm 1956) :

« Tự vị Larousse cho chúng ta biết một tân-truyện là một « cấu tạo văn-chương trong một phạm-vi nhỏ hẹp ».

« Trải qua bao thế-kỷ, và trong mọi thứ tiếng, nhiều nhà văn đã nổi danh với lối cấu tạo văn-chương này, cái lối văn, mà dù « phạm-vi nhỏ hẹp », hay có lẽ do điều đó, nó bắt các nhà văn phải hoàn-toàn làm chủ nghệ-thuật của mình.

« [...] Tác-giả có trước mặt mình vài tờ giấy trắng và, trong phạm-vi của vài tờ giấy này, được trình-bày tất cả bi-kịch hay hài-kịch của loài người — đôi khi cả bi lẫn hài — phát xuất từ tâm-can, nhưng chi-phối bởi cái cơ-cấu gắt-gay của một nghệ-thuật khắc-nghiệt. Tấn-kịch được gọi ra, rồi nở bung, tác-giả chỉ còn có mỗi một trang, có khi, chỉ còn có vài hàng đặng vừa kết thúc câu chuyện, vừa để cho người đọc một khoảng nhỏ cho cánh mộng chấp chờn.

« Người ta gán cho Anatole France một câu mà tự nó nói nhiều. Văn hào này gởi cho báo *Figaro* một thiên ký-sự thật dài về một đề-tài hấp-dẫn mà câu

chốt bức thư gởi kèm là : « Xin thứ lỗi cho tôi, tôi không có thi-giờ để viết cho ngắn ».

« Cái công-trình « phạm-vi nhỏ hẹp » này nó mới đòi hỏi hết bao là thứ tài, những thứ tài khác nhau và chín chắn ! Tiết-kiệm chữ chọn như thế nào, mầu-lực của lời văn phải ra sao mới có thể khiến người ta chú-ý ngay ở mấy dòng đầu.

« Đọc một tân-truyện hoàn-toàn, tròn trịa, cân-đối một cách điều-hòa, tôi cảm-xúc y như khi đứng trước vài bức tranh phong cảnh của bức tay thầy, chỉ có một diện-tích, ngang ba mươi phân và dài bốn mươi, mà gọi cho ta cả đất trời.

Muốn làm được những phép mầu — mà với tôi, tân-truyện là một phép mầu — theo tôi dường như, cần phải rất nhiều tình thương, và tôi hay nghĩ rằng một tân-truyện là một nụ cười tím tím của trẻ thơ, là một giọt lệ e dè chột biếc, là một mảnh lòng của người đã viết nó ra. »

HÉLÈNE - FRÉDÉRIQUE LARA

2 — Phải chăng « không ai coi thường » truyện ngắn ? Và viết truyện ngắn không phải dễ ? (Xin xem lại ý-kiến của Bùi-Xuân-Uyên (B.K. 60) trái ngược hẳn ý-kiến trên đây của Tam-Ích) (B.K. 61).

— Trường-hợp nhà văn Bùi-Xuân-Uyên « coi thường » truyện ngắn có lẽ là một trường-hợp rất là đặc-biệt, còn hầu hết nhà văn không ai coi thường truyện ngắn và cho rằng viết truyện ngắn có phần khó hơn viết truyện dài. Vì cái lẽ là nó... ngắn ! Một quả núi ngất trời, một

đại-dương bát-ngát cho ta cái cảm-giác đứng trước cái Vô-cùng, nhưng một hạt kim-cương, một giọt sương lấp lánh cũng là hình-ảnh của Vũ-trụ.

3 — *Đành rằng một sáng-tác-phẩm có « lãnh - mạnh », « có xây - dựng », có « hướng lên » thì càng quý, nhưng thế nào là lãnh-mạnh, là xây-dựng, là hướng lên?* (B.K. 61).

4 — *Thế-Phong đưa ra quan-niệm văn-nghệ : tác-phẩm hay phải « ghi lại hình-tượng thời-dại mà chúng ta sống và dựa vào đấy có phần hướng thượng ». Các bạn có đồng quan-niệm này chăng?* (B.K. 62).

— Chúng tôi xin chờ thêm ý-kiến các bạn về hai câu hỏi bà-con này.

5 — *Có phải Bồ-Tùng-Linh — trong Liêu-trai chi-dị — đã « sống ngoài nhân-sinh để phản-ứng lại đời sống », như Tam-Ích nhận-xét?* (B.K. 61)

Bồ-Tùng-Linh tuy có nói trước « Nói lão mà chơi, nghe lão chơi » nhưng mà cái « nói lão » của ông không phải chỉ để mà chơi. Cái ẩn-ý : đạo-đức, xã-hội, chánh-trị của « Liêu-trai », người xem xưa và nay đều cảm thấy, ít hay nhiều. Và tuy họ Bồ mời chúng ta « Thờ-thần nghe ma đọc mấy lời »; nhưng ma của Tùng-Linh đều mang đủ những tính người, và vẫn « Giao-du thân-mật » với người; thành thử « có ma mà cũng có người ! » Viết truyện ma, truyện hồ, đối với họ Bồ, đó là một lối phản-ứng lại bao cái đè nén, thui nát thời ông, và như thế — theo ngụ ý — ông vẫn đứng « trong vòng nhân-sinh ».

6 — *« Trường-hợp Bình-Nguyên-Lộc » là trường-hợp gì, để Nguyễn-Đức-Quỳnh bảo rằng « một nhà văn quốc-tế, chuyên viết truyện ngắn, mà ở vào trường-hợp tác-giả « Nhốt gió » chưa chắc đã làm hơn ?* (B.K. 61)

— Có bạn bảo : « Nhờ người phụ-trách cuộc phỏng-vấn tìm hỏi ông Bình-Nguyên-Lộc, để ông cho biết ông ở trong trường-hợp nào đây ? ».

Có bạn lại đề-nghị chúng tôi nên chạy tìm tác-giả « Ai có qua cầu » để nhờ ông cho biết cái « trường-hợp Bình-Nguyên-Lộc ».

Vậy xin ô. Nguyễn-Đức-Huỳnh vui lòng tỏ bày : để bạn đọc khỏi còn thắc-mắc.

7 — *Phải chăng ta không thể cho (truyện ngắn hay dài) nào hay nhất được vì — theo cô Linh-Bảo — mỗi nhà văn có một lối viết khác nhau, tả một đề-tài khác nhau ? Mà chỉ có thể cho là hay hoặc dở mà thôi* (B.K. 62)

— Bạn Phan-Minh-Nguyễn « không đi » với cô Linh-Bảo về quan-điểm này, bạn « ý-niệm rằng một truyện hay nhất hay dở nhất là tùy ở người đọc chứ không phải do người viết », thì lối viết hay đề-tài khác nhau không thành vấn-đề.

Chúng tôi thì nghĩ : có lẽ tác-giả « Gió Bắc » thuộc vào hạng người thêm muốn vô-biên và tuyệt-đích, nên chẳng thấy cái tương-đối, cái một thời của ý-kiến mình mà người phụ-trách cuộc phỏng-vấn mong được biết.

Chúng ta từng thấy : người da vàng có một quan-niệm về « người đẹp »

khác với người da trắng, người da đen..., và có lẽ người mỗi nước có một quan-niệm riêng biệt, thế mà hằng năm, người ta vẫn cứ chọn « Người Đẹp nhất hoàn-cầu » trong số bao người « đẹp mỗi người một vẻ » ở năm châu. Đó là về phần... « vật-chất ». Còn về phần, (xin tạm gọi là phần) « tinh-thần » thì quyền « Don Quichotte » của Cervantès được chọn là 1 trong 15 quyển tiểu-thuyết hay nhất thế-giới, và nhất là phim « Đồ xô đi tìm Vàng » của Charlie Chaplin được chọn là 1 trong 10 phim hay nhất thế-giới : kỹ-thuật của mỗi cuốn phim, của mỗi loại phim, quan-niệm của người đạo-diễn, lối diễn-xuất của các tài tử — đó là chúng ta không nói đến vấn-đề « không-gian và thời-gian » và cả đề-tài—biết bao nhiêu là cái « chẳng giống nhau » ! Và cách đây mười năm, ở Mỹ và ở Pháp có hai tờ báo : Look và Paris - Match đã đưa ra 20 nhân-vật có ảnh-hưởng sâu đậm nhất ở nửa đầu thế-kỷ XX : trong đó người ta thấy nhà khoa-học, nhà chánh-khách, nhà phát-minh, nhà lãnh-tụ, nhà kỹ-nghệ..., và cả nhà tôn-giáo!

Đề trở về truyện ngắn của chúng ta, thì sự thành-công của 18 tờ báo trên thế-giới trong việc tổ-chức cuộc thi truyện ngắn (conte) và tân-truyện (nouvelle) hay nhất thế-giới trong khoảng 1953-1955 — cũng như sự thành-công của nhà Gallimard trong việc xuất-bản hai tập « 56 tân-truyện mới hay nhất thế-giới » và « 54 truyện ngắn hay nhất thế-giới » — chứng-minh rằng việc này rất có thể.

8— *Chọn một truyện hay nhất có giống với việc « chấm bài luận học-sinh tả*

chung một đầu đề » để tìm bài hay nhất chăng ? (B.K. 62)

— Về đề-tài, thi thiết nghĩ các nhà sáng tác đã có chung một đề-tài, đó là : *cuộc Sống*.

Còn học-trò vì ở trong một khuôn-khổ, và sự hiểu biết còn non nên phải làm bài theo một đầu đề-tài do thầy, cô ra, chớ nhà văn thì được tự-do chọn đề-tài, song đề-tài nào thì cũng không ngoài cuộc Sống. Thi tự-nhiên giữa việc « chấm bài » của một cô giáo để tìm bài luận của học trò hay nhất, với việc « chọn truyện hay nhất... » của người thưởng-thức nghệ-thuật, có lắm chỗ khác nhau.

9.— *Thiếu một trong ba yếu-tố : Chân, Thiện, Mĩ, thì sáng-tác văn-nghệ dành chẳng thể hoàn-toàn hay ? (B.K. 63)*

— Hay hoàn-toàn, hoàn toàn hay là một chuyện. Còn đây chúng ta nói đến : cho là hay nhất, hay được thích nhất. Chỉ nói « Chân, Thiện, Mĩ » không, thì cũng mơ hồ như nói : *xây dựng, lành mạnh, hướng lên...* Vì mỗi người có thể hiểu mỗi cách.

10.— *Thăm-Thộ-Hà đặt Thạch-Lam, Nguyễn-Tuân, Bình-Nguyên-Lộc, Lý-Văn-Sán, Trang-Thế-Hi ngồi chung một chiếu và ngang nhau, các bạn tán-thành hay phản-đối ? (B K. 63)*

— Không có bạn nào tán-thành, mà cũng chẳng có bạn nào phản-đối ; các bạn góp ý cho rằng ai cũng có quyền « xếp » các nhà văn theo sở-thích của riêng mình. Song phần nhiều gặp nhau ở nhận-xét sau đây: Thạch-Lam và Nguyễn-Tuân đã có chỗ ngồi rồi, Bình-Nguyên-

Lộc và Lý-Văn-Sâm đang an-tọa, còn Trang-Thế-Hi thì còn chọn chỗ.

11.— *Nguyễn-Vỹ chưa thích nhất một truyện ngắn nước nhà nào, các bạn có cho rằng Nguyễn-Vỹ quá khó tính, hay vì truyện ngắn ta chưa có gì đặc-sắc ?* (B.K. 64)

12 — *Triều-Đầu cho rằng chưa có truyện ngắn Việt nào « đã vượt nổi thời-gian », như thế, các bạn có cho rằng ông có hơi khắt-khe chăng ?* (B.K. 65)

— Các bạn cho rằng chưa chọn được truyện nào hay nhất thì còn hiểu được, chớ chưa thích nhất một truyện ngắn nào của nước nhà, thì quả là ông Nguyễn-Vỹ khó tính thật.

Có một bạn lại nhờ chúng tôi hỏi giúp ông Nguyễn-Vỹ vậy chớ ông đã đọc một số truyện Việt mà thiên-hạ cho rằng hay chưa, và chẳng rõ ông có « tò-mò » đọc lại hay tìm đọc những truyện mà các nhà văn, nhà giáo, nhà báo, nghệ-sĩ (bị chúng tôi phỏng-vấn) đã cho là hay nhất, là hay, hoặc được thích hay thích nhất chưa ? — Trên báo « Hương-Quê », tập VII, ngày 25-12-1959, ông Nguyễn-Tử-Năng có nắm lấy ý-kiến trên đây mà cho rằng ông Nguyễn-Vỹ đã lập-dị có ăn-ý và hỏi : « Nguyễn-Vỹ thật tình, hay quả đã xem thường văn-nghệ nước nhà ?... »

Còn về ông Triều-Đầu, thì các bạn hỏi lại : « Cái thời-gian của ông Triều-Đầu là bao nhiêu mới được chử ? Là một tháng, một năm, một thế-kỉ, hay cả thiên thu ? Lỡ có truyện nào hay — được đa-số cho là hay — mà ra đời trong năm 1960 chẳng hạn thì phải chịu số « đỡ » sao ? bởi cái thời-gian nó vượt qua ngàn-ngũi quá »

Chúng tôi còn có nhận-xét này : Cái « tuổi » của lối truyện ngắn ở nước ta nó còn quá trẻ. Có thể cho nó bắt đầu từ 1918 (năm các truyện ngắn của Nguyễn-Bá-Học : Câu chuyện gia tình, Dư sinh lịch hiem kỳ... và Phạm-Duy-Tồn : Sống chết mặc bay ! Con người Sở-Khanh... ra đời), thì tới nay, nó chỉ « vượt » khoảng bốn mươi năm.

13.— *Chúng ta cho một truyện hay hoặc chúng ta thích một truyện nào, ngoài vì hình thức và nội-dung, còn có cái gì hợp, giống ta..., hẳn các bạn đồng ý với Nguyễn-Vỹ.* (B.K. 64)

14.— *Chắc các bạn đồng ý với Giản-Chi về hai lý do khiến độc-giả thích một tác-phẩm văn nghệ :*

a) *Giá-trị nghệ - thuật nội - tại của tác-phẩm :*

b) *Tương-quan « giao lưu cộng minh » giữa tâm-sự tác-giả và tâm-sự độc-giả.* (B.K. 70)

— Các bạn trả lời đều đồng ý với hai ông Nguyễn-Vỹ và Giản-Chi. Có bạn lại nhắc đến « Truyện Kiều », cho là lúc nào cũng thấy nó hay nhất, phải chăng vì cảnh tình trong ấy lúc nào cũng có chỗ, có điểm giống ta...

15.— *Một tác-phẩm văn-chương có giá-trị phải chịu đựng được sự đọc lâu ngày và sự đọc nhiều lần ; hẳn các bạn cũng đồng ý với Đông-Hồ chớ ?* (B.K. 67)

— « Thử lâu mới biết đêm dài.

« Ở lâu mới biết con người ra sao .. »

Yếu-tố thời - gian và yếu - tố nhiều... « lần đỡ trước đèn » này, tất cả các bạn đều nhìn nhận.

16.— Các bạn nghĩ sao đối với cách đánh giá-trị này của Cung-Giữ-Nguyên :

« Và giá-trị của một tác-phẩm là nơi khả-năng gây cảm-xúc cho người thưởng-thức ». (B.K. 67)

— Các bạn cho rằng đúng, nhưng mà chưa đủ. Ông Cung-Giữ-Nguyên mới đứng về mặt tình-cảm để đánh giá một nghệ-phẩm. Còn mặt lý trí nữa. Nhất là giờ đây, người đọc không chỉ muốn giải trí suông thôi.

17 — Lê - Văn - Trương cho rằng « dăm chục năm nữa, rừng tác-phẩm của ta rồi cũng chẳng còn mấy ».

Lời tiên-đoán này của tác-giả « Đứa cháu đồng bạc » có gì đáng để ý chăng ? Và hiện nay, ta có thể cho rằng tác-phẩm văn-chương ở phần nửa nước Việt này đã là một « cái rừng tác-phẩm » chưa ? (B.K. 68)

— Lời tiên-đoán của người từng chủ-trương thuyết « Người hùng » chẳng có gì lạ. Dăm chục năm nữa, tự-nhiên là một số tác-phẩm tự đào-thải hay bị đào-thải, đó là điều dĩ-nhiên. Còn « rừng tác-phẩm », thì chẳng hiểu tác-giả « Ngựa đã thuần rồi, mời ngài lên » hiểu thế nào ? Vì có rừng rậm, rừng thưa, rừng còi, rừng cháy, rừng thiên-nhiên, rừng nhân-tạo...

18.— « Văn-chương là một phương-tiện nối liền và an - ủi ». Chẳng hay các bạn có thấy cần thêm gì vào định nghĩa trên đây của tác-giả « Nợ văn-chương » ? (B. K. 67)

— Cũng như đối với câu 15 ở trên (cùng một tác-giả), độc-giả cho rằng đúng, nhưng mà chưa đủ. Còn đề giải-bày, đề ghi-nhận, đề đả-phá, đề dựng-

xây .. Riêng chúng tôi nghĩ : có lẽ ông Cung-Giữ-Nguyên muốn đưa ra những lời cô lại, đúc rỏi, mà không để ý đến việc ý đủ, thiếu.

19.— Giờ đây, xem lại « Sợi tóc » của Thạch-Lam, « Bướm trắng » của Nhất-Linh, các bạn có thấy rằng chúng chỉ cho mình « cái cảm-giác trẻ-tràng, chậm-chạp, thiếu sắc bén » như tác-giả « Đêm không hết » chăng ? (B.K. 68)

— Các bạn đồng ý với ông Nguyễn-Phúc. Một bạn cho biết thêm : trừ Vang bóng một thời của Nguyễn-Tuân, các tác-phẩm từng gây nhiều « vang bóng » thời tiền - chiến nay « không làm thỏa - mãn chúng ta ». Mấy ai trong chúng ta mà không say mê những nghệ - phẩm của nhóm « Tự-lực », thế mà giờ hẵn chúng ta cùng chung nhận xét này với ông Cung-Trâm-Tướng (nguyệt-san « Trẻ », số 5) : « ... Văn - hóa Ngày - nay » (...) tái đăng những sáng-tác cũ một phần lớn đã lỗi thời »...

20.— Các bạn có đồng-tình với Võ-Phiến mà cho chủ-trương của Nhất-Linh : viết những « tác-phẩm mẫu » cho muôn đời, là một chủ trương .. dễ ghét ? (B. K. 68)

21.— Và cái thái - độ quay lưng lại những cái quần - quai, hờn - đau, hoang-mang, đòi-hỏi của thể-hệ giờ đây, dễ tách riêng ra mà làm thứ văn-chương để « vượt không-gian và thời-gian », có thực là... xa lạ với chúng ta, như Võ-Phiến nhận xét ? (B.K. 68)

— Chúng tôi tự hỏi : có phải vì trong mục « Viết và đọc tiểu-thuyết », Nhất-Linh đã đưa ra một « mẫu » văn, trích trong « Đôi bạn » để minh-họa một kinh-

nghiệm bản-thân mà Võ-Phiến cho rằng Nhất-Linh chủ-trương : *viết những « tác-phẩm mẫu » cho muôn đời ?* Và vì ở bìa « Văn - hóa Ngày - nay », số ra mắt (17-6-1958), dưới tên giai-phẩm và trên bốn chữ : Nhất-Linh chủ-trương, người ta đọc : « *Đặng những bài và truyện có giá trị bất cứ thời nào nơi nào* »? Như thế phải chăng là đã trực-tiếp tuyên-bố rằng bài, truyện của mình viết, của mình chọn đều đúng với chủ-trương nêu lên : đã « vượt không-gian và thời-gian »?

Lắm đọc - giả — những người bạn của Phong - hóa, Ngày - nay, Tự - lực văn-đoàn xưa kia — đã tỏ với chúng tôi rằng : Nhất-Linh trở lại văn-đàn đã làm họ thất-vọng, một nỗi thất-vọng đậm, sâu vì họ chờ-đợi, mong-mỏi khá nhiều, khá lâu. Họ thấy xưa, Nhất-Linh gần họ bao nhiêu, thì nay, xa họ bấy nhiêu. Một bạn thích vi-von, viết : « ...Nhất-Linh sau giấc ngủ 15 năm ở quê người và ở giữa rừng lan, về với chúng ta, lạc-loài như một nàng Công-chúa cổ ».

Chẳng hay các bạn nghĩ sao ?

22.— *Hầu hết các truyện của nhóm « Sáng tạo » kỹ-thuật già-dạn, nhưng đưa ra những tâm trạng kỳ-quặc — có khi lệch-lạc, bịnh-hoạn nữa, — có xa, có lạ với chúng ta chăng ?* (B. K. 68)

— Nhận-xét trên đây vốn là của Võ-Phiến, người cũng từng « có mặt » trên báo *Sáng-tạo*. Cũng như đối với nhận-xét của tác-giả « Mưa đêm cuối năm » về nhóm « Văn-hóa Ngày nay », chúng tôi thấy nhận - xét này chúng ta cũng cần « xét lại ».

Tiện đây, chúng tôi xin nêu lời người chủ-trương « Sáng-Tạo » : ông Mai-Thảo, trong nguyệt-san « Trẻ », số 4 :

« Đã ba năm nay, diễn đàn chung là tờ tạp-chí với khuôn-khổ nhỏ chật của nó đã tự đặt mình làm đất thí-nghiệm, điểm khởi-hành cho những khuynh hướng muốn làm mới nghệ-thuật.

« .. : Trên trận tuyến tư-tưởng và nghệ-thuật tư-tưởng tiến-bộ, đối với lớp quần chúng yêu thích và đòi hỏi một tạp chí có những cố-gắng phát-huy tâm-hồn và sắc-thái thời-đại, cho một nền văn-nghệ mới đã hình thành, *Sáng-Tạo* đã có mặt. »

Chúng tôi nhận được nhiều ý-kiến của bạn đọc về « Sáng-tạo ». Khen cũng nhiều mà chê cũng lắm ; có bạn lại tìm hiểu vì sao « Sáng-tạo » lại vắng mặt trong một thời-gian khá lâu. Nhưng tiếc rằng chưa có bạn nào phân-tích rành-rọt chỗ khen, chê, nên chúng tôi chưa đủ yếu tố để trả lời câu hỏi trên.

23.— *Một tác-phẩm văn-nghệ ra đời rồi, là người khai sanh ra nó không còn quyền gì đối với đứa con tinh-thần mình chăng ?* (B.K. 69)

— Một bạn đùa : « Nhưng khi có ai « ăn cắp » truyện « Dòng sông Định-mệnh » chẳng hạn mà viết lại, thì liệu ông Doãn-Quốc-Sĩ có quên cái quyền... lòi kẻ ấy ra cửa công chẳng ? » Một bạn khác bảo : « Không có quyền cấm đoán hay cản ngăn người ta mổ xẻ, tìm hiểu, khen chê, nhưng có quyền giải-bày, biện-hộ, nếu « người khai sanh ra nó » thấy cần. » Mà lắm khi, cái « có quyền » này lại thành cái « có bốn phận ».

Vài bạn có nhắc đến việc « *từ con* » của Nguyễn-Tuân, việc « *không nhìn nhận những đứa con tinh-thần cũ* » của Ngô-

Xuân-Diệu... Các bạn cho đó là vì « gặp thời thế, thế thời phải thế », chớ trong thâm tâm của hai nhà văn Ngô, Nguyễn, họ vẫn thương yêu những đứa con họ đã sáng tạo trong tự-do hơn là những đứa con mà sau này họ bị người ta ra lệnh và chỉ cách... « thụ thai theo ý muốn và sanh để từng giai đoạn. »

Các bạn nghĩ thế, đúng hay sai, xin để chờ ngày nước nhà hợp nhất, chúng tôi sẽ xin. . phỏng-vấn hai họ Nguyễn, Ngô (nếu chừng ấy, họ còn sống và chúng tôi chưa chết). Nhưng có điều chắc-chắn, là dù họ có tuyên chỉ có bố gì đi nữa, thì văn-học-sử nước Việt vẫn ghi tên « Vang bóng một thời, Một chuyến đi, Tùy-bút... » và « Thơ thơ, Phấn thông vàng, Gửi hương cho gió... »

24.— « Nghệ - thuật phải dự vào cuộc sống của loài người », chắc phần đông chúng ta đồng ý với tác-giả « Lao tù », nhưng mà dự làm sao, dự cách nào ? (B. K. 69)

— Dù muốn dù không, nghệ-thuật phải dự vào cuộc sống của loài người. Vì tự nó, nó đã dự vào rồi. Dù anh viết truyện xã-hội, dù tôi làm thơ trữ tình, dù chỉ vẽ theo tập thể, dù chúng ta bịa truyện ma quỷ hay tưởng-tượng truyện cung trăng..., chúng ta làm sao thoát khỏi cái học hỏi, cái hiểu biết, cái không khí của cái xã-hội nhỏ trong đó ta sanh ra, lớn lên và của cái thế-giới của loài người trong đó có ta ?

Còn « dự làm sao » « dự cách nào », thì xin đợi các bạn góp ý.

25.— Có phải giá-trị nghệ - thuật cao thấp tùy nguồn sống của nghệ-sĩ ăn vào lòng xã-hội sâu cạn và sự đánh giá tùy

người thưởng-thức ở vào địa-vị xã-hội nào » ? (B. K. 69)

— Có vài bạn bảo : tùy một phần nào đó thôi, nhưng không nói rõ hơn, nên chúng tôi vẫn chờ thêm ý-kiến.

26— Một truyện hay phải chẳng giống với một công-trình kiến-trúc đẹp : « phần hồn » của truyện (các khối) và « phần xác » của truyện (đường nét, sắc màu, ánh sáng) phải ăn khớp, phải điều-hòa với nhau ? (B.K. 70)

27— Võ-Đức-Diên quan-niệm : « xây-dựng một truyện hay cũng như xây dựng một công-trình kiến-trúc đẹp : người thợ lành nghề, khéo tay cần phải có, mà con người nghệ-sĩ với những rung-cảm chân-thành, vắng cũng không được. » Các bạn chia quan-niệm này chớ ? (B.K. 70)

— Một bạn đùa : « Thật là làm nghề gì thì cho người ta biết mình làm nghề ấy ! Nhà kiến-trúc nhìn đâu cũng thấy « xây dựng », « đường nét », « sắc màu » ... »

• Phần xác, phần hồn của một công-trình kiến-trúc phải ăn khớp, phải điều-hòa với nhau mới gây được sự thích-thú cho người xem, thì hình-thức và nội-dung của một truyện cũng phải đi đôi, hòa hợp với nhau để người thưởng thức cảm thấy trí và lòng mình đều thỏa-mãn.

Trên đây là chúng tôi tóm-tắt ý các bạn gởi về.

28— Trí nhớ mà sắc bén thì trí tưởng-tượng bị nghèo nàn », cái kinh-nghiệm riêng này của nhà văn trình-thám Phạm-Cao-Củng có phải là một kinh-nghiệm rất riêng tây, hay là gần như một định luật ? (B.K. 70)

— Luật thừa-trừ lại một phen được xác-nhận! Tất cả các bạn góp ý đều chẳng ai chuyên viết truyện trình-thám như người cha đẻ Kỳ-Phát, thành ra vấn-đề gọi ra đành để đó.

29 — *Sơn-Nam* chủ - trương : « Nghệ-thuật phải hồn-nhiên, đồng thời cũng phải trau-chuốt về kỹ-thuật. Hồn-nhiên và trau chuốt là hai điểm không mâu-thuẫn nhau; trái lại dung hòa nhau để tạo nên cái **Đẹp** ».

Các bạn tán-thành tác-giả « Tim hiểu đất Hậu-giang » ? (B.K. 71)

— « Nghệ-sĩ thành-công là khi trau-chuốt đến mức « hồn-nhiên ! » Một bạn khác bảo : « Kiểu-cách dễ khiến người ta ghét ; mộc-mạc thường làm người ta chán ; trau-chuốt mà để người xem trông thấy rõ thì khiến người xa mình cũng như một người chỉ đẹp vì nhờ

khéo phẩn điểm, giỏi sơn tô. Hồn-nhiên vì trau-chuốt, trau-chuốt đến độ hồn-nhiên, được thế còn gì hay bằng ! ».

Các bạn tán thành ông Sơn-Nam, nhưng mong ông nói kỹ và rõ hơn thì... còn gì hay bằng !

30 — *Và ý-kiến này của người chủ-trương nhà xuất-bản «Phù-sa» : « truyện hay phải là truyện đọc ra tiếng mà « nghe » được, truyền-cảm được » ? (B.K. 71).*

— « Nghe » được đây, có phải chẳng là : được người dân thường hiểu ; chứ đọc ra tiếng mà « nghe » không được thì phải chẳng như «... sắc Đẹp chỉ làm bằng cầm-thạch » ? Nhưng thời buổi này ; phải đọc lên thành tiếng để nghe đi, nghe lại .. thì cũng là phiền !

Các bạn cho rằng vì chẳng rõ tác-giả

CẦN GẤP

Chúng tôi cần gấp mấy tập thơ, văn, tuồng thời tiền-chiến sau đây :

- Lưu-Bình-Dương-Lễ, truyện của Khái-Hưng đăng trong quyển « Hồn bướm mơ tiên » tái bản, khoảng 1940.
- Giai nhân đi mặc của Đông-Châu Nguyễn-Hữu-Tiến, xuất bản ở Hà-Nội, 1917.
- « Tuồng Kim-Vân-Kiều » của Trương-Vĩnh-Ký, của Trương-Minh-Ký
- « Tuồng cải-lương Kim-Vân-Kiều » của Lê-Công-Kiên (1926)
- Thơ buêng của Lê-Khánh-Đồng (Chân-phương xuất-bản, Hà-Nội, 1928)
- Hận chiến-trường của Trần-Thanh-Tịnh
- Tần-Ngọc, Yêu-đương, Con voi già, Tây-Thi, Hận chiến-sĩ, Huyền-Trân công-chúa của Phạm-Huy-Thông
- Sóng thơ của Thu-Hồng — Hoa-niên của Tế-Hanh và những bài thơ của Thâm-Tâm, Trần-Huyền-Trân, Khổng-Dương, Việt-Châu, Tân-Phương, Phi-Yến, Nguyễn-Hoàng-Tư (nhà thơ miền Nam, đã qua đời) để làm tài-liệu. Bạn nào còn giữ, xin cho chúng tôi mượn để sao lại — tại chỗ, hay được đem về — chúng tôi rất cảm ơn
- Dương-Từ Hà-Mậu của Nguyễn-Đình-Chiêu (đề xin chép lại từ bài văn-tế trở về sau).

B.K.

« Tìm hiểu đất Hậu-Giang » hiểu tiếng « nghe » ra sao, nên không thể góp ý... nhiều hơn nữa.

31.— Các bạn có như Pierre-Kèn Dariville cho rằng quan-niệm truyện hay phải có luận-đề bị xem như là lạc-hậu quá đi rồi ? (B.K. 71 — Câu hỏi này, số 72 in sót)

— Vài bạn góp ý cho rằng ngày nay, truyện có luận-đề không được hoan-nghinh như xưa nữa. Điều này không có nghĩa : truyện có luận - đề là mất hay, nhưng luận-đề nếu có, thì không nên đề lộ, mà chỉ bàng-bạc trong nghệ-phẩm mà thôi.

32.— Có người không nhận « Sống chết mặt bây ! » của Phạm - Duy - Tồn là một truyện hay của ta, vì cho rằng họ Phạm đã mượn ý truyện « La partie de billard » (Ván bi-da) của Alphonse Daudet trong « Contes du lundi » (Truyện kể vào ngày thứ hai).

Các bạn nghĩ sao ? (B.K. 71 — Đoạn này, số 72 in sót)

— Chúng tôi xin chép lại lời anh bạn Pierre-Kèn Dariville, vốn ở trong bài thuật lại cuộc phỏng-vấn anh về truyện ngắn hay, nhưng lời này không có đăng trên báo.

« Có thể Phạm-Duy-Tồn đã đọc « La partie de billard » của Alphonse Daudet, rồi truyện này gợi hứng cho ông viết truyện « Sống chết mặt bây ! », nhưng cũng có thể là tình-cờ mà hai truyện có cái « lối đi » giống nhau. Vả lại, Phạm-Duy-Tồn đã làm một công-trình sáng-tác hoàn - toàn. Sự giống nhau về ý truyện như thế, văn - chương kim - cổ thường thấy ».

33.— Cái thuyết truyện cổ-lịch « Cen-drillon » (Con Lọ-Lem) của Pháp vốn do truyện đời xưa « Con Tấm con Cám » của Việt, do một bạn đọc ở Côn-Đảo nhắc lại, ta có quyền nghi-ngờ chớ ? Cũng như cái thuyết truyện « Tì-Thức » của ta là biến-thể truyện « Lưu-Nguyễn » của Tàu (Ở Nhật, cũng có một truyện xưa tương-tợ, Sự trùng nhau trong kho tàng văn-chương truyền-khẩu của các dân-tộc, đành rằng lắm lúc vốn bà-con, nhưng nhiều khi cũng rất là xa lạ. (B.K. 72)

— Những bạn trả lời câu hỏi này đều tỏ vẻ nghi-ngờ giả-thuyết do một bạn đọc ở Côn-Đảo nhắc lại. Và đều cho đó là sự ngẫu-nhiên. Mà sự ngẫu-nhiên như thế là điều thường gặp trong văn-chương của nhân-loại, cổ cũng như kim.

Người phụ-trách cuộc phỏng-vấn.

NGUYỄN-NGU-Í

★ Sai một li, đi ngàn dặm. (Hậu-Hán thư)

★ Một vật càng lớn lên thì cơ-quan của nó càng tăng lên và càng trở nên phức tạp. Khi đó nếu không biết áp-dụng định luật phân công, mọi sự sẽ trở nên hỗn độn.

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bảo-Hiểm

1-3-5 Bến Chương-Dương — Saigon

Điện - Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — INCENDIE

Tai-nạn

Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Hàng-Hải

Linh-Tinh

Đại - Lý

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

L'OCEAN — CENTRALE — HAVRAISE — PROVIDENCE

— RHONE MEDITERRANEE — L'INTEROCEANE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Ngành : PARIS - TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO - VIENTIANE

HONGKONG TANANARIVE - TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

IMPRIMERIE NOUVELLE

D'EXTRÊME - ORIENT

(INDEO)

Adresse Tél. IDEORIENT - SAIGON

Tél : 20.821 — Boite postale : 276

1, Duong Nguyen-Sieu — SAIGON



IMPRESSION DE TOUS OUVRAGES, REVUES, BROCHURES,
CATALOGUES, TOUS IMPRIMÉS DU COMMERCE,
REGISTRES, FACTURES, CARNETS, EN TÊTE DE LETTRES,
ENVELOPPES, ACTIONS, OBLIGATIONS, CHÈQUES,
CONDITIONNEMENTS, ÉTIQUETTES PAQUETAGES TOUS
MODÈLES, FAIRE PART NAISSANCE, MARIAGE, CARTES
DE VISITE ET D'INVITATION, CALENDRIERS DE FIN
D'ANNÉE, TOUS TRAVAUX NOIR ET COULEUR,
TYPO — OFFSET.

REPRÉSENTANT EXCLUSIF :

MACHINES A ÉCRIRE **"HERMES"**

PAPIER HELIO

"DOREL"

Trung-Nữ-Vương

Thù hận đôi lần chau khoé hạnh
Một trời loáng thoáng bóng sao rơi
Dồn sương vô ngựa xa non thắm
Gạt gió chim bằng vượt dặm khơi
Ngang dọc non sông đường kiếm mã
Huy hoàng cung điện nếp căn đài
Bốn phương gió bãi lửa chân ngựa
Tám nẻo mưa ngàn tấp đóa mai
Mâu đồ sông pha thủ vạn cổ
Ngai vàng đầu tỉnh chuyện tương lai
Hồn người chín suối cười an ủi
Lệ nển năm canh rỏ ngậm ngùi
Lạc-tướng quên đầu lời tuyết hận
Non Hồng quét sạch bụi trần ai
Cờ tang điểm tướng nghiêm hàng trận
Gót ngọc gieo hoa ngát mấy trời

.

Ái Bắc quân thù kinh vô ngựa
Giáp vàng, khăn trở lạnh đầu voi
Chàng ơi, điện ngọc bơ vơ quá
Trăng chênh ngôi trời bóng lẻ soi...

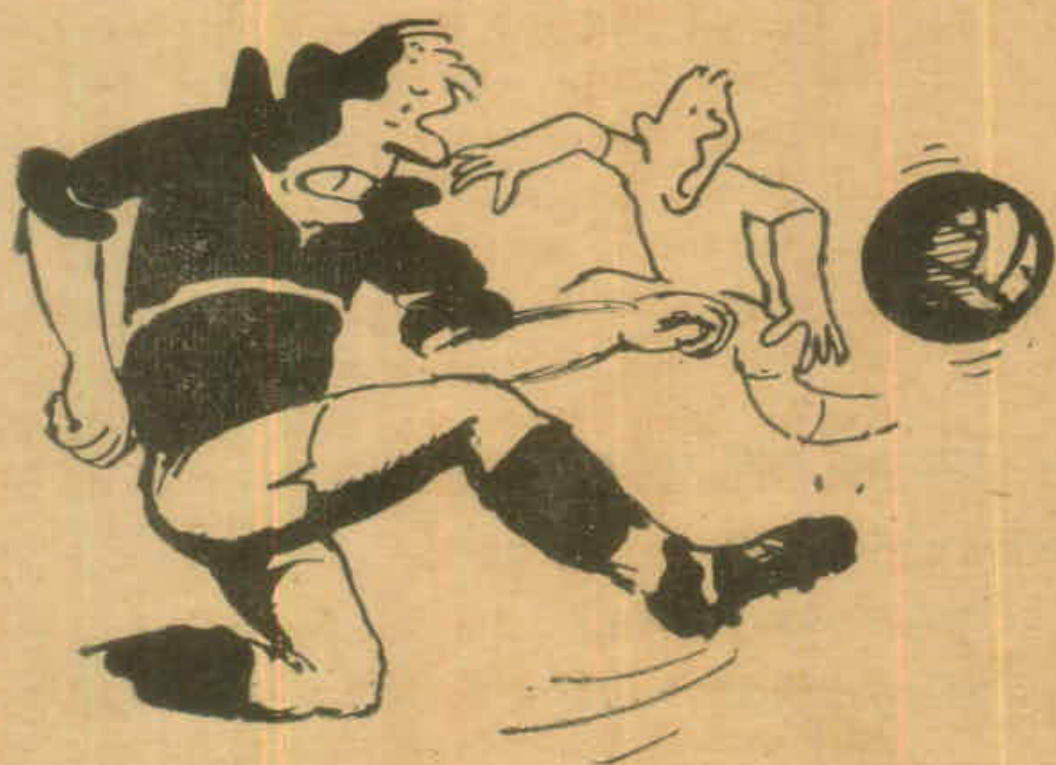
N. G. nữ-sĩ
(B.K.Đ. sao lục)

xuân dạ

Êm cảnh thời-gian. Hương bắt hương
Ngần ngor hoa lá nếp son vàng
Mâm đầy ngọc đồ : chòm sao rụng
Bầu lộng âm thừa : tiếng nhạc buông
Lữ khách trao duyên đường kiếm mã
Giai nhân ủ mộng gối uyên ương
Hồn khuya thánh thoát reo dư vị
Vườn cũ, mai xưa, vẽ đoạn-trường

mộng

« Hoàng-lương » nhè nhẹ ngả chiều mây
Một bóng mơ tan, một hận đầy
Ý loạn màu hoa đuôi mắt thoáng
Thơ bưng men rượu đáy lòng say
Vừa khi quán trọ người đang kiếm
Đã lúc bên đường kẻ nhận thầy
Giấc tỉnh. Ngày qua vờn cánh gió
Nhân-sinh bàng-bạc lớp sương dày



XEM

ĐÁ BANH

☆ PHAN-VĂN-TẠO

TỪ hàng ngàn lồng ngực phát ra một tiếng hét vang trời: « DỒ ! ».

Văn cùng gào lên với mọi người, nhưng tiếng anh hình như át trùm hết cả tiếng người khác — Lúc thường anh đã nói « Vào », trong khi các bạn miền Nam của anh kêu « Vô », nhưng ở trận banh quốc-tế này, khi mà danh-dự của cả dân-tộc rực sáng hay lu mờ tùy theo trái banh da đi vào trong hay ra ngoài một cái khung gỗ trắng, thì tất cả mọi người quên hết những dị biệt về ngôn ngữ và đều thống-nhất ý-chí trong một tiếng hò: « DỒ ».

Vậy thì tiếng « DỒ » khùng-khiếp ấy đã nổi lên như sấm động.

Trái banh ngập ngừng, lưỡng lự, rồi như sợ hãi quá trước sức uy hiếp

của tiếng hò, nó chui tọt vào thành, nép mình dưới lưới, im không động dậy.

Đội banh nhà vừa bị dẫn trước một bàn nay đã gỡ hòa — Từ mọi phía tiếng vỗ tay ran lên, đều đều, đều đều, đến nỗi cho ta một thứ cảm-giác im lặng. Có tiếng kèn mừng nổi lên hấp tấp, hình như người thổi kèn cũng hòa mình với sự say sưa của khán giả rồi quên cả nhịp điệu.

Vài chiếc nón, mấy chiếc dép cao su được tung lên trời, vừa rớt xuống lại được ném tiếp lên, cao vút như niềm hân hoan đang dâng.

Trong khi chờ đợi trái banh được đặt lại giữa sân, mọi người mới chợt nhận ra rằng trời nóng và nắng đang chiếu xiên khoai vào chỗ ngồi. Những lá quạt giấy trước đây im phăng phắc

khi ai nấy còn mê man theo đuổi trái banh, bây giờ mới hoạt-động trở lại trông dập dềnh như những đàn bướm tím.

Văn dấm mạnh sang đúi Tuấn, anh bạn ngồi bên, rồi nói : « Cậu cho tôi khao cậu một chai nước chanh ».



Văn mê xem đá banh đã gần bốn chục năm nay rồi. Ngay từ năm lên sáu, anh đã lăn lộn với trái banh. Theo định nghĩa quốc-tế, trái banh phải là một quả bằng da, vòng tròn từ 68 đến 71 phân và cân nặng từ 396 đến 453 gam. Nhưng ở nơi Văn, cứ mỗi tuổi trái banh lại có một hình thể khác nhau, kích thước khác nhau và không phải lúc nào cũng luôn luôn làm bằng da.

Khi anh còn học ở trường làng, trái banh của anh là một gói dẻ rách, tằm tằm tròn, có buộc dây chung quanh, đá một lúc dây bung ra, trận đấu ngưng lại để cầu-thủ buộc dây thêm cho chắc. Vào khoảng tháng năm, tháng sáu, khi cây bưởi ở vườn bà ngoại đã có trái non, anh thường hái trộm một trái làm banh. Nhưng nếu đá ngay thì bưởi dễ vỡ. Phải cầm trái bưởi vào một cái đĩa dài, rồi hơ lên bếp cho bưởi mềm đi, đá mới bền. Đặc biệt mấy ngày Tết nhà mổ lợn, lấy bong bóng làm banh đá, nẩy thì có nẩy nhưng không chơi được lâu và đá không thật chân.

Đến khi lên học trường phủ-ly, Văn đã tiến bộ hơn. Phủ có một sân quần, ông Đồn và ông Chánh Đoan vẫn ra đánh vợt. Anh tán tỉnh với người nhật banh, mua lại một trái banh quần, rồi đá cho đến khi nó tuột hết lần dạ trắng trơn cao su đen ra.

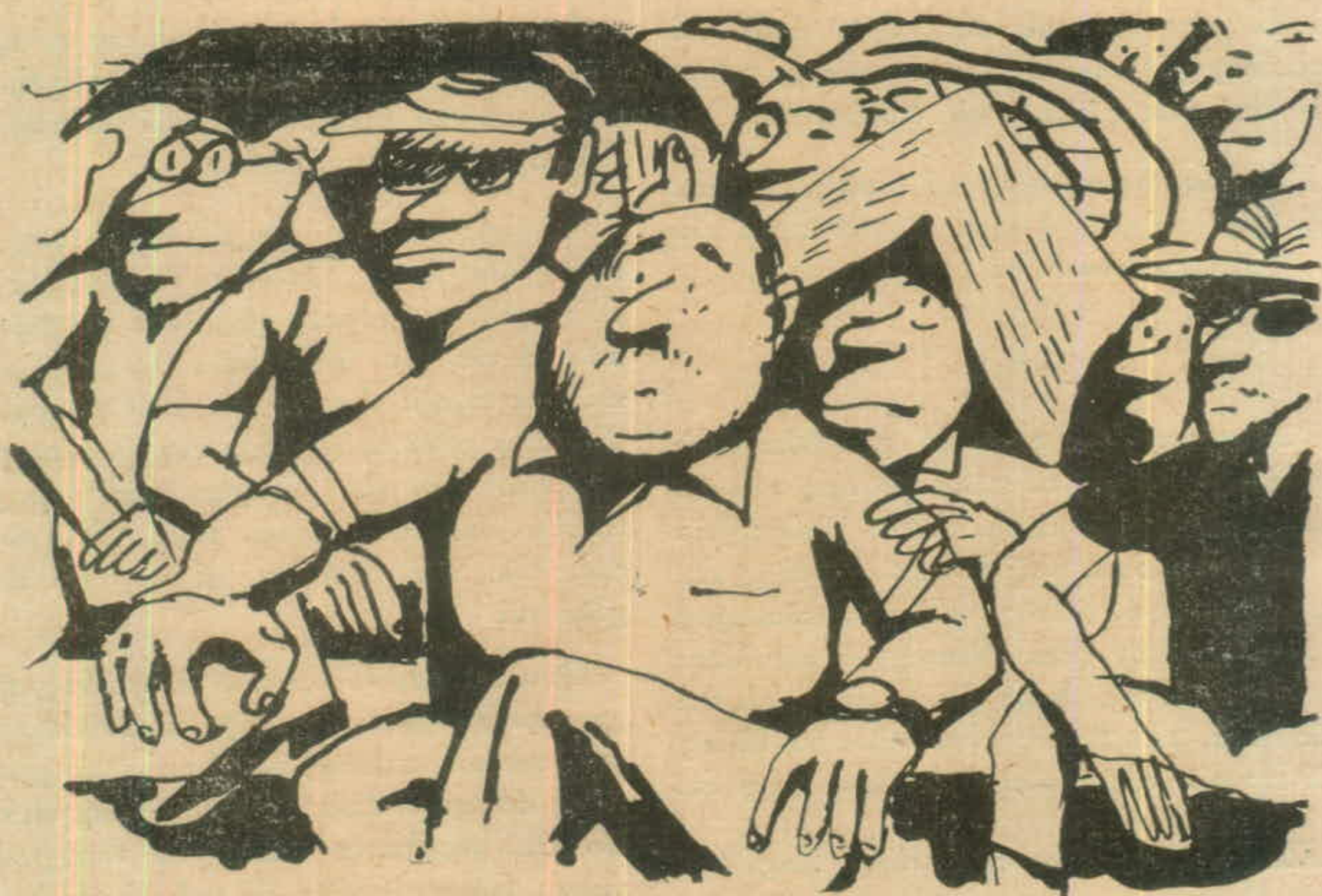
Sau đó là đến thời-kỳ banh cao su đặc và banh cao su bóm. Phải mãi đến khi thi vào được trường Bưởi, anh mới biết thế nào mới thật là một quả banh da.

Y phục của anh khi đá banh cũng qua nhiều đổi thay. Thường thường là cởi trần, quần cụt nhưng gặp hôm nào trời rét anh và các bạn đóng luôn bộ quốc phục mà giao tranh. Áo the đen lượt thướt, áo dài trắng phất phới chẳng cần gì đồng phục để phân biệt, thế mà giao banh vẫn gần, truyền banh vẫn ngoạn mục. Chân thì đi đất, dần dần tiến lên đi bí tất, rồi đi giày vải.

Bữa mà ông Giám học ở trường Bưởi gọi anh lên phát cho một cái áo chèn theo màu sắc của trường và cấp cho cái giấy đi đóng đôi giày đinh, anh cảm động như đã leo lên đến tuyệt đỉnh của thang danh vọng. Cũng từ bữa đó anh được hưởng những đặc quyền chỉ dành cho một thiểu số hảo thủ : không phải xếp hàng khi vào lớp, tới chậm giờ không bị phạt, hay xin phép nghỉ dễ dàng.

Văn trọ ở Hàng - Than và Tuấn, bạn đồng đội, trọ ở đường Sông-Tô-Lịch. Tan học hai người cùng về với nhau. Và hôm nào cũng vậy, bắt đầu từ đền Quan-Thánh cho tới vườn hoa Hàng-Đậu là chỗ họ chia tay ai về nhà nấy, Văn và Tuấn mỗi người đi một bên vỉa hè, rồi cứ vừa đi vừa truyền cho nhau một viên gạch hay một quả bàng. Trái banh ứng chế đó chạy chữ chi trên mặt đường, từ chân Văn sang chân Tuấn rồi lại từ chân Tuấn trở về chân Văn, làm cho họ quên hết cả đường dài.

Không có trận banh quan trọng nào mà Văn bỏ qua không đi xem — Có tiền thì



lấy vé. Không tiền thì anh nghĩ đủ cách để qua mặt người soát vé. Có khi anh lợi dụng sự chen lấn để đi thoát. Có khi anh mang banh, sách giấy cho các cầu thủ đi trà trộn giữa lúc họ tới sân. Chẳng lúc nào anh lấy thể làm xấu cả. Khi người ta theo đuổi một mục đích chính đáng như xem đá banh làm gì có phương tiện nào gọi là xấu? Trái lại nhiều lúc anh lại tự hào về khối óc phong phú của mình đã nghĩ ra lắm mưu nhiều kế lừa được người gác cổng. Hơn nữa trốn vé lại còn đòi hỏi nhiều gan dạ và dũng cảm. Sân banh Măng-Gianh (Mangin) nằm sát ngay một trại lính Lê-dương.

Có lần anh đã băng qua mặt một tên lính gác đen ngòm, vượt suốt chiều ngang trại mà vào sân, lính hô anh cũng không

đứng, dọa bắn anh cũng không lui. Trước một sự coi rẻ cái chết đến như vậy, người lính gác chỉ còn biết lắc đầu rồi hạ súng xuống, nhe hàm răng trắng ớn ra cười.

Được hun đúc trong cái tinh-thần đó nên khi đã lưỡng tuổi, không còn chạy nhảy theo trái banh được nữa, Văn vẫn còn là một khách trung-thành của sân banh — Chị Văn không làm sao hiểu nổi được sự mê say của chồng. Đối với chị, trái banh chẳng qua chỉ là một trò chơi con nít, một người trên đầu đã hai thứ tóc như anh, sao còn để cho nó quyến rũ, mê hoặc? Đã có lần chị bảo anh:

« Chủ nhật nào cũng thấy anh nói chuyện banh vào, banh ra. Vào thì đã làm chi? mà không vào thì đã làm sao?»

Nói thế có bức không? Mê say là thuộc phạm-vi tình-cảm, đem lý-trí ra phân tách một cách lạnh lùng như vậy là không biết mê say rồi.

Không làm chi với chẳng làm sao! Đá vào bên người ta thì được, để người ta đá vào bên mình thì thua. Không hiểu được cái nghĩa được, thua tức là không hiểu cả ý nghĩa cuộc sống!

Cho nên vợ nói sao thì nói, Văn vẫn theo đuổi say mê bóng tròn — Đó là một thứ bệnh nghiện nặng không thuốc chữa. Người Pháp hình như cũng tin như thế nên họ gọi những người như Văn là đã bị bóng tròn « cắn ». Đúng vậy quả banh da thật là một con chó dại, khi nó đã « cắn » ai, truyền nọc của nó vào cơ-thể mình, thì chỉ còn một cách là chờ nọc ngấm và mình trở thành một người điên cuồng.

Văn thường nói với chúng bạn, muốn thật thưởng thức bóng tròn phải ngồi bên khán-đài bình-dân. Đừng có ai trả lời Văn rằng đi xem hạng chót cực lắm. Nào phải xếp hàng nối đuôi nhau từ 7 giờ sáng để lấy vé, nào phải bỏ bữa cơm trưa, ăn qua quýt cái bánh mì, chờ từ 12 giờ trưa đến 3 giờ chiều mới xem trận banh hạng nhì đá mở màn, rồi đến 4 giờ rưỡi chiều mới được xem trận chính thức, nào chỗ ngồi không có mái che, nắng chín người, mưa sùng áo...

Văn sẽ giơ tay ra một cách quyết liệt, ngăn không cho người đối thoại nói tiếp, rồi giải thích, giọng có đôi chút miệt thị rằng xem đá banh mà còn để ý đến chen chúc, đói khát, mưa nắng có khác nào yêu mê một người tình mà không chịu hy-sinh cho người đó. Mình đã được ngồi trong

sân mà xem, còn những người không có vé, bám lưng lảng vào những cành cây mỏng mảnh, hay đậu chơi vơi trên những nóc nhà dốc tuột, họ có phần nản gì đâu?

Vả lại bên khán-đài bình-dân có một không khí truyền cảm mãnh-liệt, kích thích người xem đến cực độ. Chỉ ở đó người ta mới hồi hộp đến nghẹn thở khi banh tới gần thành nhà, tức giận đến uất máu khi mất một cơ hội thắng điểm, sung sướng đến điên cuồng khi banh vào lưới địch, buồn bã đến thẫn thờ khi ôm hận thất bại. Tất cả những tình cảm đó được trút ra qua những tiếng hò, tiếng hét, tiếng vỗ tay, tiếng chửi thề. Có người quên hẳn mình là khán-giả, ngồi ngoài xem mà tưởng đứng trong sân, lồng hẳn mình vào một vai cầu thủ, sống vai đó một cách rất thực, đến nỗi thấy trong sân người ta co cẳng đá, ở ngoài này cũng phóng chân ra đá một trái banh tưởng tượng. Chỉ khi người ngồi trước mặt kêu lên mới chợt thấy mình thức mà mê.

Cũng ở bên khán-đài bình-dân người ta mới được nghe những lời phê-bình thật đích đáng về lối chơi của từng đội, từng cầu thủ. Bóng tròn không còn là một trò chơi giải trí nữa mà được đưa lên hàng một nghệ-thuật tinh-vi, một khoa-học có những phép tắc nghiêm ngặt.

Văn cũng có lần được bạn mua biểu vé khán-đài trung-ương. Ghế có ghi số, không phải đi sớm, ngồi xem ung dung, lại có mái che mưa nắng, mà sao Văn cứ thấy như lạc lõng không phải chỗ mình. Ông khách ngồi bên phải suốt buổi chỉ hút xì gà, gần xong hiệp nhứt rồi mới quay sang hỏi: « Đội nào đá với đội nào đấy ông? ». Bà ngồi bên trái chốc chốc lại bắt

Văn giăng thế nào là phạt góc, thế nào là phạt trực tiếp và có mấy thứ việt-vị. Vài người khác ngồi xem với bộ mặt hồ hững, đứng đưng. Có một đường banh hay, Văn kêu ầm lên nhưng lại im bật ngay vì chẳng ai hưởng ứng với mình. Văn thấy nhớ Tuấn lạ. Trước mặt anh là một rừng người lố nhố. Tuấn ở trong đó, giờ này chắc cũng thấy thiếu Văn.

Trời bỗng đổ mưa. Rừng người vẫn thản nhiên không nhúc nhích. Văn ngồi nơi khô ráo, nghĩ đến Tuấn đang ướt như chuột lột, mà thấy như mình đã phản bội bạn.

Một lần khác, Văn xin hẳn được cả một cái thiệp mời khán đài danh dự — Anh đang tiến vào cổng, bỗng một chú bé chừng 13 tuổi, đầu chải bóng, quần áo sạch sẽ chạy theo hỏi: « Ông có thiệp mời? ».

Anh chưa kịp trả lời, chú bé đã nói tiếp, giọng như cầu khẩn:

— « Ông cho cháu vào theo với.

— Người soát sẽ không chịu đâu. » Văn đáp.

— « Thừa ông, cháu thấy các ông khác có giấy mời cũng mang trẻ em đi theo. Hôm nay cháu đã mượn được của thằng bạn bộ quần áo mới, dép này cháu cũng đi mượn. Cháu ăn mặc đàng hoàng, chải đầu sạch sẽ họ sẽ cho cháu là con ông, không ai ngờ được đâu. »

Văn buồn cười về thằng bé tinh khôn nhưng thấy nó cứ lằng nhằng theo mình, anh hơi khó chịu và rào bước đi lên. Khi anh đưa cái thiệp cho người soát vé, có ai khế giựt áo anh như muốn nhắc điều gì. Anh làm như không biết cứ đi thẳng. Có tiếng người soát vé sua đuổi đứa nhỏ ở đằng sau anh.

Vào đến chỗ ngồi, anh thấy thằng bé nói đúng. Một số người đã mang trẻ em theo vào anh hơi thấy hối hận đã không cho nó cùng vào.

Anh chợt nhớ lại những ngày anh còn nhỏ. Mấy chục năm trước, anh giống hệt thằng bé này, không có tiền nhưng nghĩ đủ mọi cách để được xem đá banh. Đáng lẽ anh phải coi nó như một người bạn đồng bệnh. Đáng lẽ anh phải thấu hiểu hơn ai những nỗi đau đớn của người bạn vong niên đó đang bị một cơn nghiện chưa thỏa mãn dần vật dày vò. Thế mà anh đã hất hủi nó. Tội nghiệp cho nó đã mất công đi mượn quần áo, giày dép, sửa sang mái tóc mà rồi cũng chẳng gặp được sự tương dung ở nơi một người đã từng là nó. Chắc nó đã phải vất óc nhiều ngày mới nghĩ ra mưu này. Bây giờ nó đến phải trở về nhà, cởi bộ y-phục mượn ra, rồi nằm khóc thút thít.

Tất cả những ý nghĩ đó làm cho anh thấy trận banh nhạt nhẽo lạ. Bên khán đài bình dân vẫn cái không khí sôi nổi quen thuộc của những ngày thịnh hội. Phía bên này, anh ngồi một mình một ghế, có lưng dựa, có chỗ để tay, nhưng những tiện-nghĩ đó chỉ làm anh thấy lẻ loi. Anh có cảm tưởng như mỗi ngày anh một quên dần những đức tính thuần túy của một người mê say bóng tròn.

Những buổi đá banh sau, anh lại lấy vé hạng chót, trở về khán-đài bình dân, trở về với Tuấn, trở về với những người hò la, chửi thề, tung nón, đá nhằm người ngồi trước mặt. Anh lại thấy thích thú trở lại, như một người gò bó trong bộ quần áo sang trọng, đi ăn ở một khách sạn đắt tiền, nay trở về cõi trần, ăn bữa cơm thanh đạm với người vợ hiền không phấn son.

PHAN-VĂN-TẠO

Thư-Quán XUÂN-THU

185/193 đường Tự Do Saigon — Đ. T. : 20.051

đầy đủ :

- Sách, Báo quốc tế
- Dụng cụ văn-phòng

Đồng hồ Mỹ **TIMEX**

Đúng Chắc Đẹp



Bán ở khắp các tiệm đồng hồ và tại
VIỆT - NAM KHUẾCH TRƯƠNG KÝ - NGHỆ
ĐỒNG HỒ CÔNG TY
176, Hai Bà Trưng — Sài Gòn

VOYAGEZ PAR QUADRMOTEUR STRATOLINER

AIR LAOS

RENSEIGNEMENTS - RÉSERVATIONS
65, RUE LE-THANH-TON - SAIGON

TÉL: { 22.102
SGN. 34

AIR 59

ĐIỂM SÁCH

Tên sách : KIM TIỀN

Tác giả : Vi-Huyền-Đắc

Nhà xuất bản : Cơ Sở Tự Do, 1959

★ Cô PHƯƠNG-THẢO



VỞ Kịch *Kim-Tiền* của Vi-Huyền-Đắc đã được Cơ-sở Tự - Do in lại và cho phát hành vào dịp đầu năm.

Đối diện tác-phẩm, chúng ta khó ngăn được nỗi vui mừng gặp lại người xưa yêu dấu sau mấy mươi năm xa cách.

Nhưng sau nỗi vui, chúng ta nhận lấy tác phẩm gởi ra cho ta nhiệm vụ sau này : kiểm-điểm lại giá trị những tác-phẩm cũ xuất-hiện trong thời tiền chiến để xem chúng còn đóng góp gì thêm cho sự xây dựng ngày nay, ngoại trừ cái giá trị lịch-sử của nó.



Kim-Tiền ra đời từ năm 1938, đăng trên tuần báo *Ngày-nay*.

Vở kịch gồm một khai từ và bốn đoạn, thể hiện nội-dung tóm tắt như sau :

Ông đồ Trần-Thiết-Chung vốn là một nhà văn nghèo túng nhưng vẫn giữ được tinh-thần vui-vẻ giữa cảnh vợ con đói khổ. Một hôm, ông Cự-Lợi, một chủ thầu, đến đưa tiền nhờ Trần-Thiết-Chung cớ động giúp cho ông ta ra ứng-cử nghị viên. Khách về rồi, Trần-Thiết-Chung cầm lấy tờ « *chèque* » và châm vào lửa định đốt đi, nhưng bà vợ giằng lại được. Tiếng khóc của bà vợ, nói như Khái-Hung, « là một tiếng sét dữ dội » đã khiến cho

ông đồ đổi hẳn tâm tình. Ông bỏ quản bút, tượng trưng cho một đời thanh khiết, để chiều ý vợ. Và ông quyết chí làm giàu.

Mười mấy năm sau, Trần-Thiết-Chung đã thành một nhà đại tư-bản. Trần-Thiết-Chung đã thiết tha yêu mến đồng tiền, gắn bó tận tụy với nó, nô-lệ cho nó. Nhưng cảnh giàu sang, phú quý kia đem lại cho ông bao nỗi khổ lòng : Con ông, Cả Bích — đi vào con đường trụy lạc, xài phung-phí chống đối với cha, xem cha như một thứ máy đúc tiền. Người vợ thứ ba, ở chung với ông, tìm đủ mọi cách để bòn rút của ông. Nhưng không lùi bước trên con đường làm giàu, Trần-Thiết-Chung tập trung vốn, khai thác mỏ than Tiêu-Giao và cùng với vợ thẳng tay bóc lột công-nhân.

Cuối cùng, công-nhân đình công, làm reo, đốt phá. Sau khi gọi điện-thoại báo cho lính đồn hay tin để xuống đàn áp, Trần-Thiết-Chung đang tra đạn vào súng lục để đối phó với công nhân thì bị một viên đạn bắn chết.

Trần-Thiết - Chung ngã xuống giữa cảnh hỗn loạn của sự nghiệp sụp đổ, trong tiếng hò reo đập phá của những người phu mỏ.



Đầu năm 1938 *Kim-Tiền* được trình-diễn tại nhà Hát-Lớn Hải-Phòng lần đầu tiên và sau đó còn được trình-diễn nhiều lần tại Hà-Nội, Sài-Gòn và nơi nào vở kịch cũng được khán-giả nhiệt thành hoan-nginh.

Nội-dung vở-kịch là nói lên cái sức mạnh của đồng-tiền. Nội-dung ấy có thể tóm tắt trong lời cổ - ngôn mà tác-giả đã nêu ở đầu sách và nhân-vật chính cũng đã nhắc lại nhiều lần : *ô hô, Kim-tiền, Kim-tiền, thiên-hạ kỳ đa tội ác giả như chi uy đi hành* (ôi, Kim-tiền, Kim-tiền, có biết bao tội ác ở trong thiên-hạ đã mượn cái uy thế của mi để phát tác).

Tác-giả đã khéo chọn một đề-tài tiêu-biểu ở trong hoàn-cảnh xã-hội bấy giờ, một xã-hội mà đồng tiền có thể dùng bàn tay sắt để biểu-dương sức mạnh vạn-năng, bóp cổ những kẻ lương-thiện, đói nghèo, bên cạnh đã có phong-kiến thực-dân là những cha đẻ, cha nuôi bảo bọc. Giữa cái thế-giới mà « mặt trời chính là đồng xu », tội ác do đồng tiền gây nên được phép lộng hành, tác-giả không ngăn được nỗi căm phẫn của chính lòng mình. Và tác-giả viết nên vở kịch. Kết án đồng tiền là kết án chế-độ tư-bản thực-dân, chế-độ quý chuộng vật-chất mà chà đạp nhân-phẩm con người. Thái-độ của người cầm bút như thế thực là rất đẹp.

Nhưng đến khi cầm bút, con người bất-mãn vì xã-hội Kim-tiền kia phải đương đầu với nkững sự việc cụ thể, phải phân tích, phải lựa chọn, quyết định, và tỏ bày thái-độ. Và bắt đầu có sự va chạm ở trong con người tác-giả.

Sự va chạm ấy xảy ra giữa hai con người : con người tích-cực bất-mãn về hiện tình xã-hội và con người tiêu cực dựa vào đạo-đức cổ-truyền để tìm một chỗ rút lui. Chúng ta có thể nói rằng ở nơi tác-giả cái tư-tưởng lên án chế-độ Kim-tiền ban đầu xuất-phát từ một căn-bản đạo-đức chứ

không phải từ một tư-tưởng xã-hội, lý-tưởng tranh-đấu. Rồi cái tư-tưởng ban đầu ấy được bồi tiếp bằng bao nhiêu sự kiện xã-hội càng ngày càng làm cho nó trở nên nồng nhiệt, sôi nổi nhưng đến cuối cùng không tìm ra lối thoát nó lại dẫn ta trở về mức cũ.

Vì vậy, qua nhân-vật chính là Trần-Thiết-Chung ta thấy rõ rệt điều này : khi Trần-Thiết-Chung lên án gắt gao cái xã-hội đang sống là chính họ Trần đang dựa vào cái tư-tưởng « lạc đạo an bản ». Trong đoạn Khai-Từ, Thiết-Chung đã nói : « Ở cái đất nước này, nếu muốn cho có tiền, muốn làm giàu, trừ phi bóc lột kẻ nghèo khó hút máu, hút mỡ kẻ thiếu túng, không còn có cách gì nữa, (trang 20) và : « Ở đời này phi đề nén, bóp nặn, bóc lột kẻ nghèo, không sao có nhiều tiền được. Chính những cái nó làm cho những kẻ giàu có được mát mặt, được xénh-vang, hãnh-diện, là toàn những mồ-hôi, nước mắt, những máu tủy của những hạng khổ dáy, hạng còng-lưng, chặt xác cả. (trg 22) ».

Lời nói quyết liệt chừng nào, mạnh dạn chừng nào, nhưng là lời nói của con người ghê tởm cái xã-hội mà mình đang sống chứ không phải những tiếng phẫn nộ của kẻ bất-bình. Cho nên sau đây Thiết-Chung còn nói tiếp : « Ấy cũng bởi tôi không làm thế nào được nên tôi nhất quyết lánh xa cái vòng cầu danh, trục lợi. (trg. 22). Nhưng cuối cùng lại nhảy vào và trở nên một đệ-tử cuồng-nhiệt, mù-quáng của chủ-nghĩa kim-tiền. Giữa cảnh giàu sang, phú-quí, con người đạo-đức lại biện-hộ để yên lòng con người xã-hội : « Nghèo thì cực nhọc nhưng giàu cũng có chán vạn cái chua cay, đau đớn.

trang 45 » Và : « Từ ngày tôi trở nên giàu có tôi gặp không biết bao nhiêu sự khó khăn, đau đớn ! Người ngoài họ có biết thế đâu. Họ cứ tưởng, kẻ có tiền, có của là muốn gì được nấy, là hoàn-toàn sung-sướng. Tiền, không phải là hạnh-phúc mà ! Càng cao ống lái thì càng dài đòn gánh » (trg 78).

Như thế thì hạng « khổ - dáy, hạng còng lưng chặt xác » khổ-sở vì bị bóc-lột đã đành, mà hạng « hút máu hút mỡ » cũng vừa bóc-lột vừa khổ-sở thì có gì là đáng trách nữa ? Ai cũng là nạn nhân của Kim-tiền cả, cũng đáng cho ta thương hại cả. Nhà soạn kịch sau khi truyền-bá cái « quân-bình chủ-nghĩa » hay nôm na hơn đã « hòa cả làng » như thế, muốn đem con mắt đạo-đức bao trùm tất cả để dẫn người ta trở về với cuộc sống thanh bản, bởi vì qua vở kịch ta thấy Trần-Thiết-Chung triệu-phú đã lỗi lầm còn Trần-Thiết-Chung nghèo nàn kiệt xác có lý và bà Trần-Thiết-Chung « vật mình, vật mẩy khóc lóc để đòi phú quý » lại cảm thấy hối-hận trong sự giàu sang. Thực ra tác-giả không lớn tiếng cho rằng phải quay về với cuộc đời nghèo khổ — vì tác-giả đã vạch rõ rằng nghèo đã khổ nhưng giàu chẳng sướng gì — nhưng toàn bộ tác-phẩm đã bênh vực cho cái « an bản lạc đạo » của buổi ban đầu, bởi vì so sánh cái trọng-lượng của hai khung cảnh — nghèo phải cực và giàu phải khổ — ta thấy cái cảnh thứ hai đậm nét hơn nhiều.

Có thể nói rằng vấn-đề trong vở kịch đã được kết-thúc nhưng vấn-đề ngoài cuộc đời chưa được tác-phẩm giải-quyết. Sau khi Trần-thiết-Chung chết đi, người ta tự hỏi : « Vậy thì phải thế nào ? chịu nghèo ư ? Làm giàu ư ? » Và đáng lý ra phải phủ

nhận tất cả điều đó — nghĩa là phải chống đối lại cái xã-hội phong-kiến và thực-dân áp bức, bóc-lột thì người ta dễ như anh chàng Rodigue ngâm câu: « Des deux côtés le mal est infini » và cố gắng chọn lấy một bề có vẻ phải đạo hơn cả, tuy trên thực-tế, khi đã thừa nhận cái xã-hội ấy người ta khó lòng chọn lấy cho mình một thái-độ nào.

Tóm lại, sự phỉ báng đồng tiền và oán ghét cái xã-hội trưởng giả ở trong tác-phẩm xuất phát từ một tư-tưởng đạo đức cổ truyền chứ không phải một lý-tưởng tranh đấu xã-hội cho nên quan-niệm của tác-giả đối với đồng tiền cũng giống như các cụ ta xưa cho rằng « *Tạo vật đã bòn chài ra một thứ khuấy chơi* » (1) tuy không chua xót như Nguyễn-Du:

*Làm cho khốc hại chẳng qua vì tiền
không cay đắng như Nguyễn-Công-Trứ:*

*Đang om sòm chớp giắt sấm ran
Nghe xóc xách lại gió hòa mưa ngọt
Kẻ tài bỏ đã vào phường vận đạt
Không người đành nát với cỏ cây*

nhưng hết sức cực nhục trước một năng lực linh thiêng huyền bí mà mình không sao hiểu nổi: « *Hình như ông Trời ông ấy đã ban cho mình một cái gì là ông ấy bắt mình phải trả bằng một giá cực kỳ là đắt, trang 78* » Nếu không có những tư tưởng cho rằng « giàu cũng khổ » và cái quan niệm « tạo vật đồ toàn » trên đây thì tính chất xã-hội của tác-phẩm được tô đậm hơn nhiều. Nhưng tác-phẩm chỉ phản chiếu cái nhân-

sinh-quan của nhà văn. Và ông Vi-Huyền-Đắc căn bản vẫn là một nhà đạo-đức. Thêm nữa, một tác phẩm được hoan-ngênh nhiệt liệt vào thời đó — một thời mà thực dân còn sung sức — thì không thể nào không vừa tấn công xã-hội mà lại không vừa bênh-vực cho nó được.

Phần bênh-vực cho xã-hội thì đây là cái thái-độ đạo-đức, quan niệm « tạo vật đồ toàn » và tư-tưởng « quân bình chủ nghĩa » mà ta đã phân tích trên đây.

Còn phần tấn công? Đó là những lời kết án đầy nhiệt-tình, những lời sống tàn nhẫn làm bằng bóc lột, lừa dối, sự đứng lên chửi đầy sát khí của lớp người cùng khổ cầm hờn, viên đạn bắn trúng vào đầu kẻ đã gây nên đời khổ. Chắc rằng vở kịch trình diễn lên trên sân-khấu gây nhiều tác động đậm-đã, sâu xa hơn là khi in thành sách và ý nghĩa xã-hội của nó cũng mạnh hơn nhiều nhờ sự thể hiện nội dung bằng những nhân vật bằng xương bằng thịt hoạt-động giữa một khung-cảnh tập trung, trợ lực bằng nhiều nghệ-thuật tổng-hợp.

Tất cả những điều này tạo nên cho vở kịch một không khí riêng biệt, không khí u-uất, ngột ngạt, nặng-nề bao phủ những màn mây u-ám. Tính chất xã-hội này bao trùm tác-phẩm khiến cho nội-dung bảo thủ có thể bớt nhiều cạnh sắc và gây được một cái không khí mới mẻ, tiến-bộ.

✱

Về phần xây-dựng nhân-vật và động-tác kịch, trong *Nhà Văn Hiện Đại* ông Vũ-Ngọc-Phan có viết: « *Hết thầy các vai đều*

(1) Thơ Nguyễn-Công-Trứ:

Tạo vật bất thi vô đề sự
Bòn chài ra một thứ khuấy chơi

tả bằng những nét bút rất mạnh » ... « động-tác rất mãnh-liệt, việc đồn-dập và ồ-ạt, cảm dỗ người ta một cách ghê gớm » (trang 243, quyển Ba).

Những nhận xét trên đây có vẻ vội vàng hình như chỉ dựa vào một cảm nghĩ chủ-quan mạnh nhất đối với toàn bộ tác-phẩm. Nhân-vật trong Kim-Tiền phản-chiếu đúng cái nội-dung tư-tưởng của tác-giả cho nên không đủ sức mạnh để phát huy kịch tính cho thực đậm-đà. Nói một cách khác, nhân-vật của Kim-tiền chỉ tiêu-biểu cho lập-trường tác - giả chứ không tiêu - biểu cho thực-tế xã-hội. Một Trần - Thiết - Chung, một vợ Trần-Thiết-Chung, một Cự Lợi, làm giảm xúc động của người xem cũng như kịch tính của tác-phẩm vì họ vừa là kẻ gây ra tai nạn nhưng đồng thời cũng là nạn-nhân. Ở nơi mỗi nhân-vật ấy hai mặt chống đối đã có sẵn rồi. Trước khi nhận lấy viên đạn trong đầu, Thiết-Chung đã bị trừng phạt, đã ý-thức được sự khổ sở và như thế thì đáng lẽ viên đạn có giá-trị giải-quyết vấn-đề lại hạ thấp để kết thúc cho vở kịch. Có lẽ trong những nhân-vật của tác-phẩm, bà Ba là thành-công hơn cả, vì bà có được những nét tiêu-biểu trọn vẹn của một vai trò đại-diện cho cái bóng tối ở trong vấn-đề của kịch.

Về động-tác của kịch thì sự diễn tiến theo thứ tự thời-gian và đi khá chậm trù hai sự chuyển biến lớn, ở màn đầu và màn cuối, thể hiện trong sự thay đổi thái-độ của ông đồ Trần-Thiết-Chung quyết chí làm giàu bẻ đôi quần bút sau những tiếng khóc của bà đồ và trong sự làm reo đập phá của công-nhân. Sự chậm lại ở ba màn giữa bắt nguồn từ hai sự kiện :

a) Sự kiện thứ nhất là mối tương-quan giữa các nhân - vật quá sức đơn giản : Giữa Trần-Thiết-Chung và hai người vợ — một người thúc đẩy mình làm giàu và đau khổ vì sự giàu sang, một người yêu mình vì cảnh phú quý và tìm mọi cách để bòn rút của cải — không có gì là gay cấn cả. Giữa hai người vợ cũng chỉ là mâu-thuân ngấm ngấm. Giữa cha con chỉ có một cuộc va chạm rồi sự xung đột ấy cũng vội tắt. Giữa bà Ba và Bích, giữa Bích và Ngọc — em ruột bà Ba — không hề có mâu - thuẫn nào bộc lộ. Có thể nói rằng đây là bao nhiêu chi tiết để chứng minh cái giàu của Trần-Thiết-Chung bị-đất đến mức nào chứ không phải là những tình tiết của một vở kịch xây-dựng theo một cơ cấu chặt chẽ có những gút thắt nhất-định. Thiếu các mối tương-quan ấy động-tác trở thành lỏng lẻo và rời rạc tuy nội-dung vẫn được nhất trí ở trong ý nghĩa nói lên thế lực Kim-Tiền.

b) Sự kiện thứ hai là tác-giả quá chú trọng đến phần giảng giải về Kim-Tiền. Ở màn thứ nhất trong cuộc đối thoại với con, ở màn thứ hai với bạn, ở màn thứ ba với vợ, Trần-Thiết-Chung bận tâm khá nhiều để giảng giải về ý nghĩa đồng tiền. Tác-giả như muốn quên cái vai trò sáng-tác nghệ-thuật để làm nhà hùng-biện. Kể ra nếu có những tình tiết khúc mắc hơn, phong phú hơn thì những cuộc đối thoại như thế không đến nỗi làm cho bước đi của kịch trở nên nặng nề.



Phân tích nội-dung và kỹ-thuật của vở Kim-Tiền là nhận-định cái phần đóng góp của nó đối với giai-đoạn hiện-tại.

Chúng ta không quên rằng *Kim-Tiền* ra đời trên hai mươi năm, và ngày nay, trên các sạp sách báo, về loại thoại kịch có tính chất xã-hội, *Kim-Tiền* vẫn còn tro troi một mình. Cầm lấy tác-phẩm chúng ta không khỏi cảm-động khi nghĩ đến cái phần mà nhà viết kịch đã cố gắng đóng góp cho cuộc đời. *Kim-Tiền* đã gây được sôi nổi một thời và một chừng nào đã phản ảnh được đậm-đà tính chất của một thời-đại. Vi-Huyền-Đắc đã tạo nên vở kịch *Kim-Tiền* nhưng vở kịch *Kim - Tiền* đã tạo nên Vi-Huyền-Đắc.

Ngày nay, tuy xã-hội có thay đổi nhưng *Kim Tiền*, mặc dù những khuyết điểm tất nhiên của nó, ngoài cái giá-trị lịch-sử vẫn còn giá-trị về phương diện xã-hội. Tác-phẩm nói lên cái sự thực sau này : tất cả chế-độ dựa trên đàn áp và bóc-lột không

còn lý do tồn tại và trên cái nền tảng của một xã - hội như thế người ta chỉ tạo được những tương quan tình-cảm giả-dối, bi-thảm mà thôi. Thế lực *Kim-Tiền* là thế lực đế-quốc thực-dân, là cái thế-lực cạnh tranh mọi rợ và tàn bạo xéo lên nhân-phẩm con người. *Kim-Tiền* nhắc nhở cho chúng ta điều đó và đồng thời nói lên nỗi lòng khao khát một cuộc sống trong sạch, cao quý hơn, cuộc sống của dân-chủ và tự-do thực sự.

Kim-Tiền còn khiến cho chúng ta nghĩ đến cái quang cảnh tiêu điều của ngành kịch nói ngày nay. Nhưng đây thuộc về một phạm vi khác, xin nhường cho những bậc có thẩm quyền.

CÔ PHƯƠNG-THẢO

- ★ Phân công nhiều khi cũng có điều bất-tiện, vì phân công thường làm mất mối thống nhất của đoàn thể hoặc của công việc. Cho nên người lãnh-đạo phải luôn luôn cố gắng điều-dẫn những khuynh hướng ly tâm và đưa về một mối duy nhất. Cách thể hay nhất để điều hợp và phối trí là thỉnh-thoảng triệu tập các người cầm đầu lại, để mỗi người được trao đổi ý-kiến, phát biểu nhu-cầu, thu rút kinh-nghiệm, trước mặt người lãnh-đạo, khiến cho toàn-thể được góp phần vào việc giải-quyết các vấn-đề có lợi-ích chung.

« Pháp-đình phán-sự chứ không phụng-sự »

Đó là câu nói người đời thường gán cho ông Séguier, chánh nhất tòa thượng thẩm Ba-Lê, dưới triều-đại vua Charles X. — câu nói có ý đề cao ý-nghĩa : pháp-đình là nơi phán-sự để nghị-quyết công-minh, chứ không phải là nơi phụng-sự quyền lợi của bất luận người nào. Nguyên văn là : « *La cour rend des arrêts et non pas des services* »

LỜI LINH HỒN

Mở mắt ra đời nghe tiếng mẹ
Ru hồi nhịp vông đầy tình thương
Voi bao nguồn sữa nay khôn lớn
Mẹ đã vì con khổ mọi đường



Giờ biết yêu rồi đất nước non
Yêu câu hát ví dặm trắng tròn
Quê-hương mình đầy nghìn năm trước
Lịch-sử ghi nhiều nét sắt son



Ca-dao mẹ mớm vào tim trẻ
Nay đã vơm thành thơ của con
Bước chân Hồng-Lạc in tiền sử
Muôn vạn năm sau nữa cũng còn



Cha dạy sông dài núi thẳm cao
Trường-sơn nghe sóng Đại-dương gào
Một nhà phải biết thương nhau lấy
Nước lã nào hơn giọt máu đào



Tha-thiết muôn lời khởi ý say
Tơ-duyên trao khắp núi sông này
Thiên-liêng nghìn khúc ca lòng đất
Chiều sáo điều cao thả gió bay



Truyện Liều Trai

KIỀU-YIÊU dịch



CÔ TIÊM

HỀ-SƠN, người huyện Cao-Mật (thuộc tỉnh Sơn-Đông) làm nghề buôn bán, thường thường ghé ở vùng Mông-Âm và Nghi-Thủy (cũng trong tỉnh ấy).

Một hôm mắc mưa giữa đường. Lúc đến chỗ trọ quen, thì đêm đã khuya, bèn gõ cửa lữ quán. Không ai lên tiếng, chàng thơ thẩn dưới mái hiên. Bỗng hai cánh cửa mở toang, một ông cụ bước ra mời khách. Mừng rỡ đi theo, chấp tay sau lưng, cùng vào phòng chính giữa.

Trong phòng lại không ghế chông gì hết. Ông cụ nói : « Vì thương khách lỡ bước,

nên mới đón tiếp. Chứ thật không phải quán cơm hàng rượu gì đâu. Trong nhà không mấy người, chỉ có vợ già với đứa con gái yếu đuối, giờ đều ngủ cả. Tuy có đồ ăn ban chiều còn dấy, khổ nỗi thiếu nồi thiếu xanh, chẳng xào nấu gì được. Xin vui lòng dùng nguội lạnh một bữa. »

Nói xong lui vào. Thoáng chốc đem ra cái chông thấp, đặt xuống đất, đơn dĩa mời khách ngồi. Rồi lại trở vào lấy ra một chiếc ghế thấp ; hết ra lại vào, tíu tít nhọc nhằn lắm. Sơn đứng ngồi chẳng yên, kéo giữ lại, mời nghỉ mệt.

Giây lát một nữ lang ra hầu rượu. Ông cụ nói : « Đây, cháu Tiêm dậy rồi kia. » Ngánh nhìn, thấy chừng mười sáu tuổi, yếu điệu thướt tha, phong tư óng ả.

Sơn có em trai còn trẻ, chưa vợ, trộm chắt cô bé cho em. Bèn hỏi ông cụ cho biết quê quán, dòng họ. Đáp : « Tên là Sĩ-Hur, họ Cồ. Con cháu đều chết yểu, chỉ còn sót mụn gái đó. Hồi này không nỡ phá giấc ngủ đương ngon, có lẽ là mụ già gọi dậy. » Hỏi con rề họ nào, đáp rằng chưa hứa gả đâu cả. Sơn mừng thầm.

Rồi thì thức ăn dọn la liệt, tưởng chừng sấm sẩn. Ăn xong, ngỏ lời cảm ơn trịnh trọng, mà rằng : « Tắm thân bèo nước, may được nhờ ơn huệ, trọn đời quyết chẳng dám quên. Xin lạm đức độ của cụ, đường đột tỏ đôi điều thật thà bất nhã. Tôi có người em trai thứ ba, mười bảy tuổi, đương đi học lo gửi mài kinh sử, chẳng đến nỗi ngu dại lắm, định tìm người mai mối, chắc cụ không chê là bần hàn. »

Ông cụ mừng nói : « Già này ở đây, cũng là kiêu ngạo. Nếu được lòng ông tin cậy, thì sẽ đi mượn ngay một gian nhà nhỏ, dời cả gia đình về đây để khỏi lo ngại. » Nhất nhất Sơn đều ưng ý, bèn đứng lên ngỏ lời cảm tạ. Ông cụ ân cần dọn hộ chỗ nằm, rồi đi ra.

Gà vừa gáy, ông cụ đã vào gọi khách dậy rửa mặt. Thu vén hành trang xong, đưa tiền đền đáp bữa ăn, thì ông lão cổ từ : « Khách ở dùng một bữa cơm, có lý đâu lại nhận tiền, rồi còn bàn việc hôn nhân ; coi sao được. »

Chia tay nhau, lưu ngụ đất khách một tháng ngoài mới trở về. Cách xóm hơn một

dặm, chợt gặp một u già dắt một nữ lang, mẫn và y phục thầy đều trắng. Lúc đến gần, ngờ ngờ là cô Tiêm. Nữ lang cũng ngoái lại nhìn mấy bận, rồi nắm tay áo bà lão, ghé tai chẳng biết nói những gì mà bà cụ dừng bước ngay, day lại Sơn mà hỏi : « Ông có phải họ Hề không ? » Sơn gật đầu.

Bà cụ buồn rầu nói : « Chẳng may cụ ông bị đề chết dưới bức tường đồ. Hôm nay lên viếng mộ. Nhà hiu quạnh không người. Xin đứng đợi bên đường một lát. Đi rồi quày lại liền. » Nói xong, bỏ đi vào rú.

Một chốc trở lại, đường đã mờ tối. Bèn cùng đi với nhau, tỏ mọi nỗi cô khổ của mình, bắc giắc khóc sùi sụt. Sơn cũng bùi ngùi tắc dạ. Bà cụ nói : « Ở đây nhân tình không tử tế cho lắm, con cô mẹ góa khó mà sanh nhai độ nhật. Cháu Tiêm tiếng đã là dâu con nhà ông, để lỡ dịp này, e trễ ngày giờ. Chi bằng cùng về với nhau ngay đêm nay. » Sơn đồng-ý.

Về đến nhà, bà cụ khêu đèn mừng đón khách xong, bèn bảo Sơn : « Đồ chừng ông sắp đến chẳng nay thì mai, nên bao nhiêu lúa thóc ki cóp đều đã bán đi, chỉ còn đâu hai mươi ngoài tạ, hứa bán nơi xa, khó bề chở tới. Từ đây đi về hướng bắc chừng bốn năm dặm, đến cửa nhà thứ nhất trong xóm, có ông Đàm-Nhị-Tuyền là người nhận mua thóc. Xin ông đừng ngại khó nhọc. Trước tiên xin mượn lừa của ông chở đi một bao, đến gõ cửa mà báo cho đằng ấy biết. Chỉ cần nói là bà Cồ ở xóm nam, có vài tạ thóc, muốn bán để làm lộ phí. Phiên ông cho lừa tể một mạch đến nơi. »

Liền giao bao thóc cho Sơn. Sơn vọt roi vào lưng lừa lên đường. Lúc gõ cửa, một người đàn ông bụng phệ bước ra. Nói rõ câu chuyện, trút bao thóc rồi quày về trước.

Một lát sau, có hai tên gia đình đem năm con lừa lại mà. Bà lão dẫn Sơn đến vựa thóc, ở trong hầm dưới mặt đất. Sơn bèn lấy thùng cầm gạt đóng hộp. Mẹ đổ thóc ra, con trút thóc vào, trong khoảnh khắc đầy cả mấy bao, đưa cho họ mang đi. Cả thấy bốn bận, mới hết thóc.

Xong rồi lấy bạc trả cho bà lão. Bà lão mượn ở lại một người và hai con lừa, sửa soạn hành trang rồi tiến về hướng đông. Đi được hai mươi dặm, trời hừng sáng, đến một cái chợ. Thuê được ngựa ở chợ, người nhà ông Đàm mới trở về.

Về đến nhà, Sơn đem tình thật thưa cùng cha mẹ. Buổi tương kiến thật là hoan hỉ. Lập tức dọn nhà riêng cho bà lão ở. Chọn ngày lành để làm hôn lễ cho chú ba. Bà lão sắm của giá-trang thật là đầy đủ.

Cô Tiêm ít oi nhu mì. Có ai nói chuyện với, thì chỉ nhoẻn nụ cười. Ngày đêm đánh sợi dệt vải, không nghỉ buổi nào. Vì thế nên bề trên kẻ dưới thấy đều thương mến ả. Thường dặn chú ba : «Hãy bảo anh Cả, lần sau có đi qua Tây đạo, nhớ đừng nói đến mẹ con tôi.» Được ba bốn năm, họ Hề càng giàu. Chú Ba vào học trường huyện.

Một hôm Sơn ở trọ nhà láng giềng với bà Cồ dạo trước. Tình cờ nhắc lại chuyện năm xưa lỡ đường, ghé trọ nhà ông cụ bà cụ. Chủ nhân nói : «Bác lầm rồi. Nhà lân cận phương đông là nhà riêng của bác tôi. Ba năm trước, người trong nhà thường

thấy sự quái gở, nên bỏ không một dạo rất lâu. Làm sao có ông cụ bà cụ nào cầm bác ở lại chứ ??? Sơn sững sốt mà chưa hỏi cho tỏ tường.

Chủ nhân lại nói : «Nhà này đã bỏ trống hết mười năm, không ai dám vào cả. Một hôm phía sau nhà sập bức tường. Bác tôi đi lại xem, thì thấy đá đè một con chuột lớn bằng con mèo, đuôi thò ra phía trong còn nhúc nhích. Lật đặt trở về, gọi nhiều người cùng đi lại, thì đã biến đâu mất. Người ta nghi con vật ấy chính là yêu quái. Hơn mười ngày sau, lại vào đó nghiệm thử, thì tấm bóng vắng tanh. Mãi hơn một năm sau mới có người đến ở ».

Sơn càng lấy làm lạ. Về nhà bàn riêng, thăm nghi cô dâu mới chẳng phải là người, lén lo liệu giùm chú ba. Nhưng chú ba vẫn dốc lòng yêu mến như thường. Lâu ngày người trong nhà bàn tán phân vân. Á kín đáo nhận xét, nửa đêm thổ thề với chú ba : «Thiếp theo chàng đã mấy năm trời, chưa từng lỗi đạo một tí nào cả. Nay đến nước bị người ta xem rẻ, vậy xin hạ cho thiếp một tờ li hôn, tùy ý chàng chọn lấy nơi khác cho đẹp duyên hơn ». Vừa nói, vừa nhỏ nước mắt.

Chú ba nói : «Tắc lòng bền chặt, lẽ ra em phải biết lâu rồi. Từ khi em về đây, nhà càng ngày càng khá giả. Ai nấy đều cho phúc trạch ấy là do em, lí đâu lại có lời gì lạ tai ».

Ả nói : «Chàng chẳng hai lòng, thiếp há không biết điều ấy sao ! Nhưng nhiều người nói lộn xộn, e chẳng tránh khỏi cảnh ruộng rẫy như chiếc quạt hết hè sang thu đấy chứ ». Chú ba phải mấy phen khuyên giải mới thôi.

Nhưng rút cục Sơn vẫn không yên lòng. Ngày ngày đi kiếm con mèo nào bắt chuột cho hay, đề dò xem ý tứ của ả. ả tuy chẳng sợ, nhưng bứt rứt không vui.

Một tối, bỗng dung bảo bà cụ khó ở xin phép chú ba về chăm nom cho bà. Sáng ra đi thăm, thì trong nhà vắng ngắt. Lo sợ vô cùng, sai người đi bốn phương dò la tung tích, thì tuyệt vô tin tức. Trong lòng áy náy, bỏ cả ăn cả ngủ. Mà phần cha và anh đều lấy thế làm may mắn, xúm nhau an ủi chàng rồi rít, bàn đến việc tục hôn cho chàng. Nhưng chú ba không chút gì mừng rỡ.

Đợi ả một năm ngoài, âm hao vắng bật. Cha và anh thường quở trách, bắt đắ dĩ mang số tiền to đi mua vợ lẽ, mà vẫn nhớ cô Tiêm không nguôi. Vài năm sau họ Hề càng ngày càng suy sụp, bấy giờ mới ngậm ngùi mẩn tiếc cô Tiêm.

Có người em trai tên Lam con nhà chú, có việc đến Giao - huyện (ở phía đông huyện Cao - mật). Dọc đường ghé trọ nhà người em bà con họ Lục. Ban đêm nghe nhà bên cạnh khóc bi ai, chưa kịp hỏi han. Lúc trở về, lại nghe khóc nữa, bèn hỏi chủ nhân. Đáp rằng: "Vài năm trước, người mẹ góa với con gái, thuê nhà ấy mà ở. Tháng trước bà mẹ mất, cô gái bỏ vợ một mình, không một người thân thích gần xa gì cả, vì thế nên khóc lóc."

Hỏi họ gì, thì nói: "Họ Cồ, lúc nào cũng bế môn, không giao du với hàng xóm, nên chưa được rõ gia thế." Lam giật mình kêu: "Chính là [chị dâu của chúng mình đó."

Bèn sang gõ cửa. Có người lau nước mắt bước ra, cách lần cửa lên tiếng đáp:

"Nhà tôi không có đàn ông con trai." Lam ghé mắt vào khe vách mà dòm, quả là chị dâu, bèn nói: "Chị mở cửa. Tôi là con nhà chú, là Tuy đây:" ả nghe thế, rút then mời vào. Tổ nổi cô khờ, giọng thảm thiết não nuột. Lam nói: "Anh ba thương nhớ khờ tâm biết ngần nào! Vợ chồng đã có điều xích mích, nhưng lẽ đâu lại đi lánh mặt xa xuôi thế này."

Bèn tính thuê kiệu cùng về. ả buồn rầu nói: "Tôi vì bị người ta xem rẻ, mà phải dắt mẹ cùng đi ăn thân, nay lại dẫn xác về để nương tựa vào người ta, thử hỏi rồi đây ai lại chẳng nhìn bằng nửa con mắt. Như muốn quay về, thì phải tách khỏi anh cả đi ăn riêng ở riêng. Chẳng thế, thà uống thuốc độc mà chết cho rồi."

Lam trở về, học chuyện lại cho người chồng nghe. Người chồng đương đêm tức tốc lên đường. Vợ chồng gặp nhau, người nào cũng nước mắt giàn giụa.

Hôm sau đi nói chuyện với ông chủ nhà. Ông chủ nhà họ Tạ là sanh viên Quốc tử giám, đề ý thấy ả đẹp, rắp tâm hỏi làm vợ bé, nên mấy năm nay không đòi tiền nhà, đã bao phen đánh tiếng cùng bà cụ. Bà cụ vẫn một mực cự tuyệt. Chừng bà cụ chết, mừng thầm có thể đàn xếp được, thì chú ba chợt đến bất thành linh. Liền tính gộp tiền nhà từ bấy nhần nay, cốt để làm khó. Nhà chú ba vốn chẳng sung túc, nghe số tiền nhiều, lo rầu ra mặt. ả bảo không hề gì, dẫn chú ba đi xem qua vựa thóc, có trên ba mươi tạ, trả nợ còn thừa.

Chú ba mừng cuống, đến thương lượng với Tạ. Tạ không chịu lãnh thóc, cố đòi cho được bạc. ả than rằng: "Đây

là nghiệt chướng của thân thiếp cả. »
Bèn đem sự tình kể lại chú ba nghe.
Chú ba nổi giận, định thừa lên huyện.
Lục can ngăn, đem thóc sang hàng xóm
bán ráo, thu tiền trả cho Tạ, rồi đem xe
đưa hai người về.

Chú ba thừa thật cùng cha mẹ, anh em
dọn ra riêng. Cô Tiêm xuất tiền dành dụm,
mướn cất lẫm, mà trong nhà chưa có thúng
thóc nào. Ai nấy đều lấy làm lạ.

Hơn một năm sau, ghé mắt đàm thử, thì
lần đã đầy ắp. Chẳng được mấy năm mà
nhà giàu to, còn Sơn thì nghèo khó. Ả
rước cha mẹ chồng (1) về tự lo phụng
dưỡng, hay đem tiền bạc gạo thóc sang

châu cấp cho anh, thét rồi ai cũng cho là
sự thường.

Chú ba vui mừng nói : « Người như
em có thể gọi là bụng không chứa oán. »
Ả nói : « Chỉ là do cái tình huynh đệ
tương thân xui nên. Với lại nếu chẳng nhờ
anh cả, thì thiếp có duyên gì mà biết
được chàng. »

Về sau không có gì kì quái xảy ra nữa.

KIỀU-YIÊU dịch

(1) Danh-từ Hán văn gọi chung cha mẹ chồng
là ông cô. Nàng dâu gọi cha chồng là công công.
Còn danh-từ *nhạc-phụ* hay *trượng-nhân*, là tiếng
chàng rề kêu cha vợ.

VIỆT-NAM JUTE FACTORY

SOCIÉTÉ ANONYME — CAPITAL : 50.000.000 \$

Divisée en action 1.000 \$

Fondateur Koulam — NGUYỄN-VĂN-HOANH



MATÉRIEL ULTRA — MODERNE



Production annuelle 3 à 5 millions sacs de jute
pour l'usage du pays et pour l'exportation

những nẻo

đường

đất nước...



Tôi đã đi
Từ Cà-Mau ra Bến-Hải
Tôi đã dừng lại
Khắp các nẻo đường
Nước xanh màu bát ngát đại dương
Hay trùng điệp núi rừng Cao-Nguyên đất đỏ
Tôi đã qua
Khắp các đô-thành nguy nga to nhỏ
Bãi bẽ đời thông
Lúa Hậu-Giang bát ngát ngập đồng
Dừa Bình-Định tổ xanh miền cát trắng
Tôi đã gặp
Cô gái sông Hương tóc thề bay trong nắng
Vành nón nghiêng nghiêng che cả bầu trời
Tôi đã về
Miền quê nhỏ xa xôi...
Trưa buồn tẻ theo tiếng gà eo óc...
Tôi đã theo xe
Qua những quãng đường gian nan khó nhọc
Đà-Lạt — Pleiku
Đất đỏ lên hương gió bụi mịt mù
Cảnh sơ sác hay thần tiên, quái dị
Tôi đã nghỉ lại
Đêm trăng rằm Quảng-Trị
Nằm nghe sông Bến-Hải khóc chia đôi
Một chiếc cầu mà hai nhịp xa xôi...
Vàng trắng xẻ đôi phần ngăn cách...
Tôi đã ghé
Đồng U-Minh qua bao bụi bờ sông lạch
Nước phèn chua, bụi rậm quần chân giày

Đêm không mừng mặc cho muỗi no say
Sao thồn-thức trên đọt cây rừng cô-quạnh...
Tôi ở lại
Thủ-đô chiều mưa tạnh
Đời dâng lên những làn má căng tròn
Bàn tay gầy xoay mạnh chiếc ly con
Bao mộng-tưởng ngất ngây cùng hớp rượu
Tôi đã về
Phan-Rang với tháp Chàm kỳ cựu
Canh trường say trong giấc ngủ ru con
Giọng hời... hời... náo nuột héo hon
Nghe nức nở tưởng như chừng đứt ruột
Tôi đã lang thang
Giữa đồn điền Ban-Mê-Thuột
Ly cà-phê chôn tiếng gọi lên đường
Trống bập-bùng đêm dạ-hội trên trường
Hoang sơ quá, lổa lồ cô gái Thượng
Tôi đã ngồi
Trên đập Đồng-Cam khi nắng chiều đỏ xuống
Theo nước về cho đồng ruộng thêm tươi
Đôi vợ chồng tát nước, hò ơi... !
Gàu nước đỏ, theo tiếng lòng hối hả...
Những nẻo đường đã qua
Làm sao tôi nhớ cả.
Từ quanh cọ, khúc-khuỷu ở thôn quê
Hay đại lộ phẳng phiu tấp nập kẻ đi về
Thơm biết mấy những nẻo đường đất nước
Những người tôi gặp được
Dầu lạ hay quen
Dầu kẻ giàu sang hay lam lũ nghèo hèn
Dầu cụ già bảy mươi, cô gái ngây thơ mười tám
Dầu chị sinh-viên trắng xanh
Hay bác nông dân đen xạm
Dầu Bắc Nam Trung
Ôi đẹp làm sao duyên thầm vô cùng
Tôi yêu cả những con người đất Việt
Những chuyến đi qua rồi, tôi rất tiếc
Làm sao sống lại những con đường
Làm sao về gặp lại kẻ yêu thương
Tôi ao-ước chuyến đi dài, bất tận.

ĐÃ PHÁP HÀNH KHẬP CÁC HIỆU SÁCH :

Tác phẩm thứ hai trong toàn bộ 10 cuốn

VIỆT-NAM VĂN HỌC TOÀN THU

do Hoàng-Trọng-Miên biên soạn

CỔ TÍCH

Quyển thứ hai 500 trang : văn liệu truyền khẩu

- Hàng trăm truyện cổ phần lớn chưa hề in.
- Phân loại : Cổ tích lịch sử, Phong tục, Thể sự, Tình cảm, Tôn giáo, Hoang đường.
- Tập trung đầy đủ những tinh hoa truyện cổ của các sắc dân đồng bằng và miền núi Việt Nam.
- Biên soạn theo phương pháp lồng hợp của khoa văn học.

Với ba chục phụ bản nghệ thuật cổ đại Việt-Nam in trên giấy láng

- Tranh minh họa theo nghệ thuật đông sơn (thế kỷ I), đại la (Lý Trần, Lê, Nguyễn).
- Ấn loát mỹ thuật trong khuôn khổ lớn 16x24, sách dày trên 400 trang, bìa bọc ngoài 4 màu đánh bóng in nổi một bức họa cổ. Giá 100 đồng.

Một công trình làm sống lại quá khứ dân tộc

Bức thư ngỏ kính gửi bạn đọc

Từ lâu, ba chúng tôi nuôi ý-định soạn một quyển

« VƯỜN THƠ »

(những bài thơ chọn lọc trong khoảng trăm năm nay)

Tài liệu nay đã gom-góp gần đủ, chúng tôi mong được các bạn giúp đỡ cho việc làm của chúng tôi ít phần sơ-sốt :

1.— Xin cho chúng tôi biết ý các bạn muốn quyển ấy phải như thế nào.

2.— Xin cho chúng tôi biết những bài thơ mà các bạn cho là hay (các bạn nhớ cho chúng tôi xuất-xứ rõ-ràng : trong tập thơ nào, in năm nào, đăng ở báo nào, số..., ngày... ; các bạn hiện có sách, báo đó, hay thư-viện nào, bạn nào có...)

Chúng tôi xin thưa trước với các bạn rằng đây là những bài thơ đã được công bố trên mặt báo hay đã in thành sách.

Xin cảm ơn các bạn trước và các bạn có ý-kiến gì, xin gửi về địa-chỉ sau đây :

Nguyễn-Hữu-Ngư

160, Phan-Đình-Phùng — Sài - Gòn

Kính,

Bùi-Khánh-Đản, Nguyễn-Hiến-Lê, Nguyễn-Hữu-Ngư

KỂ BẮT KHẮT

W. SOMERSET
MAUGHAM



(Tiếp theo B.K. số 76)



SUỐT ba ngày liền hấn không làm thế nào rời được Soissons và suốt ba ngày, ba ngày và ba đêm, hấn nghĩ đến Annette và đứa bé mà nàng sẽ sinh hạ. Rồi hấn cũng đến được trại. Hấn muốn gặp riêng bà Perier và may mắn chiều lòng hấn, hấn gặp bà ta trên lộ cách nhà một quăng. Bà ta đi kiếm củi trong rừng và đang vác bó củi lớn về nhà. Hấn dừng xe mô-tô lại. Hấn thừa biết bà ta chỉ vồn vã với hấn vì thực-phẩm hấn mang tới, nhưng hấn chẳng cần, miễn sao bà ta cứ mân mê hoặc sửa soạn làm ra bộ màu mè khi còn có thể trục lợi hấn được là đủ. Hấn cho

biết là có chuyện muốn nói với bà ta và yêu cầu bà ta bỏ bó củi xuống. Bà ta làm theo lời hấn. Trời xám nhiều mây, nhưng không lạnh.

Hấn bảo : « Tôi đã biết chuyện Annette ».

Bà ta kinh ngạc.

« Sao cậu biết được. Nó vẫn khích bác sự mù mờ của cậu đấy. »

« Cô ta bảo tôi. »

« Thế thì bữa chiều đó cậu đã làm được một việc đáng ca ngợi ».

« Tôi không biết. Sao bà không bảo tôi sớm hơn ? »

Bà ta bắt đầu kể với một giọng không chua chát mà cũng chẳng có vẻ trách móc gì hẳn, như thể đó là một sự bất hạnh của tạo vật, chẳng khác nào một con bò cái chết vì đẻ bê con hoặc một cơn tuyết giá lạnh, căm căm trong mùa đông tháng giá hủy hoại trái cây và làm hư hại mùa màng, một sự bất-hạnh mà con người phải nhận với lòng nhẫn nhịn và chịu đựng. Sau đêm hai hùng ấy, Annette nằm mê-mạn liệt giường suốt mấy ngày. Họ đã tưởng nàng mất-trí, Nàng kêu gào hàng tiếng đồng hồ. Không có bác-sĩ nào mà mời. Những bác-sĩ trong làng thì đã được gọi ra phụng sự dưới cờ. Đến ngay ở Soissons cũng chỉ có hai vị mà lại già cả rồi, cho dù có thể mời được chẳng nữa, họ cũng không làm thế nào đến trại được. Họ không được phép ra khỏi thành phố. Ngay đến lúc cơn sốt đã thuyên giảm Annette cũng vẫn còn quá mệt, chưa thể rời khỏi giường bệnh, và lúc nàng ngồi dậy thì thật là yếu, thật là xanh, trông thương hại lắm. Sự xúc động khủng khiếp quá. Và rồi một tháng trôi qua, rồi tiếp đến tháng nữa, mặc dầu không thấy, nàng cũng chẳng lưu tâm vì thường thường nàng cũng chẳng mấy khi thấy đều đặn. Chính bà Perier là người đầu tiên ngờ có chuyện chẳng lành. Bà hỏi Annette. Cả hai đều hoảng sợ, nhưng họ còn nghi-hoặc và dẫu không cho lão Perier biết. Đến tháng thứ ba thì thực không còn ngờ vực gì nữa. Annette có mang.

Họ có một chiếc xe Citroen cũ mà xưa kia Bà Perier thường chở sản-phẩm của trại lên chợ Soissons hai sáng mỗi tuần, nhưng

từ khi Đức chiếm đóng họ chẳng có gì đáng bán để đi cho bõ công. Dầu sừng khan hiếm như vàng. Nhưng lần này họ đánh xe ra và lái lên tỉnh. Xe cộ toàn là của Đức, lính đóng nhan nhản khắp nơi. Dấu hiệu Đức-Quốc-Xã đầy đường và trên các công-thực dán đầy những tuyên-cáo bằng tiếng Pháp do vị Tư lệnh ký. Nhiều cửa hiệu đóng cửa. Họ tới vị bác-sĩ già quen và ông ta xác-nhận sự nghi-ngờ của họ. Nhưng ông ta là một con chiên ngoan đạo nên ông ta không thể giúp họ được. Khi họ khóc ông ta nhún vai bảo :

« Cháu đâu có phải là người duy nhất, *Il faut souffrir.* » Họ biết một vị bác-sĩ khác và tìm đến. Họ rung chuông một hồi lâu mà không có người trả lời. Mãi sau mới có một người đàn bà mặc quần áo đen, mặt mày ủ-dột ra mở cửa, nhưng khi thấy họ ngỡ ý muốn gặp bác-sĩ thì bác ta khóc. Ông ta đã bị bọn Đức bắt vì ông ta là hội-viên hội Tam điểm và bị giữ làm con tin. Một trái bom nổ tại một tiệm đông sĩ-quan Đức làm hai người bị chết và nhiều người bị thương. Nếu thủ-phạm không nạp mình trước hạn định, ông ta sẽ bị bắn. Người đàn bà có vẻ hiền hậu, nên bà Perier giải-tỏ nỗi phiền-muộn của họ.

« Đồ súc-sinh » Người đàn bà nhìn Annette thương cảm. « Thật khổ thân cháu. »

Bà ta đưa cho họ địa-chỉ một bà đỡ trong tỉnh và dặn họ bảo là do bà ta giới thiệu. Bà đỡ cho họ một ít thuốc. Nó làm cho Annette nôn nao vật vã tưởng chừng chết đến nơi, nhưng chẳng có hiệu-quả gì. Annette vẫn có mang.

Đó là câu chuyện mà bà Perier kể cho Hans. Hấn yên lặng một lát.

Đoạn hấn bảo : « Ngày mai chủ nhật, tôi rảnh. Tôi sẽ đến để chúng ta cùng bàn tính. Tôi sẽ mang một vài món kha khá đến. »

« Chúng tôi không có kim. Liệu cậu có thể mang đến vài cái được không ? »

« Vâng tôi xin cố. »

Bà Perier nâng bó củi lên vai ỉ ạch đi xuống đường. Hans trở về Soissons. Hấn không dám dùng xe mô-tô, thành thử hôm sau hấn thuê một chiếc xe đạp. Hấn buộc gói đồ ăn sau xe. Cái này lớn hơn mọi khi vì hấn gói thêm cả một chai Champagne. Hấn đến trại lúc bóng tối bắt đầu bao-phủ chắc chắn mọi người đều đã đi làm về. Không khí thật ấm cúng và thân mật khi hấn bước vào bếp. Bà Perier đang thổi nấu và ông chồng đang đọc báo Paris Soir. Anette đang đan vớ. Hấn vừa giở gói đồ vừa nói : « Đây tôi mang cho cô một ít kim. Còn đây là vài thước vải gọi là biểu cô đây, Anette ».

« Tôi không cần những thứ đó. »

Hấn cười : « Thật không ? Cô còn phải khâu vá cho đứa bé chứ. »

Bà mẹ xen vào : « Phải đấy Annette con ạ, vả lại chúng ta chẳng có gì. Annette tiếp tục khâu, không buồn ngước mắt lên. Đôi mắt thêm thường mà bà Perier duyệt qua những món trong gói : « Một chai Champagne. »

Hans cười thành tiếng.

« Lát nữa tôi sẽ cho mọi người biết nó dùng để làm gì. Tôi đã dự-tính rồi. Hấn ngồi yên một lát, rồi kéo ghế ngồi đối diện với Annette. « Tôi không biết phải vào đề như thế nào. Annette, tôi hết sức ân hận về

chuyện tôi gây ra đêm đó. Đây không phải là lỗi tại tôi mà tại hoàn-cảnh. Xin Annette thứ lỗi cho tôi ».

Nàng đưa mắt nhìn hấn căm-hận.

« Không bao giờ. Sao anh không để tôi yên thân hở ? Anh làm hại đời tôi thế chưa đủ hay sao ? »

« Chính vì vậy. Có lẽ tôi chưa. Khi tôi biết cô sắp có con thì điều ấy có một hiệu-lực kỳ lạ với tôi. Lúc đó sự thế khác hẳn. Nó làm tôi thật hãnh-diện ».

Annette kinh-tởm hét vào mặt hấn :

« Hãnh diện ? »

« Tôi muốn cô có con, Annette ạ. Tôi rất mừng vì cô không phá được cái thai ».

« Sao anh dám nói thế ? »

« Cô hãy làm ơn nghe tôi nói ! Từ khi tôi biết, thật tôi không còn nghĩ đến gì khác nữa. Chiến tranh sẽ chấm dứt trong vòng sáu tháng nữa. Chúng tôi sẽ buộc bọn Anh phải thần-phục vào mùa Xuân. Bọn nó thật vô phương rồi. Lúc đó tôi sẽ được giải-ngũ và xin cưới cô. »

« Anh ấy à ? Sao ? »

Làn da bánh mặt đỏ hồng lên. Hấn không có can-dảm nói bằng tiếng Pháp, hấn dùng tiếng Đức. Hấn biết là nàng hiểu.

« *Ich liebe dich.* »

Bà Perier hỏi : « Cậu ấy nói gì thế ? »

« Hấn bảo hấn yêu con. »

Annette ngửa mặt phá ra cười chua xót. Nàng cười lên sằng sặc không kìm lại được, lệ đổ ròng ròng. Bà Perier tát mạnh vào hai má nàng.

Bà bảo Hans : « Cậu đừng để ý. Thần kinh thác loạn đấy. Tình trạng nó thế nào chắc cậu rõ. »

Annette thở dốc. Nàng lấy lại tự-chủ.

Hans nói : « Tôi mang chai champagne đến để mừng cuộc đính ước của đôi ta. »

Annette chua chát :

« Đau khổ nhất là chúng ta đã thua những thằng ngu, những thằng ngu đến thế kia. »

Hans lại nói bằng tiếng Đức.

« Cho mãi đến ngày tôi biết cô có mang, tôi thật không rõ là tôi yêu cô. Nó đến như một tiếng sét, nhưng tôi tin là tôi sẽ yêu cô mãi mãi. »

Bà Perier hỏi : « Cậu ta bảo gì thế ? »

« Không có gì quan-trọng. »

Hans nói tiếng Pháp trở lại. Hans muốn cha mẹ Annette hiểu những điều Hans phải nói.

« Tôi có thể kết hôn với cô ngay bây giờ, song họ không cho phép. Cô chớ nghĩ rằng tôi là thằng chẳng ra gì. Cha tôi là người khá-giả và gia-đình tôi rất có uy-tín trong xã. Tôi là con cả nên cô không phải lo thiếu thốn gì hết ».

Bà Perier hỏi : « Anh có đạo không ? »

« Thừa bà có ».

« Đó là điều đáng kể ».

« Vùng tôi ở thật đẹp và đất rất tốt. Giữa Munich và Innsbruck, thật không có đất nào tốt hơn, và chỗ đất ấy của gia-đình tôi. Ông tôi mua hồi chiến-tranh 1870. Chúng tôi có cả một chiếc xe hơi và một cái radio, chúng tôi lại sắp sửa mắc cả điện thoại nữa ».

Annette hướng về phía cha, lớn giọng mai mỉa :

« Tiên-sinh đây thật đủ ngón ». Nàng nhìn Hans. « Đối với tôi đây có thể là một địa-vị đáng thèm, một ngoại-nhân của nước chinh-phục với một đứa con sinh-trưởng trong vòng hôn-thú. Nó hiến cho tôi một cơ-hội thụ-hưởng hạnh-phúc, có phải thế không ngài ? Một cơ-hội tốt thật ».

Lão Perier, vốn kín tiếng, lần đầu tiên cắt lời :

« Không. Tôi không phủ nhận cái cử-chỉ tốt đẹp của cậu. Tôi đã từng sống suốt trận chiến-tranh trước và tất cả chúng tôi đều làm những chuyện mà chúng tôi không hề làm trong thời bình. Nhân-tính là nhân-tính. Nhưng hiện giờ con trai chúng tôi đã mất, chỉ còn có một cháu Annette. Chúng tôi không thể để cháu đi được ».

Hans nói : « Tôi đã dự-đoán ông sẽ nghĩ như vậy nên tôi đã định sẵn câu trả lời. Tôi sẽ ở lại đây ».

Annette liếc hán một cái thật nhanh.

Bà Perier hỏi : « Cậu nói thế nghĩa là làm sao ? »

« Tôi còn một người em. Nó có thể ở lại đỡ-dần cha tôi. Tôi mến xứ này. Với nghị-lực và sáng-kiến, một người đàn ông có thể giúp ích cho trong trại của ông bà rất nhiều. Khi chiến-tranh chấm dứt một số lớn người Đức sẽ định-cư tại đây. Ai cũng rõ rằng nước Pháp thiếu đàn ông để khai-khẩn ruộng nương. Bữa trước có một ông diễn-thuyết cho chúng tôi nghe ở Soissons. Ông ta bảo rằng một phần ba ruộng đất bỏ hoang và thiếu người làm ».

Lão Perier và vợ nhìn nhau, Annette thấy rõ là hai thân đã nao-núng. Từ khi đứa con trai mất đi, họ vẫn hằng mong mỗi một chàng trẻ khỏe mạnh lực-lượng, có thể quán-xuyến khi họ già-cả chỉ còn quanh quẩn qua ngày.

Bà Perier nói : « Nếu thế thì lại khác. Đây là một đề-nghị đáng chú ý. »

Annette gào lên : « Mẹ giữ mồm giữ miệng một chút. » Nàng cúi mình về phía trước, dương đôi mắt nẩy lửa nhìn chăm chăm vào gã thanh-niên Đức : « Tôi đã đính hôn với một giáo viên trường nam tại tỉnh tôi đây, sau chiến tranh chúng tôi sẽ kết hôn. Hắn không khỏe mạnh to lớn như anh, hay đẹp giai như anh ; hắn nhỏ nhắn và mảnh dẻ. Cái đẹp duy nhất của hắn là vẻ thông-minh rạng-rỡ trên khuôn mặt, sức mạnh duy nhất của hắn là sự cao thượng của tâm-hồn. Hắn không phải là một tên mọi rợ, hắn văn-minh ; hắn có cả một ngàn năm văn-hiến sau hắn. Tôi yêu hắn. Tôi yêu hắn với cả tâm-hồn. »

Mặt Hans bụm xuống. Hắn không hề ngờ đến chuyện Annette để ý đến một kẻ nào khác.

« Thế bây giờ hắn đâu ? »

« Anh tưởng là hắn ở đâu ? Ở Đức. Một thằng tù đối rã họng. Trong lúc ấy anh ăn uống phát phì ra trên đất nước chúng tôi. Đã bao lần tôi đã phải nói cho anh rõ là tôi ghét anh ! Anh yêu cầu tôi tha thứ anh. Không bao giờ. Anh định làm lành. Đồ xuẩn ngốc ». Nàng ngửa đầu về phía sau nét mặt đau đớn khôn cùng. « Nhớ nuốc. Ôi chàng sẽ tha thứ cho tôi. Chàng là kẻ từ tâm. Nhưng tôi vẫn bị rầy vò bởi ý-tưởng là một ngày kia chàng sẽ nghĩ ngờ

rằng tôi không bị cưỡng bức — rằng có lẽ tôi đã hiến-thân cho anh vì bơ, vì phó-mát và vớ lụa. Tôi đâu có phải là kẻ duy-nhất. Và cuộc sống tôi của sẽ ra sao với đứa con xen vào giữa chúng tôi, đứa con của anh, một đứa trẻ Đức ? To lớn như anh, tóc vàng óng như anh, mắt xanh như anh. Ôi Chúa ơi, sao Chúa bắt con phải khổ sở thế này ? »

Nàng đứng dậy bước nhanh vào bếp. Trong một phút cả ba đều im lặng. Hans buồn rầu nhìn chai Champagne. Hắn thở dài đứng dậy, khi hắn bước ra bà Perier đi cùng.

Bà hạ giọng hỏi : « Cậu có thật tâm khi nói là sẽ lấy nó không ? »

« Có. Từng lời từng tiếng. Tôi yêu cô ấy. »

« Và cậu không đem nó đi chứ ? Cậu sẽ ở lại làm lụng trong trại chứ ? »

« Tôi xin hứa. »

« Rõ là ông cụ nhà tôi chẳng còn được bao lâu nữa. Ở nhà cậu còn phải chia sẻ với em. Ở đây cậu chẳng phải chia sẻ với ai hết. »

« Thế nữa kia à. »

« Chúng tôi thật không ưng cho con Annette lấy thằng giáo viên ấy tí nào, nhưng lúc ấy thằng cháu trai còn sống, nó bảo nếu chị nó muốn lấy anh chàng kia thì sao lại không được ? Con Annette thì cứ chết mê chết mệt vì thằng ấy. Nhưng bây giờ thằng cháu trai đã mất, tội nghiệp nó, thì lại khác. Ngay đến như con bé có muốn chẳng nữa thì nó làm thế nào mà đảm đương được trong trại một mình ? »

« Vâng nếu phải bán thì nhục nhả lắm. Tôi rõ tình người đối với đất cát của mình ra sao. »

Họ ra tới đường cái. Bà Perier cầm lấy tay hắn xiết nhẹ nhẹ.

« Cậu nhớ lại ngay cho ».



Hans rõ là bà ta đã ngã về phe mình. Trên đường về Soissons nghĩ đến điều đó hắn cảm thấy một niềm an ủi. Việc Annette yêu một kẻ khác thật là phiền. Nhưng may mắn là gã kia còn bị cầm tù, chắc còn chán hắn mới được thả, trong khi đó thì đứa bé đã chào đời rồi. Điều này có thể làm nàng thay đổi, nhưng kẻ khó mà lường được tâm-địa đàn bà. Thế sao ở làng hắn

có một người đàn bà thật yêu chồng, yêu đến độ lơ lửng, mà rồi khi có con chị ta không muốn nhìn thấy mặt anh ta nữa. Ờ, nếu vậy sao lại chẳng có thể xảy ra chuyện ngược lại nhỉ? Còn bây giờ hắn ngổ ý cầu hôn thì nhất định là nàng phải coi hắn

như một tên chẳng ra gì rồi. Trời, lúc nàng ngửa đầu ra phía sau trông mới thế-thiết làm sao, mà sao nàng nói hay đến thế. Chà lời với lẽ! Một cô đào trên sân khấu cũng khó mà diễn tả hơn được. Vậy mà sao nó tự-nhiên thế, ta phải nhận rằng bọn dân Pháp ấy thật biết ăn biết nói. Chà nàng thật là giỏi. Ngay cả lúc nàng mạt-sát hắn bằng những lời chua cay, nghe mà vẫn thú. Hắn chẳng phải là người học-thức kém cỏi, song thật hắn không đáng mặt xách đèn cho nàng. Nàng là người có văn-hóa.

« Minh là thằng ngu; hắn vừa phóng xe vừa nói lớn. Nàng bảo là hắn lực-lượng,

khỏe mạnh và đẹp trai. Nếu những điều đó đối với nàng chẳng có gì, liệu nàng có nói như vậy không? Và nàng lại còn nói đến đứa bé sẽ có tóc vàng óng và mắt xanh như hắn. Nếu không phải điều đó có nghĩa là màu mắt nước tóc của hắn đã gây một ấn-tượng nơi nàng rằng hắn thuộc dòng Nhật Nhĩ Man. Hắn cười thành tiếng. « Đợi đấy. Hãy kiên tâm để ông Xanh làm việc ».

Nhiều tuần trời qua. Vị Tổng Tư Lệnh ở Soissons là một sĩ-quan có tuổi dễ tính, trước viễn-tượng tốt đẹp mà mùa Xuân sẽ mang lại cho phe Trục, lão ta bằng lòng buông lỏng đám quân nhân dưới quyền. Báo chí Đức loan-truyền là Anh-Quốc đang bị lụn bại vì Luftwaffe, (1) dân chúng sống trong kinh-hoàng. Các tiềm thủy đình đánh đắm tàu Anh hàng chục chiếc một và đất Anh đang bị đói, mầm khởi loạn âm ỉ? Tất cả sẽ thanh-toán xong trước hạ và Đức sẽ làm bá-chủ toàn-cầu. Hans viết thư về nhà báo tin cho cha mẹ biết là hắn sắp cưới một cô gái Pháp có trang trại tốt. Hắn đề nghị em hắn nên vay tiền mua nốt phần đất của hắn qui định trong gia-sản để thêm đất thêm cát vào phần của nó trong khi giá đất, vì chiến-tranh và giá-trị tiền-tệ, đang rẻ như bèo. Hắn đi khắp trong trại với lão Perier. Lão già lặng lẽ nghe khi Hans trình bày ý-kiến: trại cần phải tu-bổ lại, là người Đức hắn sẽ được nâng-dỡ, chiếc máy kéo đã cũ rồi, hắn sẽ mua một cái mới ở Đức và một máy cày. Muốn trại sinh lợi thì phải biết lợi-dụng những phát-minh mới mẻ. Về sau bà Perier có nói lại với hắn là chồng bà ta bảo hắn không đến nỗi vô-vị và có vẻ hiểu nhiều biết rộng lắm. Bà ta đã có vẻ thân-mật với hắn và cứ khấn-khoản nài hắn trưa chủ-nhật nào cũng phải đến dùng bữa trưa với ông bà ấy. Bà ta dịch tên hắn ra tiếng Pháp và gọi hắn là Jean. Hắn sẵn lòng tiếp tay, còn Annette thì càng ngày càng yếu, thật cần có một người đàn ông không quản ngại sức vóc.

Annette vẫn có ác cảm ghê gớm với hắn. Nàng chẳng bao giờ mở miệng nói với hắn trừ lúc trả lời những câu hỏi trực-tiếp của hắn và có dịp

(1) Không lực Đức.

là nàng lui vào phòng riêng. Khi trời lạnh quá không thể ở trong phòng được nàng đến ngồi bên bếp lò, khâu vá hoặc đọc sách, chẳng buồn để ý đến hắn làm như thể hắn không có đó. Nàng hồng hào khỏe khoắn. Má đỏ hây hây Hans thấy nàng thật đẹp. Sắp sửa làm mẹ nên nàng có một vẻ uy-nghi khác thường mỗi lần nhìn nàng là lòng hắn lại rộn lên niềm hoan-lạc. Rồi một bữa nọ hắn đang phóng xe tới trại thì thấy bà Perier đứng ở đường vắng hắn dừng lại. Hắn thắng gấp. « Tôi đợi cậu cả giờ đồng hồ. Tôi ngờ cậu không đến nữa. Cậu phải quay về đi. Pierre chết rồi. »

« Pierre là ai? »

« Pierre Gavin. Gã giáo viên mà Annette định lấy ấy mà. »

Tim Hans rộn lên. May mắn làm sao; giờ đây hắn đã có cơ hội.

« Cô ấy có xúc-dộng lắm không? »

« Nó không khóc. Tôi định an-ủi nó gát ấm lên. Bữa nay nó mà thấy cậu thì khéo nó đến cầm dao đâm cậu mất. »

« Đâu có phải tại tôi mà hắn chết. Sao bà biết tin? »

« Một tù nhân, bạn nó, trốn sang Thụy-Sĩ, viết thư về cho con Annette. Chúng tôi vừa nhận được thư bữa sáng. Có một cuộc làm reo trong khám vì họ không được cung-cấp thức ăn đầy đủ, những người cầm đầu bị bắn. Pierre là một người trong bọn. »

Hans nín lặng. Hắn chỉ có thể nghĩ xử-sự với họ thế là phải. Họ tưởng trại giam là gì — hiệu Ritz chắc?

Bà Perier nói: « Để cho nó có đủ thời giờ qua cơn xúc động. Lúc nào nó nguôi

ngươi tôi sẽ nói với nó. Nếu khi nào có thể đến được tôi sẽ viết thư cho cậu ».

« Được. Bà cố sức giúp tôi nhé ! »

« Cậu cứ yên tâm. Nhà tôi và tôi đều đồng ý với nhau. Chúng tôi bàn bạc kỹ lưỡng lắm, chúng tôi đã đi đến kết-luận là chỉ còn một cách, ấy là chịu tiếp-nhận hoàn-cảnh. Ông nhà tôi ông ấy không đến nỗi điên đầu, ông ta bảo dịp may nhất cho Pháp-quốc lúc này là cộng-tác. Và suy-ngẫm mọi điều tôi thấy cũng chẳng đến nỗi ghét cậu. Tôi cũng chẳng ngạc nhiên nếu thấy cậu không làm tròn bổn-phận người chồng với Annette bằng gã giáo-viên kia. Và cả chuyện đưa bé ra đời với tất cả mọi chuyện khác nữa ».

Hans nói : « Tôi muốn nó là con trai. »

« Thế nào cũng là con trai mà. Tôi biết chắc vậy. Tôi đã xem cặn cà-phê và bói bài, lần nào cũng ứng là con trai. »

Khi quay xe và sắp sửa lên yên Hans mới sức nhớ :

« Suyt nữa thì quên, tôi có mang tờ báo đến cho bà ».

Hans đưa cho bà ta ba tờ Paris Soir. Chiều nào lão Perier cũng đọc. Lão ta đọc thấy rằng Pháp phải thực-tế mà chấp nhận nền trật-tự mới mà Hitler sửa soạn xây-dựng ở Âu-Châu. Rằng những tiềm thủy-dĩnh Đức đang tảo-thanh biển cả. Rằng Bộ Tổng-Tham-Mưu đã hoạch-định cặn-kế một chiến-dịch sẽ đưa nước Anh đến chỗ khuất phục. Và Hợp-Chúng-Quốc vì thiếu chuẩn-bị, quá nhu nhược và quá chia rẽ nên không thể trợ giúp Anh được. Rằng Pháp quốc phải nhận cơ-hội trời cho này mà cộng-tác với Đại-Đức ngõ-hầu khôi phục lại địa-vị vẻ vang tại tân Âu-Châu. Và những điều

đó nào có phải là do người Đức viết mà chính là người Pháp, ông ta gật đầu biểu đồng tình khi đọc tin cường-hào và Do-Thái sẽ bị diệt trừ và đám bần-dân Pháp rớt cuộc sẽ trở lại địa-vị xứng đáng của họ. Khi những cây bút tài ba ấy nói rằng nước Pháp là nước dĩ nông vi bản mà đám nông-dân cần cù là nòng-cốt, thì thật là chí lí. Thế mới thật là hợp lí hợp lẽ chứ.

Một buổi chiều, mười ngày sau khi có tin Pierre Gavin chết, sau khi dùng cơm xong, như đã tính toán với chồng, bà Perier bảo Annette : « Mấy bữa trước mẹ đã viết cho cậu Jean cái thư mời cậu ấy tới chơi vào ngày mai ».

« Cám ơn mẹ đã cho con biết trước. Con sẽ ở trong phòng riêng. »

« Ô này con ơi, bây giờ chẳng còn là lúc điên rồ thế nữa. Con phải thực-tế một chút chứ con. Pierre bề nào cũng chết rồi. Cậu Jean cậu ấy yêu con muốn cưới con. Cậu ấy trông khôi-ngô tuấn-tú đấy chứ. Có được một tấm chồng như cậu ấy, cô gái nào cũng phải hãnh-diện. Nếu không cô cậu ấy giúp đỡ, trại nhà ta làm sao mà tu-bổ được hờ con ? Cậu ấy sắp sửa bỏ tiền túi ra mua một cái máy kéo và một cái cày máy đấy. Thôi chuyện đã qua rồi con nên quên đi là hơn ».

« Mẹ có nói lắm cũng chỉ hoài hơi thôi mẹ ạ. Trước khi con tự lực cánh sinh thì giờ đây con cũng có thể lại tự tần - tảo cho qua ngày. Con ghét nó. Con ghét sự khoa-trương và kiêu kỳ của nó. Con có thể giết nó, nhưng cái chết của nó không làm con thỏa - mãn. Con muốn hành nó như nó đã hành con. Nếu con tìm

được cách nào làm cho nó đau đớn như nó đã làm cho con đau đớn thì con chết mới nhắm mắt. »

« Con dở người lắm, con ời. »

Lão Perier nói: « Con ạ, mẹ con nói phải đấy. Chúng ta đã bị bại và chúng ta phải chấp-nhận hậu-quả: Chúng ta phải cố sức điều-đinh với kẻ chinh-phục. Ta khôn hơn họ và nếu ta cao cờ hơn ta sẽ bước ra với ưu thế. Pháp quốc thối nát quá rồi. Chính bọn Do-Thái và cường-hào nó làm hại đất nước. Đấy con cứ xem báo thì biết. »

« Cha tưởng con tin đến một chữ trên báo à? Cha cho là tại sao hán mang báo ấy đến, nếu không phải là báo ấy đã bị bọn Đức mua chuộc? Còn những tên viết trong đó — phản quốc, phản quốc, Chúa ời, con chỉ mong được sống để thấy chúng bị quần-chúng xé ra từng mảnh. Bị mua chuộc tất cả bè lũ chúng đều bị mua chuộc, — mua chuộc bởi tiền Đức. Đồ chó lợn. »

Bà Perier nổi đóa:

« Tại sao mà mày ghét nó hử? Vẫn biết nó cường bức mày, nhưng lúc bấy giờ nó say. Đấy không phải là lần đầu tiên điều đó xảy đến với một người đàn bà mà nó cũng chẳng phải là lần cuối cùng. Nó đánh bổ mày máu me bê bết như một con heo, nhưng bổ mày có để bụng đâu? »

Lão Perier nói: « Đấy là một rủi ro đáng tiếc, nhưng tao quên đi. »

Annette cười gằn:

« Lẽ ra ba phải là một thầy tu mới phải. Cha tha thứ sự xúc phạm với một tinh-thần thực là Gia-Tô. »

Bà Perier cúi kính hỏi: « Thế thì có gì không phải hử? Nó chẳng tìm mọi cách để chuộc lỗi là gì? Bỏ mày lấy thuốc lá ở đâu ra suốt ba tháng nay, nếu không phải là của nó? Nếu nhà ta chưa đến nỗi rã họng ra cũng là nhờ nó chứ còn ai nữa. »

« Nếu như mẹ có đôi chút kiêu-hãnh, nếu như mẹ có đôi chút ý-niệm tự-sĩ thì mẹ đã ném quà biếu vào mặt hán. »

« Mày cũng ăn cơ mà, phải không? »

« Không bao giờ, không bao giờ. »

« Thế là nói dối chắc mày cũng biết. Mày từ chối không ăn phó mát do nó đem lại, cả bơ và sardine nữa. Nhưng mày ăn súp, mày biết là tao nấu bằng thịt nó đem đến chứ; rồi rau salade mày ăn tối nay nữa, nếu mày không phải ăn rau xuông là vì nó mang dần đến cho tao. »

Annette thở dài. Nàng đưa tay lên che mắt.

« Con biết. Con cố tăng lơ như không, con không nhin được, con đói quá. Phải, con biết thịt của hán ngấm vào súp mà con vẫn ăn! Con biết là salade trộn bằng dầu của hán. Con muốn quên đi, con thèm quá, đấy nào có phải con ăn mà là con thú đói khát trong người con. »

« Chả phải tại cái này cái nọ gì cả. Mày ăn. »

« Với tủi nhục. Với thất vọng. Thoạt tiên chúng đã phá lực-lượng chúng ta bằng thiết-giáp phi-cơ, rồi giờ đây khi chúng ta hết phương tự-vệ, chúng phá-hoại tâm hồn chúng ta bằng cách làm chúng ta đói khát. »

« Cứ đóng kịch mãi thế thì chẳng đi đến đâu đâu con ạ. Mày là một phụ-nữ có học-vấn mà mày chẳng biết điều một tí nào cả. »

Hãy quên quá khứ đi và hãy để đứa con này có được một thằng bố, ấy là chưa kể nó lại còn có thể giúp đỡ cho trong trại bằng đến hai người làm mướn. Có như thế mới là biết điều ».

Annette nhón vai chán nản và cả ba người yên lặng. Hôm sau Hans đến. Annette nhìn hắn lăm lăm nhưng không nói mà cũng chẳng nhúc nhích. Hans mỉm cười.

« Cảm ơn cô đã không bỏ đi ».

« Ba má tôi mời anh đến và họ đã đi xuống dưới làng. Thật là tiện cho tôi vì tôi muốn nói chuyện rút-khoát cùng anh. Ngồi xuống ».

Hắn bỏ áo và mũ sắt rồi kéo một cái ghế đến cạnh bàn.

« Ba má tôi muốn tôi lấy anh. Anh mảnh khỏe lắm ; với những quà-cáp, với những lời hứa-hẹn, anh đã thuyết-phục được ba má tôi. Các cụ tin những tin tức trong tờ báo anh đem đến. Tôi muốn cho anh rõ là tôi không bao giờ lấy anh. Tôi không thể tưởng tượng được sao tôi lại có thể ghét một con người đến như tôi ghét anh. »

« Để tôi nói bằng tiếng Đức. Chắc cô có thể hiểu những lời tôi nói. »

« Tôi hiểu. Tôi từng dạy tiếng Đức. Tôi đã từng kèm hai đứa gái nhỏ ở Stuttgart trong hai năm. »

Hắn nói tiếng Đức nhưng nàng vẫn tiếp tục nói bằng tiếng Pháp.

« Không những tôi chỉ yêu cô mà tôi lại còn khâm-phục cô nữa. Tôi khâm-phục sự độc đáo cũng như duyên dáng của cô. Cô có một cái gì mà tôi không hiểu nổi. Tôi kính trọng cô. Vâng, tôi cũng rõ là cô

không muốn lấy tôi ngay hiện thời dù cho có thể được. Nhưng Pierre đã chết rồi. »

Nàng quát lên dữ dội.

« Đừng chạm đến anh ấy ! Đừng khơi thêm vết thương lòng. »

« Tôi muốn nói vậy là chỉ vì cô, tôi rất buồn khi biết tin anh ta chết. »

« Bị bắn một cách tàn nhẫn bởi bọn cai tù Đức. »

« Cổ lẽ rồi theo thời-gian cô sẽ nguôi đi. Chắc cô rõ, khi người cô yêu mất đi, cô cảm thấy khó mà quên nổi, nhưng rồi cô vượt qua được. Lúc đó phải chăng có một người cha cho đứa nhỏ là hơn ? »

« Cho dù không có chuyện gì nữa, anh tưởng tôi có thể quên được anh là dân Đức mà tôi là một người dân bà Pháp ư ? Nếu anh không ngu-xuẩn như cái giống Đức nhà anh thì anh phải biết rằng đứa bé sẽ dạy-vật tôi suốt đời. Anh tưởng tôi không có bạn bè sao ? Liệu tôi còn dám nhìn mặt họ với đứa con tôi có với một tên lính Đức không ? Tôi chỉ xin anh một điều ; để mặc tôi với niềm tủi-nhục. Đi, đi — đi và đừng bao giờ trở lại nữa. »

« Nhưng nó cũng là con tôi. Tôi cần có nó ».

Nàng kêu lên kinh ngạc :

« Anh ấy à ? Một phút thoáng qua trong lúc say sưa cuồng dại nào có nghĩa lý gì với anh ? »

« Cô không hiểu tôi. Tôi thật kiêu-hãnh và sung sướng. Chính lúc biết cô có mang, tôi mới biết là tôi yêu cô. Mới đầu tôi không tin nó làm tôi kinh ngạc. Cô không hiểu ý tôi sao ? Đứa trẻ sắp chào đời đối

với tôi là tất cả trên thế-gian này. Ôi, tôi không biết phải xử-sự như thế nào, nó làm tâm-hồn tôi xúc-động đến mức độ tôi chẳng còn hiểu được tôi. »

Nàng nhìn hấn đắm đắm, khóe mắt ngời lên một tia sáng lạ lùng. Ta có thể bảo đó là cái nhìn đặc thắng. Nàng cười gằn.

« Tôi không hiểu tôi thêm chán sự thô-bạo của giống Đức các anh hay khinh-bí tính đa-cảm của các anh. »

Hans làm như không nghe thấy những lời nàng nói.

« Lúc nào tôi cũng nghĩ đến thằng bé. »

« Anh quyết nó là trai à ? »

« Tôi biết chắc nó sẽ là trai. Tôi muốn ghì nó trong vòng tay, dịu nó đi chấp-chững những bước đầu. Và rồi khi nó lớn khôn tôi sẽ truyền cho nó tất cả những gì tôi biết. Tôi sẽ dạy nó cưỡi ngựa, tôi sẽ dạy nó bắn súng. Khe nhà có cá không nhỉ ? Tôi sẽ dạy nó câu. Tôi sắp là một người cha kiêu-hãnh nhất trên thế-gian này. »

Nàng nhìn hấn trừng trừng. Mặt nàng lạnh lùng cương-quyết. Một ý-tưởng, một ý-tưởng khủng-khiếp hình-thành trong tâm-trí. Hấn cười thân-thiện với nàng.

« Có lẽ khi Annette thấy tôi yêu con của chúng ta đến thế nào, Annette sẽ hồi-tâm mà yêu tôi. Tôi sẽ là người chồng gương mẫu, Annette ạ »

Nàng nín lặng. Nàng chỉ làm li nhìn hấn.

Hấn nói : « Annette không thể nói với tôi được một câu nói dịu dàng sao ? »

Annette đỏ mặt. Nàng xiết chặt đôi tay lại với nhau.

« Những kẻ khác có thể khinh tôi. Nhưng tôi không bao giờ làm một việc gì có thể làm tôi tự-sĩ. Anh là kẻ thù của tôi và anh sẽ mãi mãi là kẻ thù của tôi. Tôi chỉ sống để chờ ngày giải-phóng nước Pháp. Ngày ấy sẽ đến, có thể không phải là năm tới hay năm sau nữa, có thể không phải là ba mươi năm nữa, nhưng nó sẽ đến. Những kẻ sống sót có thể làm được điều họ muốn, tôi sẽ không bao giờ bắt tay với kẻ xâm-lấn nước tôi. Tôi ghét anh và tôi ghét đứa bé mà anh đã tạo cho tôi. Phải chúng tôi đã là những kẻ chiến bại. Nhưng trước giờ chung-cục anh sẽ nhận thấy rằng chúng tôi không bị khuất-phục. Giờ thì đi đi. Trí tôi đã quyết và không có gì trên cõi thế này có thể thay đổi được. »

Hấn nín lặng một vài phút.

« Cô đã lo liệu việc mời bác-sĩ chưa ? Tôi xin chịu hết mọi phí tổn. »

« Bộ anh tưởng chúng tôi muốn rêu rao câu chuyện nhơ-nhuốc mà chúng tôi đi khắp làng xóm chắc ? Mẹ tôi sẽ lo liệu tất cả mọi điều cần thiết. »

« Nhưng giả-thử có rủi ro thì sao ? »

« Và giả-thử anh đừng có nhúng mồm vào chuyện người khác. »

Hấn thở dài đứng dậy. Khi hấn khép cửa lại phía sau, nàng rời theo bóng hấn trên con đường nhỏ dẫn ra lộ. Nàng giận dữ nhận thấy rằng một vài điều hấn nói đã gây trong tâm-trí nàng một cảm giác mà với hấn nàng chẳng hề cảm thấy bao giờ.

Nàng kêu lên : « Chúa ơi, giúp con thêm nghị-lực ».

Thế rồi trong lúc hấn đang đi, con chó, một con chó già gia-đình nàng nuôi đã lâu, chạy xổ đến sủa dữ dội. Hấn đã cố tâm làm thân với con chó suốt mấy tháng nay, nhưng nó chẳng bao giờ đáp lại sự cầu thân ấy. Khi hấn thử vỗ về thì nó lùi lại nhe nanh gầm gừ. Và bây giờ trong lúc con chó chạy đến phía hấn, cơn giận làm những điều dồn ép bấy lâu bùng bùng nổi dậy, Hans bồng cho con chó một cái đá nên thân làm nó bắn vào bụi kêu ăng ăng, tập tễnh lùi mất.

Nàng kêu lên : « Đồ dã man, lão, lão, lão hết. Thế mà mình yếu lòng suýt nữa đi thương hại hấn. »

Cạnh cửa ra vào có treo một tấm gương, nàng tới bên soi bóng. Nàng kiễng lên, mỉm cười với bóng mình. Nhưng đây là một cái nhãn mặt gớm ghiếc hơn là một nụ cười.

Bảy giờ vào tháng Ba. Một vẻ hoạt-động tấp nập bao trùm các doanh-trại ở Soissons. Nào thanh-tra, nào thao luyện ráo riết. Các tin đồn loan khắp nơi. Không nghi-ngờ gì nữa họ sắp phải đi đâu đây, nhưng trong quân ngũ người ta chỉ có thể phỏng đoán.

Một vài người cho rằng có lẽ họ được chuẩn-bị để đổ bộ sang Anh, kẻ thì có ý-kiến là có thể họ sắp được gửi đi Balkans, người thì lại nói đến Ukraine. Hans bận tít tít. Mãi đến trưa chủ-nhật thứ nhì hấn mới được phép ra để tới trang trại. Hôm đó là một ngày xám lạnh với những mảng giá trong suốt cơ hồ chúng có thể biến thành tuyết rơi trong những trận mưa tuyết lộng gió bất ngờ. Đồng quê lạnh lẽo âm u.

« À cậu ! » Bà Perier kêu lên khi thấy hấn bước vào. « Gớm chúng tôi tưởng cậu chết rầm chết giúi ở đâu rồi ».

« Tôi không thể đến sớm được. Chúng tôi sắp phải đi rồi, chúng tôi không rõ phải đi lúc nào ».

« Đứa bé vừa mới chào đời sáng nay. Nó là con trai ».

Tim Hans rộn lên trong lồng ngực. Hấn dang tay ra ôm chầm lấy bà già và hôn cả hai bên má.

« Thằng bé sinh vào chủ-nhật, cu cậu chắc tốt số lắm. Nào mở champagne ra. Annette thế nào ? »

« Nó khỏe khoản lắm cậu ạ. Nó dễ dàng lắm. Nó chuyển bụng hồi tối qua và chừng năm giờ sáng nay thì đầu đã vào đấy ».

Lão Perier ngồi ôm lấy cái lò sưởi, phì phà hút thuốc. Lão ta lặng lẽ mỉm cười trước niềm hoan hỉ của gã thanh-niên.

« Đứa con đầu lòng bao giờ cũng làm ta cảm-động ».

Bà Perier nói : « Thằng bé tóc tốt và óng vàng như của cậu ; và mắt nó xanh đúng như cậu dự đoán. Thật tôi chưa từng thấy đứa bé nào khác đến thế. Thật giống bố như đúc ».

Hans kêu lên :

« Ôi, lạy Chúa, con sung sướng quá. Thế-giới mới tươi đẹp làm sao ! Tôi muốn gặp Annette ».

« Tôi không hiểu nó có muốn gặp cậu không ? Tôi không muốn làm nó trái ý e phượng hại đến sữa ».

« Không, không, đừng để cô ấy còn giận vì tôi. Nếu cô ấy không muốn gặp tôi cũng được. Nhưng làm ơn cho tôi xem đứa bé một phút thôi. »

« Để tôi xem sao đã. Tôi sẽ cố mang nó xuống. »

Bà Perier ra và họ nghe thấy tiếng chân nặng nề của bà ta dậm thành thịch trên thang. Nhưng ngay một lát sau họ lại nghe thấy tiếng chân bà ta chạy rầm rầm xuống. Bà ta chạy xộc vào bếp.

« Chúng nó không có ở đây ! Con Annette không có ở buồng. Đứa bé cũng đâu mất. »

Perier và Hans kêu lên và không kịp ý thức được hành-động của mình, cả ba chạy rầm rầm lên gác. Ánh sáng thê-lương của chiều đông chiếu xuống đám đồ đạc cũ kỹ, một chiếc giường sắt, một tủ đứng bằng gỗ tạp, một tủ ngăn thấp, bụi bặm tối tăm, không có một ai trong phòng.

Bà Perier gào lên : « Con bé đâu rồi ? ». Bà chạy vào hành lang hẹp mở cửa gọi tên con gái : « Annette, Annette. Trời ơi sao mà rồ dại thế ! »

« Có lẽ ở phòng khách. »

Họ chạy xuống gác vào phòng khách bỏ trống không dùng. Khí lạnh xông ra khi họ mở cửa. Họ mở cửa nhà kho.

« Nó đi khỏi nhà rồi. Chắc đã có chuyện chẳng lành xảy ra. »

Lo lắng, Hans hỏi : « Cô ta làm thế nào ra được ? »

« Qua cửa trước, sao mà ngu thế ! »

Lão Perier ra cửa xem.

« Đúng rồi. Then đã rút ra rồi. »

Bà Perier kêu lên « Ôi trời ơi là trời ơi, sao mà rồ dại thế, nó đến chết mất. »

Hans nói : « Chúng ta phải tìm cô ấy. » Vì là con đường hẻm vẫn ra vào luôn nên

theo linh-tính hẻm chạy thẳng vào bếp và mọi người chạy theo. « Đường nào ? »

Bà già nói không ra hơi : « Khe suối. »

Hắn đứng sững lại như bị kinh - hoàng biến thành đá. Hắn trợn mắt kinh hoàng nhìn bà già.

Bà ta kêu lên : « Tôi sợ lắm. Tôi sợ lắm. »

Hans mở tung cánh cửa, đứng lúc ấy Annette bước vào. Nàng chỉ phong phanh có tấm áo ngủ và một chiếc áo choàng bằng hàng rayon mỏng dính. Chiếc áo hồng, điểm hoa xanh. Người nàng ướt đầm, tóc xoã bờ thờ, dán sát vào đầu và rủ xuống bờ vai thành từng mớ rối bời. Nàng nhợt nhạt như xác chết. Bà Perier nhảy xổ ra ôm con vào lòng.

« Con vừa đi đâu thế ? khổ thân con tôi, ướt hết cả rồi. Sao con rồ dại thế. »

Nhưng Annette đẩy mẹ ra. Nàng nhìn Hans.

« Anh kia, anh đến đúng lúc lắm. »

Bà Perier kêu lên : « Đứa bé đâu ? »

« Tôi phải làm ngay. Tôi sợ nếu tôi chần chừ tôi sẽ mất can đảm. »

« Annette, cô làm gì ? »

« Tôi đã làm điều phải làm. Tôi mang nó ra suối và dìm nó cho đến chết. »

Hans thét lên, tiếng kêu của một con thú bị tử thương ; hai tay che mặt hắn chệnh choạng như một tên say rượu băng mình ra khỏi cửa. Annette gieo mình xuống ghế, gục đầu trên tay, òa lên khóc nức nở.

Dịch theo « The unconquered »
trong « Eight favorite stories » của W.S. Maugham

NGUYỄN

(17-10-59)

QUADROCHINE

(Pyrazolone + Phenacétine + Quinine + Vitamine C)

Le Remède par excellence contre la GRIPPE,

et les affections fébriles par refroidissements.



ERAVERM

(Hydrate de Piperazine)

Contre les oxyures et les ascaris (vers intestinaux)

Efficacité certaine — Bien toléré —

Goût agréable.

LABORATOIRES ASTA — WERKE A.G.

Chemische Fabrik

BRACWEDE — (Westf) ALLEMAGNE



Distributeur Exclusif pour le Viêt-Nam :

Pharmacie MY-CHAU

120 - 121, Bèn Chương Dương

SAIGON



TRUYỆN NGẮN

ÔNG QUẢN XA

Vũ-Nghị

QUẢN XA hợp cạn ly rượu trắng, dẫn ly xuống ván nghe «cộp» một tiếng, rồi nghiêm giọng từ-giã :

— Thôi, mấy anh ở chơi, tôi về trước đã !

Giọng nói chắc nịch. Chưa hết câu, chân đã buông xuống đất. Như thế là Quản Xa đã có ý giận rồi đấy. Giận vì lời nói vừa rồi của Năm-Thịnh. Mà Quản Xa khi đã thiết-tình giận bỏ về, thì rất khó đã-lã cho ông ta người-ngoại ở lại.

Biết mình đã lỡ lời, Năm-Thịnh không dám nói gì thêm. Những người khác đang cười, cũng im luôn. Nhưng Hai-Danh là chủ nhà, phải lên tiếng đưa vói theo một câu : «Anh về sao anh Quản?... Ở thôi, có bận gì thì về trước, tại tôi

lai-rai giây lát rồi cũng nghỉ đã!» Miệng thời nói vậy, chớ bụng đã đâm lo chuyện giận-hờn nhè xảy ra từ bữa rượu nơi nhà mình, biết rồi sẽ đưa tới đâu đây ?

Quản Xa vốn không hay phiền giận điều gì vụn-vặt. Lần này giận bỏ ra về như vậy, là chuyện đã quan-trọng đối với ông ta. Xưa nay ông vẫn được tiếng là điềm-đạm, hòa-nhã. Việc gì tưởng chừng có thể sanh xích-mịch, ông cũng chỉ cười hề-hà mà bỏ qua. Dường như ở đời, ông ta không cho có việc gì quan-trọng. Sống ở đời, y như ông ta ngồi trong canh bạc : những năm Quản Xa còn hay đánh bài, người ta thường gặp ông đang cầm quân bài trên tay mà ngủ gục ngon

lành, đến khi người bên cạnh vỗ vai kêu « Kia, ông Quản ! », mới giật mình tỉnh giấc, cười hề-hề đã-lã mà đánh tiếp Được, thua, chẳng bận tâm, cứ tan sòng là đứng dậy nói năm-ba câu với anh em rồi thủng-thỉnh ra về. Ruộng thì đời cha chỉ đời con vẫn là ruộng mướn, nhà thời năm này qua năm khác vẫn ba căn lá tron, trống trước trống sau, đùm-đậu cả cha, con, dâu, cháu, chớ có phải dư-án dư-để gì, thế mà vẫn vậy. Cái tên Quản Xa quen thuộc cũng nhờ tánh dễ-dãi ấy mà còn đến ngày nay, dù đã trải bao biến-thiên, và tuy chức Hương-quản của ông thật ra cũng đã chấm-dứt từ lâu trước cuộc kháng-chiến.

Một tay võ giỏi đấy. Mà chưa hề thấy Quản Xa cậy tài cậy sức với ai bao giờ. Trái lại, dễ nhờ-vả là khác. Cho nên ai cũng thương. Người đồng hạng thương vì cái nết hay chịu khó giúp đỡ, có thì có chung. Nhà giàu ở xóm trên thì thương vì nhờ được nhiều việc khó khăn. Như nhờ đi mua trâu chẳng hạn. Nguyên cả mấy bầy trâu tổng cộng hơn năm mươi đôi của các nhà đó, đều là nhờ một tay Quản Xa gây-dựng cả. Hơn hai mươi năm về trước, cứ thỉnh-thoảng họ đưa tiền nhờ ông lặn-lội qua những hạt Long-Xuyên, Châu-Đốc, Hà-Tiên, mua trâu bên Cao-Miên lùa về. Cho nên trâu cả xóm này. Quản Xa thuộc cả tên tuổi, dấu-tích từng con một. Nhưng cũng do đó, nửa đêm có bị trộm lùa trâu, họ cũng lại đập cửa ông ta nhờ đi tìm. Mà Quản Xa đã theo tìm, thì thật là vô-phước cho kẻ trộm. Dù nó có lùa trâu đi đủ cách quanh-co, lội bao nhiêu lung, qua bao nhiêu rạch, Quản Xa cũng theo được dấu, rượt đến tận nơi.

Năm 45, thanh-niên xóm này tổ-chức luyện-tập võ-nghe, cũng nhờ đến Quản Xa. Thôi thì đủ các môn : quyền, côn, đao, ná-lẫy, phi-tiểu, cho đến cả việc cứu chữa, băng-bó thương-tích bằng rễ cây, củ cỏ. Nhiều đêm liền, Quản Xa bảo đảm ngải với dấm, bắt các anh thoa bóp khắp châu thân, để vậy ngủ cho đến sáng mới được tắm rửa, báo-hại nhiều anh ban đêm không đi tán-tĩnh gì được, oán Quản Xa lắm. Nhưng không phục-tùng ông ta thì còn nhờ ai khác cho bằng ?

Những việc đó, Quản Xa đều làm y như việc nhà của mình. Nghĩa là vẫn sốt-sắng, đàng-hoàng, mà vẫn ung-dung giản-dị như không có chút gì là khó-khăn hay phải bận tâm lo nghĩ.

Chỉ trừ một vài việc như việc sau đây mà trước khi làm, người ta thấy Quản Xa có lộ vẻ đắn-đo, do-dự. Đó là vào những năm chiến-tranh đang còn dang-dai. Người ta triệt-để cấm mua hàng-hóa từ vùng quân Pháp kiểm-soát vào khu kháng-chiến, mà đồn bót Pháp cũng xét hỏi gắt-gao những người qua lại. Việc cấm-đoán lâu dần gây ra nhiều nỗi thiếu-thốn trong đời sống hằng ngày, nhất là đối với những vùng như địa-phương của Quản Xa, xưa nay chỉ chuyên sản-xuất độc một món duy-nhất là lúa gạo để đổi lấy tất cả các thứ cần-dùng từ thị-thành.

Quản Xa không phản-nản chút gì về sự cấm-đoán ấy. Điều gì nhiều người chung-quanh cho là phải, Quản Xa cũng dễ-dàng chấp-nhận là phải. Nhưng đến năm đó thì khổ quá, trong nhà không ai còn một tấm áo nào cho nên-thân. Nhuộm đi nhuộm lại thế bằng bùn non

đến vỏ chàm, bây giờ cái nào cái nấy đều đã biến hình thành một manh giẻ vá-quàng, mốc thich. Nhứt là quần áo cô con gái út của mình, thì Quần Xa không thể đề vầy mà nhìn được. Nghèo gì thì nghèo, khổ gì thì khổ, cũng phải giữ « nề-nếp ông bà ». Quần Xa băn-khoăn mất mấy hôm, rồi một chiều nọ, lẳng-lặng ra đi. Hai hôm sau, sáng tinh-sương, quảy về một bao bàng nhỏ trên vai, người ướt loi-ngoi, bùn đất vấy lên tới đầu « Nhảy dù » đấy! Có gì đâu: mười ngoài thước vải đen, chỉ ghé thêm vài bánh thuốc « khối » rẽ tiền, nòng cay mà khai như mùi nước dãi ngựa.

Vất-vả, chết sống, chỉ vì có bấy-nhiều thôi. Nguyên từ nhà băng tắt đường đồng ra đến lộ là nơi tiếp-giáp hai vùng, đã phải mất trọn một ngày hoặc một đêm rồi; từ đây đến chợ tỉnh lại phải mất già một buổi nữa. Lại phải biết rõ vị-tri các trạm gác cùng các lối đi lũng xét của dân-quân kháng-chiến, và các đồn bót Pháp mà tránh hoặc liệu cách qua cho êm xuôi. Đồn bót Pháp thì gắt-gao nhứt là bót Cầu Đức. Linh bót này đã dũ lại hay ăn tạp. Đền pha trên cầu quét mặt sông suốt đêm. Những hôm có động, lính canh nổ súng vào bất-cứ vật gì khả nghi. Quần Xa chờ tối đến, lội qua giữa sông, đội một dề lục-bình, một tay nâng cái bao cũng phủ kín lên khỏi mặt nước, một tay bơi nhẹ-nhẹ vừa đủ theo đà lục-bình trôi. Qua khỏi bót độ bảy, tám trăm thước, bây giờ mới lên bờ, để nguyên quần áo ướt mà băng đồng, lội sông, tránh tất cả mọi cây cầu, dù chỉ là cầu khỉ chông-chênh. Nửa đêm về sáng, có lúc lạnh run lên, cũng không dám dừng lại mà đốt một điếu

thuốc. Ruộng tháng giêng mới gặt xong, mặt đất phèn khô cứng đâm chân như đá, mà đất thịt bên dưới còn mềm, lổ trâu, đường cộ còn mới. sụp chân, vấp té bình-bịch mà không dám gượng; vì gượng không khéo có khi đến gãy chân, mà gượng cho khéo thì đi chậm quá, vả lại thét rồi cũng không còn hơi sức đâu mà gượng tránh nữa.

Sau đó, Quần Xa không hề tự-phụ về chuyến « nhảy dù » ấy, nhưng lại rất bằng lòng lấy mình ở chỗ đã làm được một việc ít ai làm nổi.

Đấy, tánh người xưa nay vẫn vậy. Chỉ cho là khó, việc nào chính ông ta đã làm hết sức mình mà vẫn không xong, chỉ cho là hay, kể nào đã làm cho chính mình phải phục ít ra là cũng một lần. Một phần vì vậy mà Quần Xa có vẻ dễ-dãi, hay coi thường mọi việc, nên rất ít khi thấy ông ta hờn giận điều gì. Thường chỉ cười hề-hà mà bỏ qua. Lần này Quần Xa lại giận thiệt tình như thế kia, thời chuyện đã quan-trọng đối với ông ta rồi đấy.

Chẳng qua nó là chuyện cô con gái út của ông. Nguyên ngày xưa, lúc ông «nhảy dù» mấy thước vải đen về cho cô, thời cô đang «còn chưa biết gì», nhưng bây giờ thì cô đã quá cái độ trắng tròn rồi. Cũng đã có vài nơi găm-ghé, song cô chưa ưng-ý — hay nói đúng hơn là Quần Xa chưa ưng-ý — nên vẫn còn chờ đấy. Mà chờ lâu ngày thì dễ sanh chuyện. Chuyện ấy bắt đầu từ hồi nào không rõ, mà lối tháng nay, lời đồn-đãi nhè đến tai Quần Xa. Rằng: người ta biết chắc-chắn là cô con gái út yên qui của ông ta đã có «mèo mỡ» với thằng Ba Thường là anh chàng lái cái máy cho Hai Danh.

Ba Thưởng nguyên tuy là em bà-con của Hai Danh nhưng không phải người gốc-gác nơi đây. Hai Danh thấy anh ta có hiểu biết về máy móc nhờ trước kia đã làm công cho các nhà máy xay, chuyên nghề phụ sửa máy, nên rủ anh ta về tiếp tay mình trông nom cái máy cày mới sắm. Mùa hạn, ngày ngày Ba Thưởng lái máy cày quanh vùng cày mướn; vài tháng đã làm quen với khắp các xóm này. Không hiểu nhờ cái bộ vó anh ta ngắt - ngưỡng trên tay lái chiếc máy cày to, mới lạ, trông nó « oai phùng lăm-lăm » ra sao, hay nhờ cái miệng lưỡi anh ta khôn khéo thế nào, mà Ba Thưởng về vùng này chẳng bao lâu, đã có chuyện đồn như trên đến tại Quản Xa.

Trót tháng nay, Quản Xa bụng giận lắm, nhưng miệng nhứt-định không hở một câu. Chưa rõ thiệt hư lẽ nào, ông không cãi gì lại lời đồn-đãi kia. Mà cũng chẳng thêm cật-vấn gì cô Út. Hạch hỏi con gái chuyện đó, là việc của đàn-bà, Quản Xa không thêm làm. Nếu bà Quản còn sống, bà làm vậy là phải. Chờ như ông, ông chỉ muốn bắt gặp tận-mặt mà thôi, nếu quả là có — vì cái lẽ chẳng có lửa thì sao có khói — ; như thế mới không cãi chối quanh-co với ông được. Mặt khác, con gái ông — ông biết hơn ai cả — xưa nay vẫn nết-na đứng-dắn, có lẽ nào xằng-bậy như vậy. Ông phải phăng cho ra cái kẻ khởi đầu câu chuyện dị-nghị này, xem nếu là nó bày điều vu-vơ cốt bêu xấu gia-đình ông, ông sẽ trừng-trị nó cho thật là đích-đáng mới nghe.

Giận mà để bụng, nó chất-chứa như lửa ngùn ruột than. Bữa nay có rượu,

Năm Thịnh hừng-chí nói xa nói gần tưởng là cho thêm vui câu chuyện, không ngờ lại là quạ cho lửa phừng lên. Thật ra, Quản Xa giận Năm Thịnh ít, mà giận vì cả câu chuyện con gái mình nhiều hơn, nên mới bỏ ra về.

Trời đã sụp tối từ nãy giờ. Trăng hai mươi còn lâu mới mọc. Đêm chưa khuya, mà khi Quản Xa về đến, trong nhà đã lặng-trang. Con trai, con dâu ông chắc đã ngủ sớm. Trước buồng cô Út, ngọn đèn dầu treo lủng-lẳng nơi khung cửa bước ra nhà trước lù-mù như hột đậu. Quản Xa lên ván nằm gác tay qua trán, bập điếu thuốc nghĩ-suy. Đóm lửa thuốc loé lên đều-đặn, mỗi lần ửng một quãng hồng lợt-lạt nho-nhỏ quanh nơi mặt Quản Xa, rồi sau cùng rơi xuống chân ván, lụn dầu. Trong nhà trở lại lặng-trang và gần như tối hẳn. Giây lâu, nghe có tiếng sột-soạt nơi vách sau, rồi một tiếng mèo ngao nho-nhỏ. Anh con trai từ buồng trong trở mình, giọng ngái-ngủ nhừa-nhựa : « Mèo... mấy con mèo quỉ.. »

Rượu uống không đủ để lảng hết bực - doc, nhưng có lẽ cũng đỡ được giấc ngủ êm hơn không bao lâu sau, hơi thở của Quản Xa nghe đã khá đều-đặn, thỉnh-thoảng còn điểm thêm một tiếng ngáy nho nhỏ trong cổ như muốn vẽ duyên. Tiếng động nơi nho-nhỏ trong nhà sau bây giờ bỗng lại nổi lên, lần này nghe rõ-ràng hơn trước. Quản Xa đang ngáy, vụt nhảy gọn-gàng xuống đất, phóng ba bước ra nhà sau, vừa làm-bầm mấy tiếng gì trong miệng. Cánh liếp sau lay động. Trời êm gió, mắt Quản Xa nhìn đêm như mắt mèo, một chút động-tĩnh bất-thường tuy nhỏ-nhít ấy cũng không lọt qua khỏi. Thì ra Quản Xa đã để ý tiếng động, tiếng

mèo kêu khác thường ngay từ lúc ban đầu, và ngủ đấy, là ngủ giả đồ mà thôi.

Đây cánh liếp lách mình ra, thì vừa kịp thấy một bóng đen vụt chạy về phía tàng cây vú sữa đen kịt. Bóng người chạy vội, nhưng tiếng chân vẫn nhẹ-nhàng. Đúng là trộm rồi! Quản Xa nhảy gọn theo. Tên trộm nhanh chân nhưng không thuộc lối vườn sau bằng Quản Xa, nên đến bờ giếng đã thấy lúng-túng. Vừa quay mình sang hướng khác, đã bị ông ta chặn đầu.

Quản Xa vừa bỏ chân tới chặn giò, vừa vói tay thộp ngực nó. Tên trộm bất-cập, nhảy dựng lên mà tránh chân Quản Xa, nhưng đồng thời chặt mạnh cạnh bàn tay xuống cổ tay ông già. Quản Xa tuy đã đề ý tiếng chân chạy của tên trộm, độ chừng nó cũng là tay « có nghề » nên đã có ý-thức đề-phòng, song chưa lường được tài sức kẻ lạ mặt, nên bất ngờ bị một đòn đau điếng cổ tay, tức giận lắm. Chừng đó mới biết nó không phải là tay tầm-thường, phải đề-dặt, giữ thế hơn.

Bị rượt nà, tên trộm chạy quỳnh, nhưng vì không thuộc lối, cứ bị Quản Xa chặn ngách, lúng túng mãi mà không thoát ra được vuông vườn. Bấy giờ trăng đã bắt đầu hừng sáng sau rặng cây ở chân trời. Trong nhà cũng đã có tiếng người lục-đục thức dậy.

Tên trộm bị vi sát bờ ao sau nhà, phải dùng thế độc mở lối thoát thân. Nó đá vụt vào hạ-bộ Quản Xa, đồng-thời đánh một đòn ngay tam-tinh ông. Có tránh được đòn đó, ông cũng sẽ mất trớn thế công, thừa dịp nó sẽ phóng nước đại. Nhưng Quản Xa đã lanh mắt, kịp-thời đón trước ngọn

đòn, xoay ngang mình tránh ngọn cước độc, lợi-dụng luôn cái đà của địch-thủ, bắt lấy cánh tay mặt nó vừa thoi ra, kéo nhẹ nó tới trước, rồi gác ngược ra sau. Tên trộm la « Ôi cha ! » một tiếng, rồi xuôi tay luôn. Tay trái và cần cổ nó đã nằm gọn trong hai tay của ông già. Nó giãy giụa, nhưng càng giãy, gông càng siết chặt, rốt cuộc nó đành chịu phép đứng yên, nghệt họng, thở ò-ò.

Kể ra đường quyền của tên này cũng khá lắm, nhưng chắc là nó chưa biết tay ông nên mới cả gan tới rình trộm nhà này. Quản Xa kéo ngửa cổ nó ra nhìn. Anh trắng mờ quá, ông nghiêng đầu kê sát mặt mình tới, nhìn kỹ lại, rồi sừng-sốt kêu lên : « Thằng Thưởng ! Mày... », kể ghen lời, nín thinh luôn.

Ba Thưởng nghe cánh tay ông già rần-rần trên cổ mình, biết ông ta đã giận run, càng hết hồn : Quản Xa mà siết một cái là anh ta rồi đời. Nhưng Quản Xa bỗng buông cả hai tay ra, đồng-thời lại đập cho va một đập té lăn cù. Lồm-cồm ngồi dậy, thời thấy anh con trai bấy giờ giờ cũng xách một bó đuốc lá dừa chạy ra tiếp sức cha. Nhưng vừa đến chỗ hai người, lửa đuốc vừa soi rõ gương mặt Ba Thưởng,, anh ta khựng lại như bị trời trồng, tay vẫn đưa cao bó đuốc, soi đa gương mặt : một già hàm-hàm, một trẻ sượng-sùng, nhãn nhỏ, và chính mặt anh ta thì chùng-hững.

Hàng xóm có tiếng hỏi vọng qua : « Việc gì đó anh Quản ? Có việc gì không út ơi ? »

Câu hỏi làm Quản Xa giật mình. Ông ta xô vai Ba Thưởng, hạ lệnh gọn lỏn :

« Vô nhà » ! Ba Thường riu-riu đi trước, Quản Xa chăm-chăm theo sau, anh con trai dụi bó đuốc, lặng-thình theo đoạn-hậu.

Vào nhà, Quản Xa chăm-rải vắn thuốc hút, để cho Ba Thường đứng xờ-rờ hồi lâu rồi mới chỉ bộ vắn mà bảo : « Ngồi đó ! » Đoạn, day qua con trai, ông nói :

— Đừng xờ-rờ làm gì đó ? Lại ôm tay chân nó cho tao. Khóa cho chặt, đừng cho nó giẫy bậy !

Ba Thường vừa kê-né ngồi lên mép vắn, nghe nói hết-hồn, dợm đứng lên thì đã bị ôm cứng, một tay đã xuôi-xì lại đau nhức, chỉ còn một tay không cựa-cựa gì được. Quản Xa bước lại vừa xoay thử nắm tay xem cổ tay mình đã hết đau chưa, đoạn tay trái nắm lấy chỏ-vai đau của Ba Thường mấn bóp vài cái. Đau quá sức, Ba Thường nhăn mặt dợm la lớn, nhưng sợ ông già, ráng cần rắng mà chịu. Thình-lình ông già chụp cánh tay đau của Ba Thường, giựt mạnh. Ba Thường la chối lên « Ôi cha ! » rồi sực nhớ, lại nín bặt. Ông già nạt Ba Thường một tiếng « Hừ ! », rồi bảo con trai vào buồng trong lấy chai thuốc của ông ra thoa bóp chỏ-vai đau của va bấy giờ đã hết trặc.

Cửa buồng trong, cô Út nghe la, ló đầu ra xem, nhưng thấy không có gì lạ, liền thụt trở vô. Tuy cô núp theo bóng tối, nhưng cũng không thoát khỏi cặp mắt của Quản Xa. Ông già hét :

— Con Út, ra đây biểu !

Cô Út này giờ đã thất thần, muốn tông cửa mà chạy qua hàng xóm, bây giờ càng sợ quỳnh. Quản Xa phải hét lần thứ nhì, cô mới riu-riu bước ra dựa cột, mặt cúi

gằm xuống đất. Ba Thường thì không dám ngó một ai, cứ nhìn xuống hai ngón chân cái vô-duyên của mình. Quản Xa không nói rằng gì cả, làm cô Út càng run chân. Chợt ông vỗ bàn nạt :

— Muốn chết sao mà đứng như trời trồng ở đó ? Xuống nấu miếng nước uống coi ! Cái quân bậy...

Cô thoát nạn, chạy vụt xuống bếp. Quản Xa lại ngồi lặng thình-hút thuốc liên-tiếp ..

Hai tuần sau, có tin Ba Thường cậy Hai Danh tới hỏi cô Út, kể có tin Quản Xa mời họ-hàng đến dự đám gả-cô-Út cho anh thợ cày Ba Thường. Riêng Hai Danh gặp lại Năm Thỉnh vỗ vai anh này cười ha-hả :

— Anh khích-tương vậy mà hay đó. Đám này, đầu heo về anh đa !

Năm Thỉnh cũng cười :

— Vậy chờ sao ! Nhưng nói đúng mà nghe : đám này mà thành, không phải vì tội mình nói xiêng nói xéo, cũng không phải tại Quản Xa sợ xấu-hổ đâu. Nếu xấu-hổ, thì thà là ảnh đuổi con Út đi mà thôi. Tánh ảnh như vậy. Lẽ chánh mà ảnh chịu gả đây, là vì ảnh đã « ký - phùng địch - thủ » đó đa. Thằng Thường võ nghệ-cũng khá đó chứ. Ảnh biết nó nhện ảnh, chứ nó mà đánh thiệt tình, thì chưa chắc ảnh đã bắt được nó, mà cũng không phải ảnh chỉ có sưng cổ tay mà thôi đâu. Ảnh chịu nó là chịu nhứt ở chỗ đó. Dù đối-địch với ảnh, mà có chỗ đáng phục thì ảnh cũng phục thiệt-tình, cái tánh « anh-hùng hảo-hơn » nông-dân của Quản Xa xưa nay là vậy, tôi biết mà !

VŨ-NGHI

HỘP THƯ BÁCH KHOA

Bách-Khoa đã nhận được :

— Đầy voi (Cung - Trường) Rừng
Phượng-Nam — Vài ý-kiến về thi
ca Việt-Nam hiện thời (Đan-Thanh)
Cỏ đơn — Em không về... (Đường
Viễn - Phương) Bài ca Thất-Sơn
(Huỳnh-Thanh-Tòng) Gió lạnh miền
Nam — Ngóng trông (Trần - Hà-
Trung) Chân-tinh — Sơn Khê — Tàu
đời Trầm-tư (Thanh-Việt-Thanh)
Hòn sỏi (Liên - Văn) Ngâm Ngủi
(Xuân-Viên) Ngày ấy quen nhau,
Bẽ bàng (Thiên-Nhất-Phương) Vào
chuyện (Lê-Hùng). Huyền-diệu —
Cổ-Lũ — Giấc mơ chiều (Kiều-
Trung-Phương). Mấy nhịp cầu tre
— Bên sông vắng — Trăng khuya
(Trần-Đình-Hiền).

Xin trân trọng cảm ơn các bạn.

— Anh Thanh-Lâm. Thư và thơ rất chân
thành. Tiếc rằng đề tài nhiều
người đã viết. Bạn thử tìm một
hương riêng ?

Anh Hương Quy. — Sẽ góp ý riêng với
anh về mấy bài sau. Sẽ lựa đăng.

Ô. Quan-thị-Châu : Xin cho biết tên
thực và địa chỉ hiện tại để tiện liên
lạc.

Ô. Phan - văn - Căn (Phong - Mỹ, Cao-
Lãnh) : Chúng tôi đã nhận được
thư của ông — những nhận xét của
ông thực xác đáng và khuyến-khích
chúng tôi rất nhiều. Xin chân-
thành cảm tạ ông.

Ô. Băng-Đinh : Đã nhận đủ thơ và
nhạc-phẩm ông gửi, thành thật
cảm ơn. Sẽ xin trả lời dần.

Những bài không đăng : Nghe trong đêm
trần trọc (B. T. N. V. H.), Tình mơ (P.
T. H.), Bệnh viện — Người (H. L.),
Mong chờ — Tạ từ (L. P.), Phố
Châu-ô — Mưa đêm (Đ. N. S.), Đường
về (N. Q. T.), Hương đời (P. H. Đ.),
Trao duyên (T. S. V. D. C.).

« Thành tích và nhược điểm của
nền kinh-tế Đ. L... (N. T. Đ).

Những bài trên đây, vì nhiều
lý do, nên rất tiếc không đăng
ngay được. Mong đợi các bạn gửi
thêm những bài khác nữa.

THI ĐUA TRÌNH BÀY SÁCH BÁO

Nhà Thống-Nhất sẽ tổ-chức một cuộc thi đua trình bày các
sách báo một cách mỹ-thuật tại sạp trong Đô-Thành.

Cuộc thi đua này sẽ kéo dài trong một thời hạn một tháng, kể từ ngày
3-3-60 đến 4-4-60.

Các báo chí Thủ-đô đều hoan nghênh công việc cải tiến nghề nghiệp
phát-hành sách báo trên đây của nhà phát hành Thống-Nhất.

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

Bách-khoa vừa nhận được :

- « **Luận và dịch Pháp-Văn Đệ-Nhị** », của Ô. Nguyễn-Ngọc-Quang, Giáo-sư Đệ - Nhị trường Trung - học Nguyễn-Đình-Chiều (Mỹ-Tho) soạn theo chương - trình mới của bộ Quốc-gia Giáo-dục, gồm nhiều đề tài phổ-thông, và do nhà xuất-bản Đất - Nước, 24, Nguyễn-An-Ninh, gửi tặng, giá 36\$
- « **Cơ-học** », chương-trình Đệ-Nhất, A, B, D, do hai giáo-sư Đỗ-Minh-Tiết và Nguyễn-Hữu-Kê soạn theo chương-trình của bộ Q.G.G.D. và nhà sách Yên-Sơn xuất-bản giá 45\$.
- « **Tò-Mò Toán-học** » (Tập I) của Ô. Lưu-Như-Hải, giáo-sư trường Sao-Mai Đà-nẵng, soạn theo trình-độ đệ Lục đến đệ Tam, do soạn-giả gửi tặng.
- « **Toán Điện-học, Đệ-Nhị** » của ông Hà-Văn-Dương soạn và nhà sách Yên-Sơn xuất-bản và gửi tặng, giá 45\$.
- « **Lá thư Hè** » bản dịch đối chiếu Pháp-Việt « *Lettre de mon moulin* » của Alphonse Daudet và do các ông Nguyễn-Xuân-Hiếu và Trần-Mộng-Thu dịch, nhà Zièn-hồng

xuất-bản và gửi tặng. Sách trình-bày đẹp, giá 42\$.

- « **Việt-Nam văn-học toàn-thư** » quyển 2 (phần Cổ Tích) của ông Hoàng-Trọng-Miễn soạn và gửi tặng. Sách dày trên 400 trang ấn-loát mỹ-thuật gồm những truyện cổ-truyền về lịch-sử, phong-tục, thế-sự, tình-cảm, tôn - giáo hoang-đường... Tác-giả sưu-tầm có thêm 30 phụ-bản nghệ-thuật cổ-đại Việt-Nam. Bản đặc-biệt, không ghi giá.
- « **Đặc-san Mùa Thi** » của Liên - đội Lê-Lợi, lớp Tư II, trường Tân-I hương (Gia-Định), do hiệu-đoàn Tân-Phương gửi tặng. Đặc-san này in rô-nê-ô, không đề giá.
- Nhạc phẩm « **Nguyện cầu** » của Phúc-Linh và Đan-Tâm do thi sĩ Bằng-Đình gửi tặng, « **Nguyện Cầu** » là ấn phẩm thứ 14 của Viện Xuất-bản Huyền-Trang, hình do Duy-Liêm minh họa và khuôn nhạc do Lê-Mộng-Bảo trình bày. Nhạc phẩm giá 6\$, có bán tại các hiệu nhạc và sách.
- « **Mau đi em, ngày tháng có đâu nhiều** » nhạc phẩm của Thanh-Bình do Hoa-Hồng Thư-Xã xuất-bản và tác-giả gửi tặng, giá bán 5\$.

ĐÍNH CHÍNH

Trong Bách-Khoa số này (77) «bài **Đính chính sử-liệu Việt-Nam**» của Ô. Nguyễn-Hiến-Lê và Nguyễn-Hữu-Ngư trang 19, đầu cột 1, có in thừa một đoạn chữ ngã: *Một học giả Trung-Quốc với vấn đề đính chính sử-liệu Việt-Nam do ông Trương - Công - Cửu đề-xướng tại Đài-Loan.*

Mong các bạn bỏ giùm một câu, và chúng tôi xin trân trọng cáo lỗi cùng tác-giả và các độc-giả.

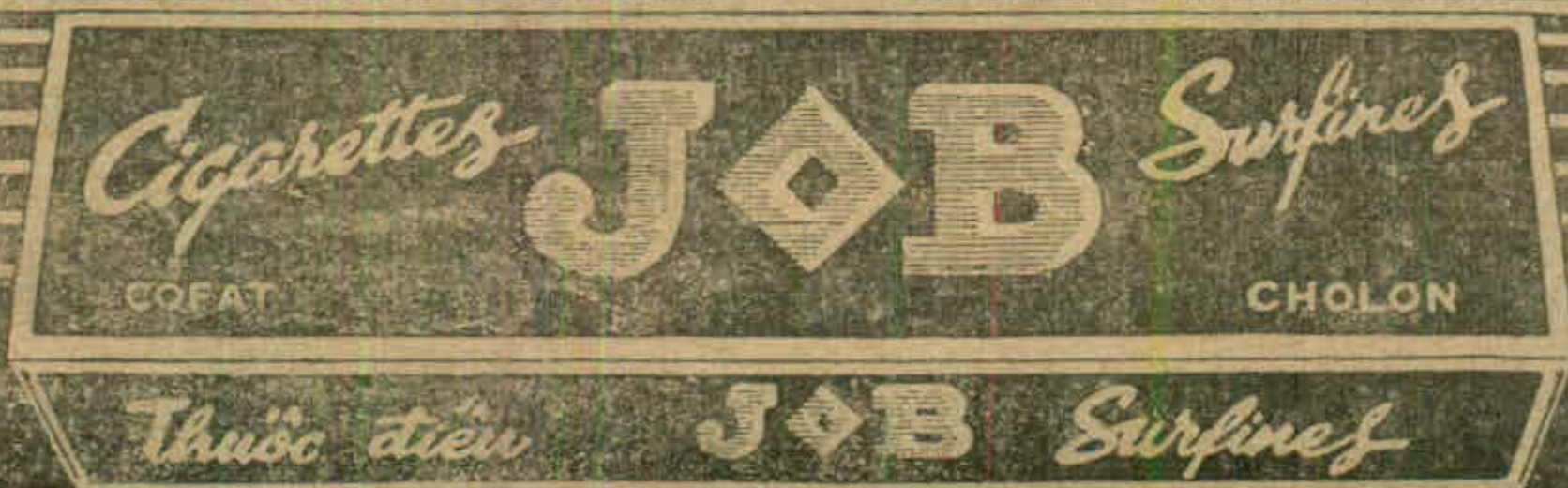
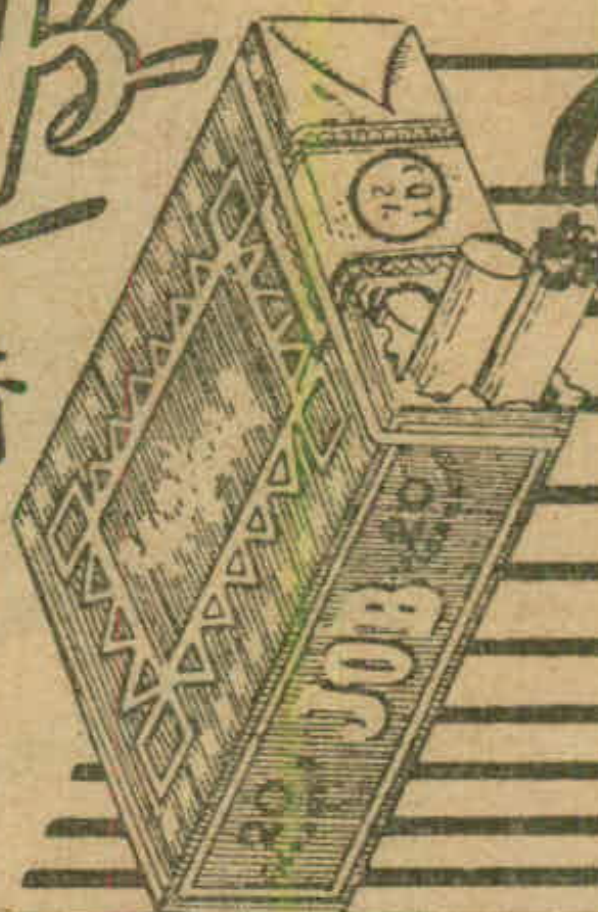
高發烟廠出品

THUỐC LÁ JOB
 MÙI ỀM DỊU
 KHỎI THƠM SẠY
 HƯƠNG - VỊ NGẠT - NGÀO
 KHÁP GẦN XA NƯỚC TIẾNG

NÊN HÚT THUỐC LÁ

JOB

請吸
 金字烟



Spring



Thuốc thơm điển đại :

"MÙA XUÂN"

HƯƠNG-VỊ HUÊ-KỲ

**GÍA
BÌNH DÂN**

10%

Hút Thuốc Thơm

Mã nhất tâm



Sảng Tinh Thần

Sản -

- Nghe -

- Li

GIÁ HẠ

15 \$

